BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI LẠI HK2 (2020-2021) - ĐỢT 1

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1	189073	Thái Huỳnh Sơn Điền	24/01/2000	Nam	18CKO-TT		011800113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
2	180231	Nguyễn Nhật Duy	03/03/2000	Nam	18CKO-TT		011800113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
3	188928	Nguyễn Trần An Duy	19/05/2000	Nam	18CKO-TT		011800113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
4	189024	Nguyễn Thành Nhi	02/09/2000	Nam	18CKO-TT		011800113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
5	189073	Thái Huỳnh Sơn Điền	24/01/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
6	180231	Nguyễn Nhật Duy	03/03/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
7	188928	Nguyễn Trần An Duy	19/05/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
8	180331	Võ Minh Luân	25/06/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
9	189024	Nguyễn Thành Nhi	02/09/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
10	180292	Trần Quốc Tính	09/09/2000	Nam	18CKO-TT		011800111301	Lý thuyết ô tô	
11	1810264	Bùi Hoài Ân	10/08/2000	Nam	18QTK-TT		011800077401	Quản trị chất lượng	
12	189835	Ngô Lý Quỳnh Như	06/07/2000	Nữ	18QTK-TT		011800077401	Quản trị chất lượng	
13	180269	Nguyễn Hữu Tín	16/04/2000	Nam	18QTK-TT		011800077401	Quản trị chất lượng	
14	1810625	Nguyễn Phi Trường	31/10/1999	Nam	19CKO-TT	DH20KQT01	010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
15	1810625	Nguyễn Phi Trường	31/10/1999	Nam	19CKO-TT	DH20KTO03	010100064124	Kinh tế chính trị	
16	199863	Liên Hải Đăng	18/07/2000	Nam	19CKO-TT		011800108301	Nguyên lý máy-Chi tiết máy	
17	1910019	Nguyễn Phạm Tường	30/01/2001	Nam	19CKO-TT		011800108301	Nguyên lý máy-Chi tiết máy	
18	1810625	Nguyễn Phi Trường	31/10/1999	Nam	19CKO-TT	20CKO-TT	011800089901	Toán cao cấp 2	
19	199879	Mai Ngọc Quỳnh Dao	25/03/00	Nữ	19QTK-TT		011800061301	Hành vi tổ chức	
20	199756	Nguyễn Hoàng Phương Kiều Linh	02/09/2001	Nữ	19QTK-TT		011800061301	Hành vi tổ chức	
21	199879	Mai Ngọc Quỳnh Dao	25/03/00	Nữ	19QTK-TT		011800072501	Nghiên cứu Marketing	
22	199756	Nguyễn Hoàng Phương Kiều Linh	02/09/2001	Nữ	19QTK-TT		011800072501	Nghiên cứu Marketing	
23	190912	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	07/04/2001	Nữ	19TIN-TT		011800086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
24	190937	Nguyễn Tấn Lộc	16/10/2001	Nam	19TIN-TT		011800086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
25	192577	Bùi Ái Xuân	01/03/2001	Nữ	19TIN-TT		011800086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
26	192229	Danh Duy	10/06/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
27	191270	Phạm Văn Hiếu	15/12/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
28	199425	Nguyễn Nhựt Khang	10/04/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
29	192122	Cao Trương Kiệt	29/11/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
30	190912	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	07/04/2001	Nữ	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
31	190937	Nguyễn Tấn Lộc	16/10/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
32	190741	Nguyễn Trí Thiện	19/04/2001	Nam	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
33	192577	Bùi Ái Xuân	01/03/2001	Nữ	19TIN-TT		011800099201	Kỹ thuật đồ họa	
34	192466	Hoàng Bá	17/08/2001	Nam	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
35	1910042	Phạm Ngọc Hải Đăng	12/11/1999	Nam	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
36	1910066	Trương Mỹ Hân	29/10/2001	Nữ	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
37	192200	Trần Thị Kim Hạnh	26/07/2000	Nữ	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
38	192205	Nguyễn Phương Thúy	09/05/2001	Nữ	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
39	199880	Trần Thùy Trang	17/07/2001	Nữ	19XET-TT		011800087501	Hóa sinh 1	
40	1910042	Phạm Ngọc Hải Đăng	12/11/1999	Nam	19XET-TT		011800119301	Vi sinh 1	
41	192200	Trần Thị Kim Hạnh	26/07/2000	Nữ	19XET-TT		011800119301	Vi sinh 1	
42	192205	Nguyễn Phương Thúy	09/05/2001	Nữ	19XET-TT		011800119301	Vi sinh 1	
43	201984	Huỳnh Duy Khánh	03/11/2002	Nam	20CKO-TT		011800089901	Toán cao cấp 2	
44	202989	Bùi Đan Trường	04/10/2002	Nam	20CKO-TT		011800089901	Toán cao cấp 2	
45	202414	Nguyễn Hoàng Huynh	14/12/2002	Nam	20QTK-TT		011800064101	Kinh tế chính trị	
46	155402	Huỳnh Anh Phong	29/7/1997	Nam	CD15DUO01	DH20HAY01	010100046701	Giải phẫu	
47	1421304718	Nguyễn Lâm Thanh Phú	03/07/1996	Nam	DH14KTR01	DH20XDU01	010100089801	Toán cao cấp 1	
48	151063	Nguyễn Hữu Nghĩa	15/05/1996	Nam	DH15CNT01	DH20CNT01	010100025801	Hóa hữu cơ	
49	150750	Vũ Phương Bắc	06/08/1997	Nam	DH15DUO01	DH20DUO01	010200026402	Hóa hữu cơ 2	
50	151682	Huỳnh Lê Xuân Thảo	23/11/1997	Nữ	DH15DUO02	DH17DUO01	010200044603	Dược học cổ truyền	
51	150816	Đặng Thị Cẩm Tiên	12/12/1995	Nữ	DH15QHC01	DH20XDU01	010100089801	Toán cao cấp 1	
52	151669	Lâm Thị Thúy Hằng	01/12/1996	Nữ	DH16DUO01		010200146001	Chăm sóc dược	
53	151753	Lương Văn Tiểu Linh	16/03/1995	Nam	DH16DUO01		010200146001	Chăm sóc dược	
54	151669	Lâm Thị Thúy Hằng	01/12/1996	Nữ	DH16DUO01		010200046304	Độ ổn định của thuốc	
55	151753	Lương Văn Tiểu Linh	16/03/1995	Nam	DH16DUO01		010200046304	Độ ổn định của thuốc	
56	151669	Lâm Thị Thúy Hằng	01/12/1996	Nữ	DH16DUO01		010200053304	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
57	151753	Lương Văn Tiểu Linh	16/03/1995	Nam	DH16DUO01		010200053304	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
58	165816	Trương Trường Giang	04/10/1998	Nam	DH16DUO02		010200046305	Độ ổn định của thuốc	
59	150650	Trần Thị Minh Tiến	29/01/1997	Nữ	DH16DUO02		010200046305	Độ ổn định của thuốc	
60	166171	Trần Mỹ Linh	23/11/1998	Nữ	DH16DUO03		010200146003	Chăm sóc dược	
61	166719	Nguyễn Phùng Ngọc Mai	29/09/1998	Nữ	DH16DUO03		010200146003	Chăm sóc dược	
62	166754	Cà Thảo Băng Nhi	11/02/1997	Nữ	DH16DUO03		010200146003	Chăm sóc dược	
63	165638	Phạm Thu Thảo	19/03/1998	Nữ	DH16DUO03		010200146003	Chăm sóc dược	
64	166410	Nguyễn Thúy Vi	08/02/1998	Nữ	DH16DUO03		010200146003	Chăm sóc dược	
65	166171	Trần Mỹ Linh	23/11/1998	Nữ	DH16DUO03		010200046303	Độ ổn định của thuốc	
66	166719	Nguyễn Phùng Ngọc Mai	29/09/1998	Nữ	DH16DUO03		010200046303	Độ ổn định của thuốc	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
67	166754	Cà Thảo Băng Nhi	11/02/1997	Nữ	DH16DUO03		010200046303	Độ ổn định của thuốc	
68	166410	Nguyễn Thúy Vi	08/02/1998	Nữ	DH16DUO03		010200046303	Độ ổn định của thuốc	
69	166171	Trần Mỹ Linh	23/11/1998	Nữ	DH16DUO03		010200053302	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
70	166719	Nguyễn Phùng Ngọc Mai	29/09/1998	Nữ	DH16DUO03		010200053302	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
71	166754	Cà Thảo Băng Nhi	11/02/1997	Nữ	DH16DUO03		010200053302	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
72	166410	Nguyễn Thúy Vi	08/02/1998	Nữ	DH16DUO03		010200053302	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
73	166707	Tạ Thị Ngọc Phát	04/07/1998	Nữ	DH16DUO04	DH20DUO01	010200026402	Hóa hữu cơ 2	
74	166016	Trương Thành Bảo	28/04/1998	Nam	DH16DUO05		010200146005	Chăm sóc dược	
75	165749	Nguyễn Minh Giàu	03/09/1997	Nam	DH16DUO05		010200146005	Chăm sóc dược	
76	166323	Lâm Nhật Hoa	11/10/1998	Nữ	DH16DUO05		010200146005	Chăm sóc dược	
77	165749	Nguyễn Minh Giàu	03/09/1997	Nam	DH16DUO05		010200046301	Độ ổn định của thuốc	
78	166323	Lâm Nhật Hoa	11/10/1998	Nữ	DH16DUO05		010200046301	Độ ổn định của thuốc	
79	165618	Nguyễn Đình Huỳnh Vủ	09/10/1997	Nam	DH16DUO05		010200046301	Độ ổn định của thuốc	
80	165749	Nguyễn Minh Giàu	03/09/1997	Nam	DH16DUO05		010200053301	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
81	166323	Lâm Nhật Hoa	11/10/1998	Nữ	DH16DUO05		010200053301	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
82	165618	Nguyễn Đình Huỳnh Vủ	09/10/1997	Nam	DH16DUO05		010200053301	Sản xuất thuốc từ dược liệu	
83	166093	Lý Vương Sĩ Đức	23/11/1998	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
84	165910	Lê Khải Duy	20/01/1998	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
85	166627	Nguyễn Đức Duy	20/08/1998	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
86	150596	Nguyễn Trung Hậu	13/02/1997	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
87	166698	Nguyễn Hoàng Khang	10/11/1998	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
88	151524	Trần Minh Thiện	06/06/1997	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
89	151216	Đỗ Quốc Toàn	07/09/1997	Nam	DH16KTR01		010200034501	Phong thủy	
90	165654	Nguyễn Văn Nhân	25/01/1996	Nam	DH16QHC01	DH17QHC01	010100085501	Truyền thông và toàn cầu hóa	
91	151451	Huỳnh Thanh Sơn	11/02/1997	Nam	DH16QLT01	DH17QLT01	010100038001	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	
92	166673	Nguyễn Nhật Thanh	08/11/1992	Nam	DH16QTK01	DH19QTK04	010100079010	Quản trị nhân lực	
93	166206	Võ Anh Phi Vũ	19/02/1998	Nam	DH16TIN02	DH18TIN02	010100099502	Điện toán đám mây	
94	166206	Võ Anh Phi Vũ	19/02/1998	Nam	DH16TIN02	DH17TIN02	010100154702	Hệ thống thương mại điện tử	
95	178235	Phan Thị Liên	30/06/1999	Nữ	DH17CNT01		010100153901	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm	
96	176976	Nguyễn Thị Mỷ Linh	24/12/1999	Nữ	DH17CNT01		010100153901	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm	
97	176338	Nguyễn Bùi Thiệu	15/02/1998	Nam	DH17CNT01		010100153901	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm	
98	176932	Nguyễn Quyền Trân	19/07/1998	Nữ	DH17CNT01		010100153901	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm	
99	176876	Nguyễn Duy Tính	27/11/1999	Nam	DH17CNT01	DH20XDU01	010100089801	Toán cao cấp 1	
100	166120	Trần Hoàng Minh Đăng	16/06/1998	Nam	DH17DUO01		010200044603	Dược học cổ truyền	
101	166059	Lê Hồng Lam	04/06/1998	Nữ	DH17DUO01		010200044603	Dược học cổ truyền	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
102	178149	Nguyễn Nhật Linh	28/05/1998	Nam	DH17DUO01		010200044603	Dược học cổ truyền	
103	166894	Trần Phúc	13/10/1996	Nam	DH17DUO01		010200044603	Dược học cổ truyền	
104	177526	Mai Nguyễn Khánh Quỳnh	01/10/1999	Nữ	DH17DUO01		010200044603	Dược học cổ truyền	
105	178010	Lê Thanh Cao	19/04/1999	Nam	DH17DUO01		010200045703	Dược lý 2	
106	177526	Mai Nguyễn Khánh Quỳnh	01/10/1999	Nữ	DH17DUO01		010200045703	Dược lý 2	
107	177526	Mai Nguyễn Khánh Quỳnh	01/10/1999	Nữ	DH17DUO01	DH20DUO02	010200026401	Hóa hữu cơ 2	
108	166059	Lê Hồng Lam	04/06/1998	Nữ	DH17DUO01		010200053006	Sản xuất thuốc 2	
109	178149	Nguyễn Nhật Linh	28/05/1998	Nam	DH17DUO01		010200053006	Sản xuất thuốc 2	
110	166894	Trần Phúc	13/10/1996	Nam	DH17DUO01		010200053006	Sản xuất thuốc 2	
111	151283	Nguyễn Thị Kim Dàng	07/09/1997	Nữ	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
112	176533	Võ Chí Hiếu	03/11/1999	Nam	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
113	176600	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1999	Nam	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
114	150638	Quang Anh Kiệt	23/07/1997	Nam	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
115	166027	Phạm Thị Thảo Nguyên	18/03/1998	Nữ	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
116	177747	Đặng Thị Phương Tha	07/04/1998	Nữ	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
117	178085	Nguyễn Nhật Trường	23/02/1997	Nam	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
118	176250	Trần Thúy Vy	25/06/1999	Nữ	DH17DUO02		010200044604	Dược học cổ truyền	
119	176600	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1999	Nam	DH17DUO02		010200045704	Dược lý 2	
120	176250	Trần Thúy Vy	25/06/1999	Nữ	DH17DUO02		010200045704	Dược lý 2	
121	176533	Võ Chí Hiếu	03/11/1999	Nam	DH17DUO02		010200053005	Sản xuất thuốc 2	
122	176600	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1999	Nam	DH17DUO02		010200053005	Sản xuất thuốc 2	
123	150638	Quang Anh Kiệt	23/07/1997	Nam	DH17DUO02		010200053005	Sản xuất thuốc 2	
124	176250	Trần Thúy Vy	25/06/1999	Nữ	DH17DUO02		010200053005	Sản xuất thuốc 2	
125	177104	Lý Thanh Tâm	19/09/1999	Nam	DH17DUO03		010200044605	Dược học cổ truyền	
126	177597	Nguyễn Đoàn Lê Mộng Tuyền	16/07/1999	Nữ	DH17DUO03		010200044605	Dược học cổ truyền	
127	177597	Nguyễn Đoàn Lê Mộng Tuyền	16/07/1999	Nữ	DH17DUO03		010200045705	Dược lý 2	
128	177597	Nguyễn Đoàn Lê Mộng Tuyền	16/07/1999	Nữ	DH17DUO03		010200053004	Sản xuất thuốc 2	
129	176312	Sơn Khương Ly Bình	14/03/1999	Nam	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
130	176954	Hồ Quốc Cường	26/10/1999	Nam	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
131	177984	Nguyễn Đặng Phúc Nguyên	02/08/1999	Nam	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
132	176858	Trương Kim Thùy	10/04/1999	Nữ	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
133	176565	Phạm Hoàng Tiến	07/01/1999	Nam	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
134	175623	Trần Thị Lệ Trinh	29/06/1997	Nữ	DH17DUO04		010200044606	Dược học cổ truyền	
135	175623	Trần Thị Lệ Trinh	29/06/1997	Nữ	DH17DUO04		010200045706	Dược lý 2	
136	175623	Trần Thị Lệ Trinh	29/06/1997	Nữ	DH17DUO04		010200053003	Sản xuất thuốc 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
137	177870	Trần Thu Ba	27/09/1999	Nữ	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
138	178317	Quách Gia Huy	01/12/1999	Nam	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
139	176634	Lý Đăng Khoa	14/08/1999	Nam	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
140	176044	Nguyễn Tuyết Linh	15/05/1995	Nữ	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
141	176686	Lê Hoàng Thương	01/05/1999	Nam	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
142	175980	Đinh Khắc Toàn	28/12/1999	Nam	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
143	175771	Nguyễn Trịnh Gia Tôn	03/01/1999	Nam	DH17DUO05		010200044601	Dược học cổ truyền	
144	177870	Trần Thu Ba	27/09/1999	Nữ	DH17DUO05		010200045701	Dược lý 2	
145	175771	Nguyễn Trịnh Gia Tôn	03/01/1999	Nam	DH17DUO05		010200045701	Dược lý 2	
146	176708	Trương Ngọc Đào	20/07/1999	Nữ	DH17DUO06		010200044602	Dược học cổ truyền	
147	177333	Đào Thành Đạt	25/09/1995	Nam	DH17DUO06		010200044602	Dược học cổ truyền	
148	176383	Hà Hải Đường	25/05/1999	Nam	DH17DUO06		010200044602	Dược học cổ truyền	
149	178330	Nguyễn Thanh Lâm	10/12/1997	Nam	DH17DUO06		010200044602	Dược học cổ truyền	
150	175629	Lê Hồ Hải Đăng	03/10/1999	Nam	DH17HAY01		010100124702	An toàn bức xạ	
151	176995	Hồ Phước Hải	24/12/1999	Nam	DH17HAY01		010100124702	An toàn bức xạ	
152	176124	Võ Quốc Khanh	30/03/1998	Nam	DH17HAY01		010100124702	An toàn bức xạ	
153	176550	Phan Võ Vinh Quang	09/09/1998	Nam	DH17HAY01		010100124702	An toàn bức xạ	
154	178239	Nguyễn Nhật Khoa	16/12/1999	Nam	DH17HAY01	DH20XET01	010100123001	Giải phẫu 1	
155	175629	Lê Hồ Hải Đăng	03/10/1999	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
156	176995	Hồ Phước Hải	24/12/1999	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
157	176124	Võ Quốc Khanh	30/03/1998	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
158	178239	Nguyễn Nhật Khoa	16/12/1999	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
159	176550	Phan Võ Vinh Quang	09/09/1998	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
160	177491	Lê Hoàng Sơn	16/08/1999	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
161	177749	Huỳnh Ngọc Trung	02/05/1999	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
162	177516	Võ Hoàng Trung	01/07/1990	Nam	DH17HAY01		010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	
163	175629	Lê Hồ Hải Đăng	03/10/1999	Nam	DH17HAY01		010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	
164	176995	Hồ Phước Hải	24/12/1999	Nam	DH17HAY01		010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	
165	176124	Võ Quốc Khanh	30/03/1998	Nam	DH17HAY01		010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	
166	176550	Phan Võ Vinh Quang	09/09/1998	Nam	DH17HAY01		010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	
167	178145	Lê Đăng Khoa	03/02/1999	Nam	DH17KTO01		010100103801	Chuẩn mực kế toán	
168	176870	Huỳnh Thị Mộng Trúc	28/01/1999	Nữ	DH17KTO01		010100103801	Chuẩn mực kế toán	
169	166360	Nguyễn Hữu Hậu	14/11/1998	Nam	DH17KTR01		010200000401	Âm học kiến trúc	
170	176409	Phí Văn Duy Tân	29/06/1999	Nam	DH17KTR01		010200000401	Âm học kiến trúc	
171	177486	Mai Văn Vinh	27/09/1989	Nam	DH17KTR01		010200000401	Âm học kiến trúc	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
172	177513	Phan Thành Nam	07/08/1999	Nam	DH17KTR01		010200001901	Cấu tạo kiến trúc 4	
173	166360	Nguyễn Hữu Hậu	14/11/1998	Nam	DH17KTR01		010200012701	Quang học kiến trúc	
174	176364	Nguyễn Thành Chiến	03/08/1998	Nam	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
175	176432	Nguyễn Hoàng Đạt	02/01/1999	Nam	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
176	178066	Nguyễn Phú Bảo Kỳ	02/01/1999	Nam	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
177	151121	Nguyễn Trọng Nhân	08/09/1996	Nam	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
178	175888	Nguyễn Thị Thúy Quyên	05/02/1999	Nữ	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
179	178170	Trần Trọng Trí	1999	Nam	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
180	177705	Nguyễn Trần Thanh Xuân	01/10/1999	Nữ	DH17LKT01		010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	
181	176364	Nguyễn Thành Chiến	03/08/1998	Nam	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
182	177207	Lương Nhật Hào	14/12/1999	Nam	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
183	177836	Tô Ngọc Kiểm	11/05/1999	Nữ	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
184	178066	Nguyễn Phú Bảo Kỳ	02/01/1999	Nam	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
185	151121	Nguyễn Trọng Nhân	08/09/1996	Nam	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
186	175888	Nguyễn Thị Thúy Quyên	05/02/1999	Nữ	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
187	178170	Trần Trọng Trí	1999	Nam	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
188	177705	Nguyễn Trần Thanh Xuân	01/10/1999	Nữ	DH17LKT01		010100141701	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
189	177575	Nguyễn Thế Bảo	26/02/1999	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
190	176474	Nguyễn Hoàng Dũng	09/02/1998	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
191	177077	Ngô Hoàng Huy	14/09/1999	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
192	177122	Lê Vĩ Khang	16/08/1996	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
193	175881	Lý Khánh Linh	08/07/1999	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
194	150968	Lê Tuấn Ngọc	22/02/1997	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
195	177023	Nguyễn Hoài Nhân	02/04/1993	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
196	177280	Nguyễn Thị Minh Thư	25/08/1999	Nữ	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
197	177357	Trần Văn Tý	10/06/1999	Nam	DH17LKT02		010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	
198	175794	Nguyễn Quốc Duy	10/02/1998	Nam	DH17LKT02		010100141702	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
199	177077	Ngô Hoàng Huy	14/09/1999	Nam	DH17LKT02		010100141702	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
200	177122	Lê Vĩ Khang	16/08/1996	Nam	DH17LKT02		010100141702	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
201	150968	Lê Tuấn Ngọc	22/02/1997	Nam	DH17LKT02		010100141702	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
202	177023	Nguyễn Hoài Nhân	02/04/1993	Nam	DH17LKT02		010100141702	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	
203	176868	Trần Thị Ánh Dương	13/01/1999	Nữ	DH17LUA01	DH18LKT02	010100134101	Luật tố tụng hành chính	
204	177594	Lê Minh Chí	26/07/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
205	177827	Đoàn Ngô Bảo Duy	01/11/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
206	176777	Nguyễn Hà Phúc Hậu	22/11/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
207	177851	Nguyễn Minh Khánh	23/05/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
208	177619	Tạ Minh Khôi	19/09/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
209	177987	Ngụy Yến Linh	13/08/1999	Nữ	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
210	177905	Vỏ Duy Thanh	31/03/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
211	177936	Lê Phước Thạnh	05/06/1999	Nam	DH17LUA01		010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
212	177043	Lâm Hoàng Bửu	19/09/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
213	177594	Lê Minh Chí	26/07/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
214	177675	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	23/10/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
215	176777	Nguyễn Hà Phúc Hậu	22/11/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
216	177666	Nguyễn Minh Khang	01/01/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
217	177851	Nguyễn Minh Khánh	23/05/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
218	178144	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	15/05/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
219	178159	Đoàn Thị Huỳnh Như	15/11/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
220	177905	Vỏ Duy Thanh	31/03/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
221	176991	Đoàn Mạnh Tiến	11/10/1999	Nam	DH17LUA01		010100143101	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
222	177043	Lâm Hoàng Bửu	19/09/1999	Nam	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
223	177675	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	23/10/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
224	176777	Nguyễn Hà Phúc Hậu	22/11/1999	Nam	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
225	177666	Nguyễn Minh Khang	01/01/1999	Nam	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
226	177851	Nguyễn Minh Khánh	23/05/1999	Nam	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
227	178144	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	15/05/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
228	178159	Đoàn Thị Huỳnh Như	15/11/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
229	177905	Vỏ Duy Thanh	31/03/1999	Nam	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
230	176624	Thái Thị Thu Trang	07/07/1999	Nữ	DH17LUA01		010100143301	Pháp luật về trọng tài thương mại	
231	177619	Tạ Minh Khôi	19/09/1999	Nam	DH17LUA01	DH19LKT01	010100127001	Xây dựng văn bản pháp luật	
232	177337	Trần Thị Diệu Ái	10/01/1999	Nữ	DH17LUA02		010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
233	177416	Đặng Lê Hoài An	08/06/1999	Nam	DH17LUA02		010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
234	177919	Lê Thị Huyền Trân	02/11/1999	Nữ	DH17LUA02		010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
235	178253	Trần Hồng Tươi	16/06/1998	Nữ	DH17LUA02		010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	
236	177919	Lê Thị Huyền Trân	02/11/1999	Nữ	DH17LUA02	DH18LUA01	010100128504	Pháp luật về an sinh xã hội	
237	177337	Trần Thị Diệu Ái	10/01/1999	Nữ	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
238	177416	Đặng Lê Hoài An	08/06/1999	Nam	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
239	177801	Nguyễn Tuyết Nghi	26/12/1999	Nữ	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
240	177991	Bùi Minh Nghĩa	28/12/1999	Nam	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
241	177025	Hồ Ngọc Toàn	23/03/1999	Nam	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
242	178253	Trần Hồng Tươi	16/06/1998	Nữ	DH17LUA02		010100143102	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	
243	177337	Trần Thị Diệu Ái	10/01/1999	Nữ	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
244	177416	Đặng Lê Hoài An	08/06/1999	Nam	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
245	177801	Nguyễn Tuyết Nghi	26/12/1999	Nữ	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
246	177991	Bùi Minh Nghĩa	28/12/1999	Nam	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
247	177025	Hồ Ngọc Toàn	23/03/1999	Nam	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
248	178253	Trần Hồng Tươi	16/06/1998	Nữ	DH17LUA02		010100143302	Pháp luật về trọng tài thương mại	
249	177465	Lê Quang Đông	09/08/1999	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
250	177032	Nguyễn Minh Kha	11/09/1999	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
251	176428	Nguyễn Anh Kiệt	14/05/1997	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
252	176410	Nguyễn Khánh Linh	09/12/1999	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
253	178215	Lê Nguyễn Trí Nhân	24/07/1999	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
254	177585	Trần Quốc Thịnh	13/04/1999	Nam	DH17OTO01		010100121901	An toàn lao động	
255	177095	Trần Tiến Đạt	09/01/1999	Nam	DH17OTO01		010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
256	177032	Nguyễn Minh Kha	11/09/1999	Nam	DH17OTO01		010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
257	176428	Nguyễn Anh Kiệt	14/05/1997	Nam	DH17OTO01		010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
258	176410	Nguyễn Khánh Linh	09/12/1999	Nam	DH17OTO01		010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
259	178215	Lê Nguyễn Trí Nhân	24/07/1999	Nam	DH17OTO01		010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
260	178040	Bùi Gia Bảo	02/05/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
261	176688	Mai Trung Hiếu	26/06/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
262	176507	Nguyễn Hoàng Lương	10/07/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
263	177272	Huỳnh Tâm Minh	10/09/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
264	176802	Bùi Hữu Nhân	19/04/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
265	177868	Nguyễn Thành Nhân	17/01/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
266	176079	Trương Nguyễn Trần Phúc	19/01/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
267	177106	Tăng Minh Quân	19/07/1999	Nam	DH17OTO02		010100121902	An toàn lao động	
268	176688	Mai Trung Hiếu	26/06/1999	Nam	DH17OTO02		010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
269	176959	Tiêu Chí Phải	01/01/1998	Nam	DH17OTO02		010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
270	176079	Trương Nguyễn Trần Phúc	19/01/1999	Nam	DH17OTO02		010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
271	178165	Lương Quốc Bảo	11/05/1999	Nam	DH17OTO03		010100121903	An toàn lao động	
272	175770	Bùi Tấn Phúc	07/02/1999	Nam	DH17OTO03		010100121903	An toàn lao động	
273	176946	Hồ Vĩnh Thắng	15/08/1999	Nam	DH17OTO03		010100121903	An toàn lao động	
274	177980	Lê Thanh Yên	25/02/1999	Nam	DH17OTO03		010100121903	An toàn lao động	
275	175770	Bùi Tấn Phúc	07/02/1999	Nam	DH17OTO03		010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
276	176946	Hồ Vĩnh Thắng	15/08/1999	Nam	DH17OTO03		010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
277	177980	Lê Thanh Yên	25/02/1999	Nam	DH17OTO03		010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
278	176439	Võ Chí Bảo	16/09/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
279	176470	Nguyễn Thành Khiêm	12/11/1998	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
280	177338	Lê Nguyễn Trung Kiên	14/10/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
281	176429	Nguyễn Trần Nam	20/06/1998	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
282	176375	Hà Thị Thu Ngân	01/01/1999	Nữ	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
283	176482	Trần Công Quận	25/03/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
284	175804	Quách Tấn Tài	19/05/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
285	176520	Trần Thắng Tài	15/12/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
286	176452	Lê Thành Tân	18/12/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
287	177722	Nguyễn Hưng Thịnh	01/02/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
288	175765	Huỳnh Duy Tường	23/10/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
289	176762	Huỳnh Thanh Vũ	29/05/1999	Nam	DH17OTO04		010100121904	An toàn lao động	
290	176429	Nguyễn Trần Nam	20/06/1998	Nam	DH17OTO04		010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
291	176375	Hà Thị Thu Ngân	01/01/1999	Nữ	DH17OTO04		010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
292	176452	Lê Thành Tân	18/12/1999	Nam	DH17OTO04		010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
293	176762	Huỳnh Thanh Vũ	29/05/1999	Nam	DH17OTO04		010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	
294	177329	Nguyễn Thái Bảo	09/05/1999	Nam	DH17QHC01		010100085501	Truyền thông và toàn cầu hóa	
295	176806	Nguyễn Phương Huy	10/07/1999	Nam	DH17QHC01		010100085501	Truyền thông và toàn cầu hóa	
296	176527	Huỳnh Nhật Thanh	23/12/1996	Nam	DH17QHC01		010100085501	Truyền thông và toàn cầu hóa	
297	176700	Lê Đặng Toàn	03/11/1999	Nam	DH17QLD01		010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	
298	177115	Dương Thành Trọng	24/01/1999	Nam	DH17QLD01		010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	
299	177319	Lê Hồng Yến	22/05/1999	Nữ	DH17QLD01		010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	
300	175878	Huỳnh Quốc Bảng	26/01/1998	Nam	DH17QLT01		010100031601	Mô hình hóa môi trường	
301	177248	Lê Diệu Linh	28/07/1998	Nữ	DH17QLT01		010100031601	Mô hình hóa môi trường	
302	178203	Nguyễn Văn Bảo Toàn	29/11/1999	Nam	DH17QLT01		010100031601	Mô hình hóa môi trường	
303	177248	Lê Diệu Linh	28/07/1998	Nữ	DH17QLT01		010100038001	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	
304	166350	Huỳnh Thanh Điền	11/03/1998	Nam	DH17QTD01		010100060201	Du lịch sinh thái	
305	177203	Trần Trung Kiên	04/03/1999	Nam	DH17QTD01		010100060201	Du lịch sinh thái	
306	177268	Văng Phú Tấn Lộc	08/12/1999	Nam	DH17QTD01		010100060201	Du lịch sinh thái	
307	176890	Vỏ Thành Luân	22/09/1999	Nam	DH17QTD01		010100060201	Du lịch sinh thái	
308	166315	Trần Minh Nguyên	10/11/1998	Nam	DH17QTD01		010100060201	Du lịch sinh thái	
309	166350	Huỳnh Thanh Điền	11/03/1998	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
310	176616	Huỳnh Tấn Dũng	14/06/1997	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
311	177203	Trần Trung Kiên	04/03/1999	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
312	177409	Trần Thị Hồng Loan	24/09/1999	Nữ	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
313	176890	Vỏ Thành Luân	22/09/1999	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
314	178019	Lâm Huỳnh Hiển Ngọc	27/12/1999	Nữ	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
315	166315	Trần Minh Nguyên	10/11/1998	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
316	177963	Nguyễn Thạch Bảo Như	11/10/1999	Nam	DH17QTD01		010100073201	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
317	177678	Trần Thành Ẩn	03/02/1999	Nam	DH17QTD02		010100060202	Du lịch sinh thái	
318	177678	Trần Thành Ẩn	03/02/1999	Nam	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
319	177769	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/04/1998	Nữ	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
320	177456	Tiêu Hửu Phước	02/10/1999	Nam	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
321	177003	Lý Thị Ngọc Thảo	09/05/1999	Nữ	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
322	178062	Trần Phan Minh Thuận	11/11/1998	Nam	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
323	177100	Phạm Ngọc Ý	12/06/1999	Nữ	DH17QTD02		010100073202	Nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, quầy bar	
324	178062	Trần Phan Minh Thuận	11/11/1998	Nam	DH17QTD02	DH19QTD03	010100079004	Quản trị nhân lực	
325	166263	Nguyễn Hoàng Anh	18/10/1997	Nam	DH17QTK01		010100066801	Khởi tạo doanh nghiệp	
326	177955	Lâm Ngọc Ánh	28/02/1999	Nữ	DH17QTK01		010100066801	Khởi tạo doanh nghiệp	
327	166888	Trần Anh Bằng	21/12/1998	Nam	DH17QTK01		010100066801	Khởi tạo doanh nghiệp	
328	176929	Trần Nhật Duy	27/10/1999	Nam	DH17QTK01		010100066801	Khởi tạo doanh nghiệp	
329	176508	Trần Hữu Luận	05/04/1999	Nam	DH17QTK01		010100066801	Khởi tạo doanh nghiệp	
330	166263	Nguyễn Hoàng Anh	18/10/1997	Nam	DH17QTK01		010100082401	Thị trường chứng khoán	
331	166888	Trần Anh Bằng	21/12/1998	Nam	DH17QTK01		010100082401	Thị trường chứng khoán	
332	176929	Trần Nhật Duy	27/10/1999	Nam	DH17QTK01		010100082401	Thị trường chứng khoán	
333	177087	Trần Kim Minh	24/10/1999	Nữ	DH17QTK02		010100066802	Khởi tạo doanh nghiệp	
334	177969	Cao Hoàng Phú	06/12/1999	Nam	DH17QTK02		010100066802	Khởi tạo doanh nghiệp	
335	178128	Châu Chí Thịnh	28/09/1999	Nam	DH17QTK02		010100066802	Khởi tạo doanh nghiệp	
336	177093	Kim Thị Hồng Vân	14/11/1999	Nữ	DH17QTK02		010100066802	Khởi tạo doanh nghiệp	
337	177087	Trần Kim Minh	24/10/1999	Nữ	DH17QTK02		010100082402	Thị trường chứng khoán	
338	177969	Cao Hoàng Phú	06/12/1999	Nam	DH17QTK02		010100082402	Thị trường chứng khoán	
339	178128	Châu Chí Thịnh	28/09/1999	Nam	DH17QTK02		010100082402	Thị trường chứng khoán	
340	177093	Kim Thị Hồng Vân	14/11/1999	Nữ	DH17QTK02		010100082402	Thị trường chứng khoán	
341	176714	Trần Công Lịnh	18/12/1998	Nam	DH17TCN01		010100075401	Phân tích và đầu tư chứng khoán	
342	178273	Phan Mạnh Tuấn	28/03/1998	Nam	DH17TCN01		010100075401	Phân tích và đầu tư chứng khoán	
343	165925	Trương Quốc Việt	29/01/1998	Nam	DH17TCN01		010100075401	Phân tích và đầu tư chứng khoán	
344	177951	Nguyễn Trung Chiến	08/04/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
345	176141	Lê Bá Duy	24/06/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
346	177799	Lê Hoàng Duy	30/12/1998	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
347	177834	Nguyễn Trường Giang	07/02/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
348	175876	Danh Thị Thu Hương	19/12/1999	Nữ	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
349	176886	Vũ Anh Kiệt	25/05/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
350	176131	Lê Chí Linh	21/01/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
351	166852	Trần Lâm Phú	29/03/1997	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
352	176928	Nguyễn Minh Tân	30/05/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
353	178026	Đỗ Ngọc Thế	26/12/1999	Nam	DH17TIN01		010100154701	Hệ thống thương mại điện tử	
354	176701	Nguyễn Hoàng Tấn Cường	18/02/1999	Nam	DH17TIN02		010100154702	Hệ thống thương mại điện tử	
355	177764	Cao Lê Danh	29/10/1999	Nam	DH17TIN02		010100154702	Hệ thống thương mại điện tử	
356	177700	Trần Quốc Huy	06/09/1999	Nam	DH17TIN02		010100154702	Hệ thống thương mại điện tử	
357	177562	Lê Hoàng Phong	09/06/1999	Nam	DH17TIN02		010100154702	Hệ thống thương mại điện tử	
358	176701	Nguyễn Hoàng Tấn Cường	18/02/1999	Nam	DH17TIN02	DH19TIN03	010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
359	176701	Nguyễn Hoàng Tấn Cường	18/02/1999	Nam	DH17TIN02	DH20CKD01	010100089917	Toán cao cấp 2	
360	175654	Trần Văn Huỳnh Đức	08//0/2/98	Nam	DH17XDU01	DH18XDU01	010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
361	151779	Nguyễn Minh Hải Đăng	18/10/1997	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
362	176591	Lê Nhật Linh	06/08/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
363	176107	Ngô Nhựt Linh	09/06/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
364	175936	Nguyễn Hồng Miêng	16/10/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
365	177474	Nguyễn Tẩu Nam	02/04/1998	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
366	176549	Nguyễn Huỳnh Hoài Sơn	03/04/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
367	177196	Danh Hoàng Sỹ	14/11/1998	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
368	177833	Phạm Chí Tâm	15/11/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
369	177460	Bùi Chiến Thắng	25/09/1999	Nam	DH17XDU01		010100011201	Luật xây dựng	
370	175990	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	11/10/1999	Nữ	DH17XET01		010100121201	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
371	176305	Trần Lê Như Quỳnh	22/08/1999	Nữ	DH17XET01		010100121201	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
372	176675	Nguyễn Lê Mỹ Tâm	10/08/1999	Nữ	DH17XET01		010100121201	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
373	177188	Nguyễn Trung Tính	03/10/1999	Nam	DH17XET01		010100121201	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
374	175990	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	11/10/1999	Nữ	DH17XET01		010100153201	Xét nghiệm tế bào (nâng cao)	
375	176541	Lê Hồng Nguyên	16/10/1999	Nữ	DH17XET02		010100121202	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
376	177813	Trần Minh Quang	01/11/1998	Nam	DH17XET02		010100121202	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
377	178053	Tống Hòa Uyên	25/10/1999	Nữ	DH17XET02		010100121202	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
378	176865	Phan Công Văn	06/04/1999	Nam	DH17XET02		010100121202	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
379	177813	Trần Minh Quang	01/11/1998	Nam	DH17XET02		010100153202	Xét nghiệm tế bào (nâng cao)	
380	188507	Nguyễn Hoàng Hảo	27/12/2000	Nam	DH18CNT01		010100024102	Đánh giá cảm quan thực phẩm	
381	180854	Nguyễn Quốc Hiền	22/10/2000	Nam	DH18CNT01		010100029702	Kỹ thuật thực phẩm 3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
382	180165	Quách Tú Phương	12/02/2000	Nữ	DH18CNT01		010100029702	Kỹ thuật thực phẩm 3	
383	188575	Đoàn Thị Ngọc Vàng	08/01/2000	Nữ	DH18CNT01		010100029702	Kỹ thuật thực phẩm 3	
384	189108	Ung Tấn Thịnh	11/03/1999	Nam	DH18CNT02		010100024101	Đánh giá cảm quan thực phẩm	
385	1810128	Nguyễn Phương Anh	10/05/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
386	1810094	Lê Tấn Đạt	12/12/1999	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
387	189593	Cao Ngọc Gìn	23/06/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
388	189779	Lê Nhựt Minh	08/06/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
389	1810846	Lâm Thị Cẩm Nhan	30/09/1998	Nữ	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
390	1810336	Thẩm Thiên Phúc	25/04/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
391	1810034	Nguyễn Trọng Quốc Thái	03/03/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
392	1810617	Nguyễn Đức Thành	27/08/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
393	189108	Ung Tấn Thịnh	11/03/1999	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
394	1810686	Phạm Thanh Trung	15/07/2000	Nam	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
395	1810687	Phạm Thị Tố Uyên	24/01/2000	Nữ	DH18CNT02		010100029701	Kỹ thuật thực phẩm 3	
396	189108	Ung Tấn Thịnh	11/03/1999	Nam	DH18CNT02		010100034802	Phụ gia thực phẩm	
397	180334	Nguyễn Chí Bảo	29/10/1999	Nam	DH18DUO01		010200047903	Hóa dược 2	
398	1810780	Lê Hoàng Luân	03/02/1999	Nam	DH18DUO01		010200047903	Hóa dược 2	
399	180243	Trần Thị Yến Nhi	09/06/2000	Nữ	DH18DUO01		010200047903	Hóa dược 2	
400	180260	Huỳnh Chí Thiện	02/02/2000	Nam	DH18DUO01		010200047903	Hóa dược 2	
401	189840	Nguyễn Chí Bình	16/09/2000	Nam	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
402	1810039	Trình Thị Kim Lê	28/02/1999	Nữ	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
403	189753	Phan Bảo Ngọc	19/02/2000	Nữ	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
404	176267	Nguyễn Cao Sơn Phước	18/06/1999	Nam	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
405	177273	Võ Minh Trí	06/07/1997	Nam	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
406	1810364	Nguyễn Hồng Thanh Trúc	03/12/2000	Nữ	DH18DUO02		010200046404	Độc chất học	
407	1810082	Đoàn Hồ Thúy An	25/06/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
408	189840	Nguyễn Chí Bình	16/09/2000	Nam	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
409	1810145	Nguyễn Hồng Diệu	29/10/1999	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
410	1810194	Nguyễn Thị Duyên	27/11/1998	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
411	189913	Nguyễn Ngọc Hân	15/07/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
412	1810039	Trình Thị Kim Lê	28/02/1999	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
413	189771	Nguyễn Thị Ánh Linh	21/08/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
414	1810193	Nguyễn Hoàng Hoa Mỹ	22/06/1999	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
415	189722	Hà Thị Kim Ngân	19/02/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
416	1810136	Đồng Thụy Tú Ngọc	28/05/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
417	189753	Phan Bảo Ngọc	19/02/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
418	176267	Nguyễn Cao Sơn Phước	18/06/1999	Nam	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
419	189925	Trương Nguyễn Duy Sáng	10/10/1999	Nam	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
420	1810083	Nguyễn Thanh Thảo	14/04/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
421	1810151	Phạm Nguyễn Đăng Thư	19/09/1999	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
422	189685	Võ Ngọc Thùy	30/08/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
423	1810289	Hồ Thị Phương Trâm	30/12/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
424	177273	Võ Minh Trí	06/07/1997	Nam	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
425	1810364	Nguyễn Hồng Thanh Trúc	03/12/2000	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
426	1810839	Nguyễn Ngọc Trúc Vy	22/08/1996	Nữ	DH18DUO02		010200047904	Hóa dược 2	
427	176267	Nguyễn Cao Sơn Phước	18/06/1999	Nam	DH18DUO02	DH20DUO02	010200026401	Hóa hữu cơ 2	
428	1810289	Hồ Thị Phương Trâm	30/12/2000	Nữ	DH18DUO02	DH20DUO01	010200026402	Hóa hữu cơ 2	
429	1810406	Huỳnh Anh Tuấn	22/03/2000	Nam	DH18DUO02	DH20DUO01	010200026402	Hóa hữu cơ 2	
430	176267	Nguyễn Cao Sơn Phước	18/06/1999	Nam	DH18DUO02	DH20KQT01	010100064132	Kinh tế chính trị	
431	189840	Nguyễn Chí Bình	16/09/2000	Nam	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
432	1810039	Trình Thị Kim Lê	28/02/1999	Nữ	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
433	189632	Trần Nhựt Minh	14/12/2000	Nam	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
434	189753	Phan Bảo Ngọc	19/02/2000	Nữ	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
435	1810289	Hồ Thị Phương Trâm	30/12/2000	Nữ	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
436	177273	Võ Minh Trí	06/07/1997	Nam	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
437	1810364	Nguyễn Hồng Thanh Trúc	03/12/2000	Nữ	DH18DUO02		010200051804	Pháp chế dược	
438	188303	Huỳnh Ngọc Huyền	18/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200046405	Độc chất học	
439	188247	Diệp Phú Lâm	14/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200046405	Độc chất học	
440	1810442	Nguyễn Ngọc Hoa Tiên	20/02/2000	Nữ	DH18DUO03		010200046405	Độc chất học	
441	188303	Huỳnh Ngọc Huyền	18/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
442	188247	Diệp Phú Lâm	14/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
443	188198	Vương Gia Niên	19/01/2000	Nam	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
444	188265	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	26/10/2000	Nữ	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
445	1810403	Trần Nhật Tân	22/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
446	188315	Ngô Giang Thanh	27/12/2000	Nữ	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
447	188268	Nguyễn Hữu Thuận	24/08/1998	Nam	DH18DUO03		010200047906	Hóa dược 2	
448	188303	Huỳnh Ngọc Huyền	18/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200051805	Pháp chế dược	
449	188247	Diệp Phú Lâm	14/12/2000	Nam	DH18DUO03		010200051805	Pháp chế dược	
450	188204	Lê Duy Tân	03/08/2000	Nam	DH18DUO03		010200051805	Pháp chế dược	
451	176611	Đào Quang Diệu	04/12/1999	Nam	DH18DUO04		010200046406	Độc chất học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
452	177175	Phạm Yến Nhi	08/09/1999	Nữ	DH18DUO04		010200046406	Độc chất học	
453	188650	Đặng Chiêu Thọ	20/12/2000	Nam	DH18DUO04		010200046406	Độc chất học	
454	188640	Huỳnh Thị Thu Diễm	06/02/2000	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
455	188683	Lê Hồng Điểm	07/06/2000	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
456	176611	Đào Quang Diệu	04/12/1999	Nam	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
457	180602	Nguyễn Thị Thùy Dương	03/08/2000	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
458	180630	Huỳnh Bảo Luận	10/06/2000	Nam	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
459	180754	Lâm Yến Nhi	13/09/2000	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
460	177175	Phạm Yến Nhi	08/09/1999	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
461	180581	Nguyễn Tấn Phát	01/02/2000	Nam	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
462	188650	Đặng Chiêu Thọ	20/12/2000	Nam	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
463	176294	Trần Bích Tuyền	05/12/1999	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
464	188498	Trần Xuân Vy	02/05/2000	Nữ	DH18DUO04		010200047905	Hóa dược 2	
465	176611	Đào Quang Diệu	04/12/1999	Nam	DH18DUO04		010200051806	Pháp chế dược	
466	180602	Nguyễn Thị Thùy Dương	03/08/2000	Nữ	DH18DUO04		010200051806	Pháp chế dược	
467	177175	Phạm Yến Nhi	08/09/1999	Nữ	DH18DUO04		010200051806	Pháp chế dược	
468	188650	Đặng Chiêu Thọ	20/12/2000	Nam	DH18DUO04		010200051806	Pháp chế dược	
469	176294	Trần Bích Tuyền	05/12/1999	Nữ	DH18DUO04		010200051806	Pháp chế dược	
470	188907	Phạm Hoàng Khang	21/12/2000	Nam	DH18DUO05		010200046401	Độc chất học	
471	180730	Trần Anh Kiệt	27/01/2000	Nam	DH18DUO05		010200046401	Độc chất học	
472	188927	Nguyễn Tiến Đạt	06/05/2000	Nam	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
473	188714	Võ Lê Khả Doanh	08/07/2000	Nữ	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
474	188965	Lý Thế Huy	09/10/1998	Nam	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
475	188989	Võ Ngọc Huyền	15/01/2000	Nữ	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
476	188907	Phạm Hoàng Khang	21/12/2000	Nam	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
477	180730	Trần Anh Kiệt	27/01/2000	Nam	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
478	1810938	Trần Mỹ Nam	04/04/2000	Nữ	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
479	188903	Võ Vương Sấm	10/09/2000	Nam	DH18DUO05		010200047902	Hóa dược 2	
480	188835	Võ Văn Hoàng Luân	07/11/1999	Nam	DH18DUO05	DH20DUO02	010200026401	Hóa hữu cơ 2	
481	188907	Phạm Hoàng Khang	21/12/2000	Nam	DH18DUO05		010200051802	Pháp chế dược	
482	180730	Trần Anh Kiệt	27/01/2000	Nam	DH18DUO05		010200051802	Pháp chế dược	
483	180721	Nguyễn Phước Thiên Ân	14/08/2000	Nam	DH18DUO06		010200046402	Độc chất học	
484	1810950	Nguyễn Thị Diễm My	27/03/1997	Nữ	DH18DUO06		010200046402	Độc chất học	
485	180721	Nguyễn Phước Thiên Ân	14/08/2000	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
486	189366	Nguyễn Nhật Duy	18/12/2000	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
487	180529	Nguyễn Kim Hằng	26/05/2000	Nữ	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
488	180501	Đỗ Lê Huy	26/08/2000	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
489	1810950	Nguyễn Thị Diễm My	27/03/1997	Nữ	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
490	1810469	Nguyễn Hồng Nhiệm	20/11/2000	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
491	180563	Vưu Bửu Tài	13/09/2000	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
492	189086	Bùi Phong Thiên	24/03/1999	Nam	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
493	189144	Mã Yến Trinh	23/09/2000	Nữ	DH18DUO06		010200047901	Hóa dược 2	
494	180721	Nguyễn Phước Thiên Ân	14/08/2000	Nam	DH18DUO06		010200051801	Pháp chế dược	
495	1810950	Nguyễn Thị Diễm My	27/03/1997	Nữ	DH18DUO06		010200051801	Pháp chế dược	
496	188899	Trương Quốc Tuấn	08/11/1999	Nam	DH18HAY01		010100086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
497	189934	Lê Phạm Hoàng Minh	25/03/2000	Nam	DH18HAY01		010100124801	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	
498	1810281	Huỳnh Nhất Quy	19/10/2000	Nam	DH18HAY01		010100124801	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	
499	188899	Trương Quốc Tuấn	08/11/1999	Nam	DH18HAY01		010100124801	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	
500	1331300655	Vũ Hồ Hương Giang	03/11/1995	Nữ	DH18KTO01		010100062502	Kế toán ngân sách	
501	180230	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	19/02/2000	Nữ	DH18KTO01		010100062502	Kế toán ngân sách	
502	180313	Võ Phương Thảo	20/08/2000	Nữ	DH18KTO01		010100062502	Kế toán ngân sách	
503	176529	Lê Thị Minh Thư	23/08/1998	Nữ	DH18KTO01		010100062502	Kế toán ngân sách	
504	1331300655	Vũ Hồ Hương Giang	03/11/1995	Nữ	DH18KTO01		010100081101	Thanh toán quốc tế	
505	180313	Võ Phương Thảo	20/08/2000	Nữ	DH18KTO01		010100081101	Thanh toán quốc tế	
506	176529	Lê Thị Minh Thư	23/08/1998	Nữ	DH18KTO01		010100081101	Thanh toán quốc tế	
507	189667	Phan Thị Thùy Dương	24/12/2000	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
508	1810568	Lê Thị Mỹ Lan	31/10/1998	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
509	189668	Trần Minh Mẫn	26/12/2000	Nam	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
510	188948	Lê Hữu Anh Minh	26/04/1999	Nam	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
511	1810065	Ngô Hoài Ngọc	27/03/2000	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
512	189650	Nguyễn Ngọc Mỹ Phụng	03/08/2000	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
513	1810043	Nguyễn Phương Thanh	30/09/2000	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
514	1810174	Võ Trần Tiến Thư	31/08/2000	Nữ	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
515	1810313	Nguyễn Văn Nhựt Trường	27/07/2000	Nam	DH18KTO02		010100062501	Kế toán ngân sách	
516	1810568	Lê Thị Mỹ Lan	31/10/1998	Nữ	DH18KTO02		010100081102	Thanh toán quốc tế	
517	1810313	Nguyễn Văn Nhựt Trường	27/07/2000	Nam	DH18KTO02		010100081102	Thanh toán quốc tế	
518	177972	Thạch Ngọc Anh	19/12/1999	Nữ	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
519	180249	Ôn Quốc Bình	16/05/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
520	180836	Hứa Hải Đăng	09/08/1999	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
521	1810425	Lê Thành Dư	30/10/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
522	180530	Trần Minh Dương	14/03/1999	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
523	188791	Mai Nhật Hào	21/01/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
524	188597	Nguyễn Văn Kết	22/11/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
525	1810590	Phan Quang Khải	28/02/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
526	188116	Diệp Vĩnh Khang	09/11/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
527	1810097	Quách Từ Khang	18/11/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
528	188225	Trần Nhật Linh	18/04/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
529	189996	Trần Hòa Lợi	02/05/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
530	180702	Nguyễn Bảo Minh	06/03/2000	Nữ	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
531	1810487	Ngô Thị Yến Nhi	28/12/2000	Nữ	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
532	1810154	Đinh Mỹ Như	23/07/2000	Nữ	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
533	180935	Trương Vĩnh Phú	02/11/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
534	189827	Phạm Ngọc Quý	24/04/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
535	1810554	Huỳnh Văn Santi	09/08/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
536	189149	Trần Anh Tân	09/01/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
537	189029	Trần Mỹ Thảo	22/10/1999	Nữ	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
538	180380	Tô Văn Tình	28/09/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
539	177360	Nguyễn Thanh Toàn	16/02/1999	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
540	180487	Phạm Thế Vinh	13/11/2000	Nam	DH18KTR01		010200001801	Cấu tạo kiến trúc 3	
541	177972	Thạch Ngọc Anh	19/12/1999	Nữ	DH18KTR01		010200012101	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	
542	180702	Nguyễn Bảo Minh	06/03/2000	Nữ	DH18KTR01		010200012101	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	
543	1810154	Đinh Mỹ Như	23/07/2000	Nữ	DH18KTR01		010200012101	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	
544	189029	Trần Mỹ Thảo	22/10/1999	Nữ	DH18KTR01		010200012101	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	
545	177360	Nguyễn Thanh Toàn	16/02/1999	Nam	DH18KTR01		010200012101	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	
546	180644	Nguyễn Nhựt Huy	15/02/2000	Nam	DH18LKT01	DH20KTO01	010100089008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
547	188229	Võ Thành Đạt	13/09/2000	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
548	180696	Nguyễn Tấn Duy	23/09/2000	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
549	1810564	Nguyễn Trường Giang	27/04/1996	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
550	1810269	Nguyễn Hồng Hạnh	09/02/2000	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
551	180748	Mai Anh Hào	20/04/2000	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
552	180911	Liêu Văn Hội	20/09/1999	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
553	180255	Lê Thị Yến Linh	11/03/2000	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
554	177111	Lê Thanh Miền	20/12/1995	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
555	180494	Huỳnh Thanh Ngân	27/09/1999	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
556	180399	Đoàn Công Nhanh	03/03/2000	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
557	188326	Nguyễn Huỳnh Như	03/03/1999	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
558	177853	Đặng Quốc Tỉnh	23/12/1998	Nam	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
559	188413	La Thị Hà Vy	01/11/2000	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
560	188203	Ngô Thảo Vy	29/07/2000	Nữ	DH18LKT01		010100142401	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
561	177111	Lê Thanh Miền	20/12/1995	Nam	DH18LKT01		010100142101	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	
562	177853	Đặng Quốc Tỉnh	23/12/1998	Nam	DH18LKT01		010100142101	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	
563	177111	Lê Thanh Miền	20/12/1995	Nam	DH18LKT01		010100134102	Luật tố tụng hành chính	
564	180546	Trịnh Xuân Quỳnh	24/03/2000	Nữ	DH18LKT01		010100134102	Luật tố tụng hành chính	
565	177853	Đặng Quốc Tỉnh	23/12/1998	Nam	DH18LKT01		010100134102	Luật tố tụng hành chính	
566	1810284	Trần Dư Trầm Doanh	19/03/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
567	1810934	Lê Khánh Mai	19/05/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
568	189455	Huỳnh Như	14/01/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
569	1810437	Phạm Thanh Trung Thiên	01/01/2000	Nam	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
570	189623	Danh Thị Anh Thư	23/04/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
571	1810635	Trần Huỳnh Trung	19/11/2000	Nam	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
572	189252	Võ Thị Thúy Vy	12/03/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142402	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	
573	1810934	Lê Khánh Mai	19/05/2000	Nữ	DH18LKT02		010100142102	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	
574	1810934	Lê Khánh Mai	19/05/2000	Nữ	DH18LKT02		010100134101	Luật tố tụng hành chính	
575	1810284	Trần Dư Trầm Doanh	19/03/2000	Nữ	DH18LKT02	DH20LKT01	010100073503	Nguyên lý kế toán	
576	189252	Võ Thị Thúy Vy	12/03/2000	Nữ	DH18LKT02	DH20LKT01	010100073503	Nguyên lý kế toán	
577	188201	Nguyễn Thị Tú Trinh	28/07/2000	Nữ	DH18LUA01		010100143501	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	
578	180673	Nguyễn Thụy Thùy Dung	24/01/2000	Nữ	DH18LUA01		010100070101	Luật tố tụng hình sự	
579	180589	Phạm Huỳnh Việt Huy	21/07/2000	Nam	DH18LUA01		010100070101	Luật tố tụng hình sự	
580	188209	Trần Thanh Nhân	15/04/2000	Nam	DH18LUA01		010100070101	Luật tố tụng hình sự	
581	188201	Nguyễn Thị Tú Trinh	28/07/2000	Nữ	DH18LUA01		010100070101	Luật tố tụng hình sự	
582	1810722	Trần Thị Như Ý	07/03/2000	Nữ	DH18LUA01		010100070101	Luật tố tụng hình sự	
583	188377	Nguyễn Thế Lượng	18/10/2000	Nam	DH18LUA01		010100128504	Pháp luật về an sinh xã hội	
584	188201	Nguyễn Thị Tú Trinh	28/07/2000	Nữ	DH18LUA01		010100128504	Pháp luật về an sinh xã hội	
585	1810257	Nguyễn Văn Tuấn Anh	13/02/2000	Nam	DH18LUA02		010100143502	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	
586	188579	Võ Thị Luyến	24/08/2000	Nữ	DH18LUA02		010100143502	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	
587	189732	Trịnh Trúc Quỳnh	08/05/2000	Nữ	DH18LUA02		010100143502	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	
588	1810257	Nguyễn Văn Tuấn Anh	13/02/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
589	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
590	189503	Dương Ngọc Diễn	04/10/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
591	189049	Phạm Thị Hằng	10/07/1999	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
592	1810458	Lê Chí Hiếu	15/07/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
593	1810142	Thạch Trung Hiếu	22/02/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
594	188579	Võ Thị Luyến	24/08/2000	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
595	1810434	Trần Kiều My	15/06/2000	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
596	1810663	Tô Kim Ngọc	20/12/2000	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
597	1810642	Đặng Quang Nhựt	02/03/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
598	189732	Trịnh Trúc Quỳnh	08/05/2000	Nữ	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
599	189568	Nguyễn Đan Trường	13/07/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
600	188600	Nguyễn Đông Trường	12/10/2000	Nam	DH18LUA02		010100070102	Luật tố tụng hình sự	
601	1810257	Nguyễn Văn Tuấn Anh	13/02/2000	Nam	DH18LUA02		010100128503	Pháp luật về an sinh xã hội	
602	189990	Nguyễn Thị Ngọc Đào	18/01/2000	Nữ	DH18LUA02		010100128503	Pháp luật về an sinh xã hội	
603	188579	Võ Thị Luyến	24/08/2000	Nữ	DH18LUA02		010100128503	Pháp luật về an sinh xã hội	
604	189732	Trịnh Trúc Quỳnh	08/05/2000	Nữ	DH18LUA02		010100128503	Pháp luật về an sinh xã hội	
605	189742	Nguyễn Nhật Anh	25/02/1999	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
606	180218	Lê Văn Đến	20/12/1999	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
607	189928	Nguyễn Bảo Duy	01/08/1999	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
608	180251	Nguyễn Đức Duy	26/09/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
609	180387	Phan Hoài Duy	24/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
610	180385	Lê Lý Đăng Khoa	07/12/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
611	180422	Phạm Trung Kiên	15/04/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
612	180397	Nguyễn Thanh Liêm	27/09/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
613	180222	Đàm Quang Linh	15/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
614	180342	Trần Chí Linh	22/12/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
615	189898	Trần Bảo Thanh	28/01/2000	Nam	DH18OTO01		010100146401	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
616	189742	Nguyễn Nhật Anh	25/02/1999	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
617	180343	Hứa Hải Đăng	24/01/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
618	180218	Lê Văn Đến	20/12/1999	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
619	180251	Nguyễn Đức Duy	26/09/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
620	180387	Phan Hoài Duy	24/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
621	180360	Nguyễn Chí Hào	19/02/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
622	1810455	Hồ Trung Hảo	12/01/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
623	180259	Ngô Văn Hơn	27/11/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
624	180385	Lê Lý Đăng Khoa	07/12/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
625	180422	Phạm Trung Kiên	15/04/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
626	180397	Nguyễn Thanh Liêm	27/09/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
627	189756	Đỗ Hửu Luân	23/01/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
628	180232	Nguyễn Nhựt Minh	11/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
629	180361	Nguyễn Thành Nhân	22/07/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
630	188446	Phạm Long Nhật	18/08/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
631	1810464	Trương Anh Phương	11/07/1997	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
632	180432	Nguyễn Lâm Nhựt Quang	11/08/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
633	1810453	Lê Dương Thạch	29/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
634	180221	Lê Vỉnh Thanh	18/04/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
635	189898	Trần Bảo Thanh	28/01/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
636	180383	Võ Trường Thạnh	02/09/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
637	180110	Lê Trung Thảo	15/05/2000	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
638	189653	Hồ Quảng Trị	13/03/1999	Nam	DH18OTO01		010100108806	Cơ học lưu chất ứng dụng	
639	180218	Lê Văn Đến	20/12/1999	Nam	DH18OTO01		010100113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
640	180385	Lê Lý Đăng Khoa	07/12/2000	Nam	DH18OTO01		010100113901	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
641	180649	Bùi Dĩ Ân	19/05/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
642	180684	Nguyễn Minh Đức	20/09/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
643	189805	Nguyễn Tiến Hưng	22/01/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
644	180625	Phạm Lưu Minh Kha	13/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
645	189610	Võ Chí Nguyện	06/07/1999	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
646	180694	Lê Thanh Phong	29/02/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
647	1810344	Trần Hữu Phúc	21/03/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
648	189594	Lê Huỳnh Đang Trường	20/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100146402	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
649	180567	Huỳnh Quốc Bảo	15/06/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
650	1810766	Lê Hoàng Chiến	25/02/1997	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
651	180689	Nguyễn Phạm Tuấn Cường	21/10/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
652	180618	Nguyễn Tấn Đạt	24/01/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
653	180624	Trần Thanh Đạt	25/03/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
654	180684	Nguyễn Minh Đức	20/09/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
655	189805	Nguyễn Tiến Hưng	22/01/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
656	180625	Phạm Lưu Minh Kha	13/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
657	180535	Nguyễn Hiếu Kiên	28/02/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
658	180694	Lê Thanh Phong	29/02/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
659	1810344	Trần Hữu Phúc	21/03/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
660	180553	Trương Vĩnh Phúc	25/12/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	
661	189594	Lê Huỳnh Đang Trường	20/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100108805	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
662	189805	Nguyễn Tiến Hưng	22/01/2000	Nam	DH18OTO02		010100113902	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
663	180625	Phạm Lưu Minh Kha	13/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100113902	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
664	180694	Lê Thanh Phong	29/02/2000	Nam	DH18OTO02		010100113902	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
665	189594	Lê Huỳnh Đang Trường	20/04/2000	Nam	DH18OTO02		010100113902	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
666	189574	Vũ Thế Vinh	19/06/2000	Nam	DH18OTO02	DH19OTO05	010100108307	Nguyên lý máy	
667	1810079	Trần Văn Hiếu	28/02/2000	Nam	DH18OTO02	DH20XDU01	010100089801	Toán cao cấp 1	
668	189597	Nguyễn Văn Đỉnh	05/11/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
669	180938	Trần Hoàng Gia	05/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
670	180737	Nguyễn Quang Huy	10/10/1999	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
671	180894	Trương Vĩ Khang	06/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
672	180731	Phạm Minh Nam	28/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
673	180710	Mai Nhựt Quang	12/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
674	189853	Quách Hoàng Tín	06/06/2000	Nam	DH18OTO03		010100146403	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
675	189553	Nguyễn Trường An	26/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
676	188161	Lê Sơn Anh	21/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
677	188144	Nguyễn Duy Bảo	10/01/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
678	188111	Nguyễn Trần Cường	24/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
679	180734	Trần Thanh Đảm	30/07/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
680	180795	Nguyễn Minh Đầy	12/08/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
681	189702	Nguyễn Minh Điền	07/08/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
682	189597	Nguyễn Văn Đỉnh	05/11/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
683	180867	Nguyễn Tấn Duy	10/08/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
684	1810080	Trần Khả Duy	12/12/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
685	180938	Trần Hoàng Gia	05/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
686	189972	Lê Lâm Thái Hào	08/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
687	188131	Võ Minh Hiền	19/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
688	189552	Lê Hoàng Hiếu	12/07/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
689	180725	Lý Gia Huy	18/11/1999	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
690	180878	Nguyễn Khắc Huy	23/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
691	180737	Nguyễn Quang Huy	10/10/1999	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
692	180802	Phan Nhật Huy	24/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
693	180872	Hồ Nhật Khải	11/11/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
694	180749	Đinh Nhỉ Khang	29/02/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
695	189747	Nguyễn Hoàng Khang	20/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
696	180894	Trương Vĩ Khang	06/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
697	180745	Trần Hoàng Khanh	24/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
698	180855	Trần Minh Khởi	10/11/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
699	180792	Nguyễn Qúy Long	02/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
700	189744	Lê Quang Minh	28/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
701	180767	Trần Trường My	10/02/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
702	180731	Phạm Minh Nam	28/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
703	1810159	Nhan Trọng Nghĩa	22/07/1998	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
704	1810038	Nguyễn Thái Nguyên	21/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
705	1810035	Huỳnh Thanh Nhàn	15/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
706	1810447	Võ Minh Nhân	02/01/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
707	180818	Trầm Nhi	10/11/1999	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
708	180785	Phạm Quang Phú	06/08/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
709	180866	Dương Trọng Phúc	27/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
710	1810139	Nguyễn Long Phụng	01/12/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
711	180797	Nguyễn Hoàng Quân	22/07/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
712	180710	Mai Nhựt Quang	12/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
713	188115	Nguyễn Tấn Tài	16/04/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
714	180824	Phan Thành Tân	25/09/1999	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
715	180729	Lê Văn Thành	24/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
716	188142	Phan Hoàng Thiện	10/01/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
717	180852	Châu Phước Thịnh	04/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
718	188155	Tạ Minh Thông	12/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
719	189647	Nguyễn Văn Tiến	19/02/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
720	189853	Quách Hoàng Tín	06/06/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
721	188106	Nguyễn Quốc Toan	16/12/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
722	189734	Nguyễn Công Toàn	28/06/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
723	188139	Trần Văn Quốc Toản	01/11/1999	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
724	180719	Nguyễn Hoàng Tuấn	01/01/2000	Nam	DH18OTO03		010100108804	Cơ học lưu chất ứng dụng	
725	180938	Trần Hoàng Gia	05/09/2000	Nam	DH18OTO03		010100113903	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
726	180737	Nguyễn Quang Huy	10/10/1999	Nam	DH18OTO03		010100113903	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
727	180731	Phạm Minh Nam	28/10/2000	Nam	DH18OTO03		010100113903	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
728	180710	Mai Nhựt Quang	12/05/2000	Nam	DH18OTO03		010100113903	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
729	188246	Nguyễn Huỳnh Hoàng Bảo	03/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
730	189145	Trần Chí Bảo	29/04/1998	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
731	188175	Phan Văn Cường	08/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
732	188406	Dương Trần Duy	11/12/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
733	189154	Lý Hoàng Em	10/10/1998	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
734	188197	Nguyễn Gia Huy	30/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
735	178130	Nguyễn Quốc Huy	01/10/1998	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
736	188379	Hồ Vĩnh Khang	07/03/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
737	188453	Nguyễn Hữu Khang	13/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
738	188276	Tô Tuấn Kiệt	30/03/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
739	188309	Trương Chí Lâm	09/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
740	188275	Phan Cao Nguyên	19/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
741	188334	Lê Phúc Phát	01/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
742	189249	Nguyễn Thanh Phong	06/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
743	188314	Quách Hoài Phương	25/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
744	188336	Trần Tấn Tài	09/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
745	188517	Nguyễn Trung Tính	25/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100146404	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
746	188269	Lê Nam Anh	22/12/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
747	188432	Ngô Tấn Anh	17/09/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
748	188213	Huỳnh Quốc Bảo	20/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
749	188246	Nguyễn Huỳnh Hoàng Bảo	03/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
750	188253	Trần Bảo	30/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
751	189145	Trần Chí Bảo	29/04/1998	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
752	188440	Nguyễn Vủ Cọt	12/12/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
753	188175	Phan Văn Cường	08/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
754	1810283	Trần Hải Đăng	15/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
755	188406	Dương Trần Duy	11/12/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
756	189154	Lý Hoàng Em	10/10/1998	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
757	188239	Võ Thanh Hiền	28/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
758	189146	Hồ Chí Hiện	20/10/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
759	189236	Nguyễn Hoàng Hôn	06/05/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
760	188368	Nguyễn Vủ Hưng	19/05/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
761	188466	Đặng Duy Khang	16/03/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
762	188166	Hứa Phú Khôi	01/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
763	188276	Tô Tuấn Kiệt	30/03/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
764	188309	Trương Chí Lâm	09/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
765	188281	Huỳnh Thanh Liêm	29/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
766	189132	Hà Phạm Minh Luân	27/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
767	188515	Trần Công Minh	30/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
768	189398	Nguyễn Hữu Nghĩa	29/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
769	188478	Chu Hảo Nguyên	24/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
770	188417	Dương Trung Nguyên	07/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
771	188275	Phan Cao Nguyên	19/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
772	188484	Nguyễn Thanh Nhân	09/02/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
773	188334	Lê Phúc Phát	01/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
774	189356	Phan Trần Phát	03/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
775	189249	Nguyễn Thanh Phong	06/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
776	176982	Ngô Đình Phúc	27/10/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
777	188314	Quách Hoài Phương	25/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
778	188327	Nguyễn Văn Sang	25/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
779	188409	Phạm Hồng Sum	24/11/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
780	188336	Trần Tấn Tài	09/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
781	188468	Nguyễn Minh Tân	05/09/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
782	188375	Nguyễn Dương Thành	24/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
783	189201	Trần Minh Thiện	20/03/1999	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
784	188295	Thạch Lâm Thượng	03/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
785	188517	Nguyễn Trung Tính	25/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
786	188224	Võ Minh Trí	01/01/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
787	180575	Phạm Nguyễn Minh Trung	23/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
788	188184	Trần Hoàng Tuấn	14/01/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
789	188416	Nguyễn Văn Vẹn	28/02/1998	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
790	188324	Trần Quốc Vịnh	11/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
791	188518	Lê Minh Vương	19/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100108803	Cơ học lưu chất ứng dụng	
792	188432	Ngô Tấn Anh	17/09/1999	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
793	189154	Lý Hoàng Em	10/10/1998	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
794	188309	Trương Chí Lâm	09/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
795	188275	Phan Cao Nguyên	19/08/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
796	189356	Phan Trần Phát	03/11/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
797	188314	Quách Hoài Phương	25/10/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
798	188517	Nguyễn Trung Tính	25/07/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
799	188224	Võ Minh Trí	01/01/2000	Nam	DH18OTO04		010100113904	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
800	188759	Mai Bình An	06/06/1999	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
801	188635	Nguyễn Phú An	11/03/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
802	188544	Nguyễn Thế Anh	08/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
803	188641	Nguyễn Trần Gia Bảo	12/07/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
804	188688	Vương Quốc Cường	23/07/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
805	188659	Mai Thanh Duy	23/07/1999	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
806	189167	Trần Lê Hữu Duy	20/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
807	188572	Nguyễn Thành Hậu	14/03/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
808	188753	Lê Nhật Linh	18/11/1999	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
809	188729	Mad A Ly	19/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
810	188722	Lê Văn Thạch	12/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
811	188609	Thạch Sô Thia	30/06/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
812	188742	Phan Hữu Toàn	29/08/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
813	188530	Nguyễn Lê Minh Tuấn	12/09/2000	Nam	DH18OTO05		010100146405	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
814	188635	Nguyễn Phú An	11/03/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
815	188772	Nguyễn Văn Hải An	14/10/1999	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
816	188641	Nguyễn Trần Gia Bảo	12/07/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
817	189308	Trần Quốc Bảo	01/01/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
818	188570	Lê Hữu Dinh	21/11/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
819	188603	Dương Nhựt Duy	16/10/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
820	189222	Nguyễn Hoàng Anh Duy	29/02/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
821	189167	Trần Lê Hữu Duy	20/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
822	188697	Diệp Anh Hào	07/09/1999	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
823	189373	Lâm Vĩnh Hào	28/10/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
824	188572	Nguyễn Thành Hậu	14/03/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
825	188651	Nguyễn Hoài Linh	21/06/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
826	1810353	Lâm Quang Lộc	14/11/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
827	188723	Phan Văn Lợi	04/04/1999	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
828	189096	Huỳnh Thanh Long	27/09/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
829	188702	Trần Bình Minh	25/12/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
830	188737	Nguyễn Minh Nhí	15/07/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
831	188773	Dương Hoàng Nhựt	15/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
832	188559	Huỳnh Thiện Phúc	17/03/1999	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
833	188546	Nguyễn Quang Tâm	09/02/1999	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
834	188722	Lê Văn Thạch	12/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
835	189505	Nguyễn Thanh Thắng	28/01/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
836	189122	Nguyễn Duy Thanh	13/04/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
837	188609	Thạch Sô Thia	30/06/2000	Nam	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
838	189173	Nguyễn Thị Anh Thư	01/01/2000	Nữ	DH18OTO05		010100108801	Cơ học lưu chất ứng dụng	
839	188641	Nguyễn Trần Gia Bảo	12/07/2000	Nam	DH18OTO05		010100113905	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
840	188651	Nguyễn Hoài Linh	21/06/2000	Nam	DH18OTO05		010100113905	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
841	188742	Phan Hữu Toàn	29/08/2000	Nam	DH18OTO05		010100113905	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
842	188767	Nguyễn Quốc Tuấn	05/08/2000	Nam	DH18OTO05		010100113905	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
843	1810753	Nguyễn Phước Dân	19/12/1999	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
844	188919	Nguyễn Minh Dương	29/03/2000	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
845	188945	Trần Lê Gia Huy	07/08/1999	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
846	188913	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	06/01/1998	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
847	189128	Nguyễn Nhựt Linh	17/03/2000	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
848	188936	Kiều Tấn Lợi	19/03/1999	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
849	188963	Nguyễn Bảo Thoại	02/06/2000	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
850	188801	Trần Công Toại	26/08/2000	Nam	DH18OTO06		010100146406	Chẩn đoán kỹ thuật và bảo dưỡng - sửa chữa ô tô	
851	1810753	Nguyễn Phước Dân	19/12/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
852	188854	Võ Anh Duy	01/03/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
853	188945	Trần Lê Gia Huy	07/08/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
854	189094	Đào Văn Huynh	18/12/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
855	189217	Dương Trường Khả	26/06/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
856	189477	Trần Hoàng Khải	21/07/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
857	189139	Võ Nguyễn Khâm	16/02/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
858	188783	Trần Hữu Khang	28/04/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
859	188913	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	06/01/1998	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
860	188878	Phan Nhật Linh	10/03/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
861	188850	Nguyễn Tuấn Nam	27/04/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
862	188974	Trần Minh Nam	15/09/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
863	188996	Huỳnh Văn Năng	10/04/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
864	188978	Đoàn Hoàng Nghiệp	30/04/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
865	188995	Hồ Văn Phố	10/08/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
866	189042	Nguyễn Phú Quý	17/10/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
867	188882	Nguyễn Chí Thiện	22/09/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
868	188963	Nguyễn Bảo Thoại	02/06/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
869	188801	Trần Công Toại	26/08/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
870	189095	Lê Bảo Toàn	21/10/1999	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
871	189077	Nguyễn Bảo Toàn	25/03/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
872	188836	Nguyễn Quang Trãi	28/07/2000	Nam	DH18OTO06		010100108802	Cơ học lưu chất ứng dụng	
873	1810753	Nguyễn Phước Dân	19/12/1999	Nam	DH18OTO06		010100113906	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
874	189098	Hứa Minh Mẫn	19/06/2000	Nam	DH18OTO06		010100113906	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
875	188801	Trần Công Toại	26/08/2000	Nam	DH18OTO06		010100113906	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	
876	189115	Ngô Ngọc Như Quỳnh	08/06/2000	Nữ	DH18QHC01		010100016501	Anh văn chuyên ngành 1 (QHCC)	
877	180666	Phạm Thị Huyền Trang	02/02/2000	Nữ	DH18QHC01		010100016501	Anh văn chuyên ngành 1 (QHCC)	
878	189665	Nguyễn Hữu Trọng	24/01/2000	Nam	DH18QHC01		010100016501	Anh văn chuyên ngành 1 (QHCC)	
879	189665	Nguyễn Hữu Trọng	24/01/2000	Nam	DH18QHC01		010100039701	Thiết kế và trình bày quan hệ công chúng	
880	188261	Nguyễn Nhật Hào	07/08/2000	Nam	DH18QLD01	DH20TCN01	010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
881	177720	Huỳnh Triệu Qui	28/02/1998	Nam	DH18QLD01	DH20TCN01	010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
882	177720	Huỳnh Triệu Qui	28/02/1998	Nam	DH18QLD01	DH20TCN01	010100064118	Kinh tế chính trị	
883	1810319	Hồ Thẩm Nhật Linh	23/12/1998	Nam	DH18QLD01		010100031001	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	
884	1810319	Hồ Thẩm Nhật Linh	23/12/1998	Nam	DH18QLD01		010100036801	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	
885	177720	Huỳnh Triệu Qui	28/02/1998	Nam	DH18QLD01		010100036801	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	
886	1810319	Hồ Thẩm Nhật Linh	23/12/1998	Nam	DH18QLD01		010100038501	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu	
887	1810327	Phan Hồ Văn Dự	02/03/2000	Nam	DH18QLT01		010100010601	Kỹ thuật xử lý nước thải	
888	188389	Thái Trương Nhựt Quang	19/11/2000	Nam	DH18QLT01		010100010601	Kỹ thuật xử lý nước thải	
889	1810645	Mai Kiều Tiên	19/03/2000	Nữ	DH18QLT01		010100010601	Kỹ thuật xử lý nước thải	
890	1810691	Nguyễn Minh Tiến	21/07/2000	Nam	DH18QLT01		010100010601	Kỹ thuật xử lý nước thải	
891	188389	Thái Trương Nhựt Quang	19/11/2000	Nam	DH18QLT01		010100123601	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	
892	1810645	Mai Kiều Tiên	19/03/2000	Nữ	DH18QLT01		010100123601	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	
893	188389	Thái Trương Nhựt Quang	19/11/2000	Nam	DH18QLT01		010100037401	Quy hoạch môi trường	
894	1810645	Mai Kiều Tiên	19/03/2000	Nữ	DH18QLT01		010100037401	Quy hoạch môi trường	
895	180503	Phạm Minh Dương	30/04/1999	Nam	DH18QTD01	DH20QTK01	010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
896	180503	Phạm Minh Dương	30/04/1999	Nam	DH18QTD01		010100078203	Quản trị kinh doanh lữ hành	
897	180431	Nguyễn Thị Hồng Thúy	27/01/2000	Nữ	DH18QTD01		010100078203	Quản trị kinh doanh lữ hành	
898	180503	Phạm Minh Dương	30/04/1999	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
899	180215	Nguyễn Kiều Duyên	10/04/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
900	166683	Danh Phí Hiền	16/10/1997	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
901	189963	Nguyễn Vủ Hùng	01/01/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
902	180107	Nguyễn Minh Khuê	08/02/2000	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
903	1810023	Phạm Thị Kim Ngân	09/06/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
904	180765	Nguyễn Minh Nhựt	19/04/2000	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
905	1810463	Lê Tú Quyên	09/08/1999	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
906	180770	Huỳnh Tấn Tài	05/09/2000	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
907	180479	Đỗ Hoàng Thuận	27/03/2000	Nam	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
908	180431	Nguyễn Thị Hồng Thúy	27/01/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
909	189884	Đặng Hồng Trâm	14/05/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
910	1810276	Huỳnh Thanh Trúc	20/01/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
911	180346	Huỳnh Thị Đông Trúc	01/02/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
912	1810747	Tăng Kim Tuyết	10/12/2000	Nữ	DH18QTD01		010100079303	Quản trị thương hiệu	
913	188687	Nguyễn Thành Đạt	22/08/2000	Nam	DH18QTD02		010100078201	Quản trị kinh doanh lữ hành	
914	188687	Nguyễn Thành Đạt	22/08/2000	Nam	DH18QTD02		010100079302	Quản trị thương hiệu	
915	188404	Lê Thị Yến Duy	04/09/2000	Nữ	DH18QTD02		010100079302	Quản trị thương hiệu	
916	189938	Trịnh Thị Mỹ Hiền	21/05/2000	Nữ	DH18QTD02		010100079302	Quản trị thương hiệu	
917	151751	Nguyễn Thị Trinh Trinh	21/11/1997	Nữ	DH18QTD03	DH20TCN02	010100064116	Kinh tế chính trị	
918	189761	Vương Tuyết Băng	29/08/2000	Nữ	DH18QTD03		010100078202	Quản trị kinh doanh lữ hành	
919	1810820	Nguyễn Văn Châu	18/05/2000	Nam	DH18QTD03		010100078202	Quản trị kinh doanh lữ hành	
920	1810141	Triệu Thị Diệu Hiền	09/04/2000	Nữ	DH18QTD03		010100078202	Quản trị kinh doanh lữ hành	
921	189148	Phạm Trung Kiên	13/05/2000	Nam	DH18QTD03		010100078202	Quản trị kinh doanh lữ hành	
922	1810296	Nguyễn Vĩnh Tường	09/04/1998	Nam	DH18QTD03		010100078202	Quản trị kinh doanh lữ hành	
923	189761	Vương Tuyết Băng	29/08/2000	Nữ	DH18QTD03		010100079301	Quản trị thương hiệu	
924	1810820	Nguyễn Văn Châu	18/05/2000	Nam	DH18QTD03		010100079301	Quản trị thương hiệu	
925	1810141	Triệu Thị Diệu Hiền	09/04/2000	Nữ	DH18QTD03		010100079301	Quản trị thương hiệu	
926	189148	Phạm Trung Kiên	13/05/2000	Nam	DH18QTD03		010100079301	Quản trị thương hiệu	
927	1810296	Nguyễn Vĩnh Tường	09/04/1998	Nam	DH18QTD03		010100079301	Quản trị thương hiệu	
928	180134	Cao Minh Anh	12/03/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
929	189289	Trần Thị Phương Anh	15/10/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
930	180216	Nguyễn Tấn Đạt	21/08/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
931	180665	Phan Nguyễn Trung Kiên	16/06/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
932	1810724	Lê Mỹ Linh	18/01/1998	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
933	180270	Phạm Ngọc Như Linh	13/06/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
934	180598	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	19/12/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
935	180616	Đỗ Khai Nguyên	23/01/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
936	180369	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	07/11/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
937	180291	Lê Vũ Thanh	29/05/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
938	189496	Đỗ Hoàng Minh Thơ	10/07/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
939	180297	Nguyễn Thị Kim Thúy	13/09/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
940	1810692	Đỗ Thị Tuyền	26/11/2000	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
941	180429	Đỗ Thế Vinh	02/09/2000	Nam	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
942	180089	Lê Thị Kim Xuyến	24/04/1999	Nữ	DH18QTK01		010100077402	Quản trị chất lượng	
943	180270	Phạm Ngọc Như Linh	13/06/2000	Nữ	DH18QTK01		010100084703	Thương mại điện tử	
944	180616	Đỗ Khai Nguyên	23/01/2000	Nam	DH18QTK01		010100084703	Thương mại điện tử	
945	189496	Đỗ Hoàng Minh Thơ	10/07/2000	Nữ	DH18QTK01		010100084703	Thương mại điện tử	
946	188176	Mai Ngọc Dễ	16/09/2000	Nữ	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
947	1810841	Phan Thanh Hào	26/06/1996	Nam	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
948	189447	Nguyễn Minh Luân	12/08/2000	Nam	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
949	180783	Lê Ngọc Ý Nhi	18/03/2000	Nữ	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
950	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng Oanh	14/05/2000	Nữ	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
951	189240	Kha Thanh Quí	18/10/1999	Nam	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
952	180746	Huỳnh Thị Mộng Thu	01/01/2000	Nữ	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
953	189569	Phan Lâm Chí Tường	16/12/2000	Nam	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
954	189390	Lê Thanh Xuân	25/07/2000	Nam	DH18QTK02		010100077401	Quản trị chất lượng	
955	1810841	Phan Thanh Hào	26/06/1996	Nam	DH18QTK02		010100084704	Thương mại điện tử	
956	189447	Nguyễn Minh Luân	12/08/2000	Nam	DH18QTK02		010100084704	Thương mại điện tử	
957	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng Oanh	14/05/2000	Nữ	DH18QTK02		010100084704	Thương mại điện tử	
958	189390	Lê Thanh Xuân	25/07/2000	Nam	DH18QTK02		010100084704	Thương mại điện tử	
959	177728	Cao Uyển Uyển	24/04/1999	Nữ	DH18QTK03	DH19QTK03	010100072504	Nghiên cứu Marketing	
960	188623	Bùi Thị Mỹ Duyên	23/07/2000	Nữ	DH18QTK03		010100077404	Quản trị chất lượng	
961	176625	Trần Nhân Hậu	11/11/1999	Nam	DH18QTK03		010100077404	Quản trị chất lượng	
962	189943	Nguyễn Tiến Minh	13/06/2000	Nam	DH18QTK03		010100077404	Quản trị chất lượng	
963	178137	Đặng Thị Diễm Phương	01/04/1999	Nữ	DH18QTK03		010100077404	Quản trị chất lượng	
964	189977	Trần Quang Vinh	02/11/2000	Nữ	DH18QTK03		010100077404	Quản trị chất lượng	
965	188623	Bùi Thị Mỹ Duyên	23/07/2000	Nữ	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
966	176625	Trần Nhân Hậu	11/11/1999	Nam	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
967	189943	Nguyễn Tiến Minh	13/06/2000	Nam	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
968	188436	Nguyễn Thị Huỳnh Như	25/10/2000	Nữ	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
969	177728	Cao Uyển Uyển	24/04/1999	Nữ	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
970	189977	Trần Quang Vinh	02/11/2000	Nữ	DH18QTK03		010100084701	Thương mại điện tử	
971	175781	Nguyễn Nhựt Bằng	25/10/1999	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
972	188933	Nguyễn Thị Hồng Diễm	17/06/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
973	189002	Lê Phương Doanh	09/05/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
974	188811	Hứa Trường Giang	01/08/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
975	175772	Hồ Phương Nam	26/03/1999	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
976	189033	Phạm Thảo Ngân	01/01/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
977	1810357	Trần Thị Thanh Ngân	29/12/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
978	188750	Đỗ Hữu Nghĩa	14/09/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
979	189199	Trần Cẩm Nhi	20/02/1999	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
980	189182	Lại Minh Phi	28/02/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
981	177317	Nguyễn Hồ Phi	05/06/1999	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
982	189113	Nguyễn Hồng Phúc	19/03/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
983	189063	Trần Quang	08/06/1999	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
984	1810389	Trần Ngọc Quyên	19/07/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
985	189825	Nguyễn Huỳnh Thanh	18/01/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
986	1810459	Nguyễn Ngọc Minh Thư	20/08/2000	Nữ	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
987	188889	Phạm Hoàng Thuận	22/10/2000	Nam	DH18QTK04		010100077403	Quản trị chất lượng	
988	175781	Nguyễn Nhựt Bằng	25/10/1999	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
989	175772	Hồ Phương Nam	26/03/1999	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
990	189033	Phạm Thảo Ngân	01/01/2000	Nữ	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
991	188750	Đỗ Hữu Nghĩa	14/09/2000	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
992	189199	Trần Cẩm Nhi	20/02/1999	Nữ	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
993	177317	Nguyễn Hồ Phi	05/06/1999	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
994	189063	Trần Quang	08/06/1999	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
995	1810389	Trần Ngọc Quyên	19/07/2000	Nữ	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
996	189825	Nguyễn Huỳnh Thanh	18/01/2000	Nam	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
997	1810459	Nguyễn Ngọc Minh Thư	20/08/2000	Nữ	DH18QTK04		010100084702	Thương mại điện tử	
998	1810384	Đỗ Thúy An	24/05/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
999	1810349	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	07/05/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1000	188119	Huỳnh Đăng Khoa	14/10/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1001	180416	Nguyễn Thị Ngọc Lan	30/10/1999	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1002	188921	Nguyễn Nhựt Linh	03/07/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1003	1810215	Trần Cẩm My	30/06/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1004	188861	Ngô Đình Nghĩa	27/12/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1005	1810073	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/01/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1006	180578	Châu Nhuận Phát	06/12/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1007	189556	Phạm Thị Diễm Phúc	15/04/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1008	188957	Nguyễn Trọng Tâm	24/12/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1009	180572	Văn Tuấn Tân	20/02/1998	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1010	180462	Trương Phước Thiện	25/10/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1011	189864	Lâm Tài Thọ	26/09/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1012	188581	Nguyễn Thị Thủy Tiên	24/11/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1013	188914	Nguyễn Minh Tiến	02/04/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1014	189093	Dương Văn Tiển	29/09/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1015	1810130	Nguyễn Linh Trân	01/06/2000	Nữ	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1016	180679	Phạm Hồ Trung	16/04/1999	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1017	1810241	Thạch Hoàng Minh Tú	30/10/2000	Nam	DH18TCN01		010100062401	Kế toán ngân hàng	
1018	1810073	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/01/2000	Nữ	DH18TCN01		010100081503	Thẩm định tín dụng	
1019	1810202	Lâm Tuấn Anh	13/02/1998	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1020	180273	Nguyễn Thanh Duy	08/12/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1021	180325	Nguyễn Văn Hiền	14/07/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1022	180474	Võ Trung Hiếu	01/12/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1023	1810748	Đặng Hoàng An Khang	16/07/1996	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1024	180237	Nguyễn Nhật Nam	22/08/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1025	180485	Trần Nhựt Phi	28/08/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1026	1810314	Nguyễn Hồng Quân	18/08/1999	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1027	1810852	Nguyễn Văn Qui	28/09/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1028	165714	Nguyễn Thanh Sang	25/08/1997	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1029	176956	Phạm Gia Trọng Tín	01/10/1999	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1030	180681	Hồng Bích Trăm	15/02/2000	Nữ	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1031	180747	Nguyễn Thanh Tùng	18/10/2000	Nam	DH18TIN01		010100099501	Điện toán đám mây	
1032	178021	Lê Hữu Đang	17/07/1998	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1033	180882	Ninh Hoàng Khải	17/08/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1034	180843	Võ Quốc Khải	27/07/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1035	180907	Nguyễn Trường Khang	13/02/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1036	1810866	Tân Tấn Lập	19/09/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1037	188137	Nguyễn Thành Nhân	19/02/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1038	180932	Nguyễn Văn Phòng	13/03/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1039	188512	Nguyễn Đình Thoại	16/09/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1040	188192	Hồng Minh Trí	06/10/2000	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1041	177643	Lâm Hoàng Tú	05/08/1999	Nam	DH18TIN02		010100099502	Điện toán đám mây	
1042	188693	Nguyễn Bảo Anh	29/07/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1043	1810948	Trần Huyền Chân	09/01/2000	Nữ	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1044	188790	Dương Minh Chuẩn	29/09/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1045	188986	Nguyễn Chí Công	20/04/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1046	188557	Nguyễn Ngọc Đặng	05/05/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1047	188584	Phạm Ngọc Đầy	10/07/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1048	188746	Diệp Võ Tấn Hưng	30/08/1999	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1049	188847	Lý Duy Khánh	27/01/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1050	189111	Huỳnh Tấn Lộc	10/11/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1051	188973	Nguyễn Đình Hoàng Long	17/03/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1052	1810847	Lê Trọng Nghĩa	15/02/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1053	188677	Từ Nhựt Tân	23/02/1999	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1054	1810417	Huỳnh Minh Thức	26/05/2000	Nam	DH18TIN03		010100099503	Điện toán đám mây	
1055	1810847	Lê Trọng Nghĩa	15/02/2000	Nam	DH18TIN03	DH20TIN06	010100091901	Lập trình căn bản	
1056	1810019	Bùi Thanh Duy	14/07/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1057	1810338	Nguyễn Thanh Duy	06/08/1999	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1058	189260	Trần Quốc Duy	20/05/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1059	189628	Bành Gia Khang	15/05/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1060	1810347	Huỳnh Mạnh Phi	04/01/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1061	189601	Phan Minh Phi	24/12/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1062	1810608	Lê Quốc Phong	22/04/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1063	189968	Trần Nhất Phương	26/02/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1064	189846	Lê Nguyễn Bích Phượng	06/05/2000	Nữ	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1065	1810858	Nguyễn Thái Sang	06/01/1995	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1066	189485	Nguyễn Bảo Toàn	10/01/1999	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1067	189727	Trần Văn Trạng	21/05/2000	Nam	DH18TIN04		010100099504	Điện toán đám mây	
1068	189893	Đỗ Thanh Trọng	11/01/2000	Nam	DH18TIN04	DH20TIN03	010100091904	Lập trình căn bản	
1069	1810858	Nguyễn Thái Sang	06/01/1995	Nam	DH18TIN04	DH20TIN03	010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
1070	1810200	Trịnh Gia Bảo	20/06/1996	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1071	180590	Lương Thành Đạt	24/01/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1072	188347	Phan Anh Duy	09/06/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1073	188125	Phạm Trường Giang	06/11/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1074	180209	Huỳnh Phan Đức Huy	15/12/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1075	189605	Đặng Văn Khang	25/11/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1076	1810103	Phan Duy Khánh	04/11/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1077	188962	Nguyễn Tuấn Kiệt	03/10/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1078	189829	Ngô Duy Linh	24/09/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1079	188813	Tô Trần Quang Linh	16/10/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1080	1810607	Nguyễn Thành Lộc	15/08/1999	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1081	176459	Hồ Quang Nhựt	12/05/1999	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1082	188837	Lê Quốc Phong	16/03/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1083	188663	Nguyễn Văn Sinh	05/08/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1084	176374	Nguyễn Thành Trung	08/08/1999	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1085	180573	Lê Hoàng Việt	22/08/2000	Nam	DH18XDU01		010100009601	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	
1086	1810200	Trịnh Gia Bảo	20/06/1996	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1087	188726	Nguyễn Nhựt Cường	21/02/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1088	180590	Lương Thành Đạt	24/01/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1089	188577	Trần Chí Dương	16/02/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1090	188125	Phạm Trường Giang	06/11/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1091	180209	Huỳnh Phan Đức Huy	15/12/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1092	1810607	Nguyễn Thành Lộc	15/08/1999	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1093	188768	Huỳnh Văn Nhân	11/04/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1094	176459	Hồ Quang Nhựt	12/05/1999	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1095	188837	Lê Quốc Phong	16/03/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1096	180250	Phan Thanh Phúc	08/02/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1097	189272	Lê Thiện Tâm	24/09/1999	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1098	188756	Lê Văn Trường	24/06/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1099	188959	Nguyễn Văn Tường	01/07/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1100	180573	Lê Hoàng Việt	22/08/2000	Nam	DH18XDU01		010100011801	Nền và móng	
1101	180290	Nguyễn Minh Nhựt	11/04/2000	Nam	DH18XET01		010100118901	Hóa sinh 3	
1102	176560	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/08/1999	Nữ	DH18XET01		010100120102	Ký sinh trùng 2	
1103	180438	Trần Vinh Hiển	16/08/2000	Nam	DH18XET01		010100120102	Ký sinh trùng 2	
1104	180367	Cao Cẩm Huyền	06/11/2000	Nữ	DH18XET01		010100120102	Ký sinh trùng 2	
1105	180816	Lý Thu Thảo	12/08/2000	Nữ	DH18XET01		010100120102	Ký sinh trùng 2	
1106	180290	Nguyễn Minh Nhựt	11/04/2000	Nam	DH18XET01		010100119703	Vi sinh 3	
1107	188284	Trần Thị Mỹ Duyên	19/07/2000	Nữ	DH18XET02		010100118902	Hóa sinh 3	
1108	188230	Trần Trà Mi	25/11/2000	Nữ	DH18XET02		010100118902	Hóa sinh 3	
1109	1810773	Trần Nguyên Phương Thảo	03/12/2000	Nữ	DH18XET02		010100118902	Hóa sinh 3	
1110	189061	Huỳnh Quốc Đạt	24/08/2000	Nam	DH18XET02		010100120103	Ký sinh trùng 2	
1111	188284	Trần Thị Mỹ Duyên	19/07/2000	Nữ	DH18XET02		010100120103	Ký sinh trùng 2	
1112	189303	Nguyễn Huỳnh Gia Hân	28/05/2000	Nữ	DH18XET02		010100120103	Ký sinh trùng 2	
1113	188230	Trần Trà Mi	25/11/2000	Nữ	DH18XET02		010100120103	Ký sinh trùng 2	
1114	189088	Tô Yến Vi	13/11/2000	Nữ	DH18XET02		010100120103	Ký sinh trùng 2	
1115	188284	Trần Thị Mỹ Duyên	19/07/2000	Nữ	DH18XET02		010100119701	Vi sinh 3	
1116	188230	Trần Trà Mi	25/11/2000	Nữ	DH18XET02		010100119701	Vi sinh 3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1117	189709	Huỳnh Yến Linh	03/10/2000	Nữ	DH18XET03		010100120101	Ký sinh trùng 2	
1118	1810126	Lê Thị Yến Nhi	02/02/2000	Nữ	DH18XET03		010100120101	Ký sinh trùng 2	
1119	1810140	Lê Mộng Thu	08/07/2000	Nữ	DH18XET03		010100120101	Ký sinh trùng 2	
1120	1810085	Trần Phạm Tường Vy	24/07/2000	Nữ	DH18XET03		010100120101	Ký sinh trùng 2	
1121	189267	Thái Tường Quốc Cường	09/07/2000	Nam	DH18YKH01		011500123901	Chẩn đoán hình ảnh	
1122	189360	Giang Thành Đạt	29/02/2000	Nam	DH18YKH01		011500123901	Chẩn đoán hình ảnh	
1123	189454	La Hoàng Long	05/12/2000	Nam	DH18YKH01		011500123901	Chẩn đoán hình ảnh	
1124	189538	Trương Lê Diễm Tú	07/01/2000	Nữ	DH18YKH01		011500123901	Chẩn đoán hình ảnh	
1125	189763	Lê Quang Đại	30/09/1998	Nam	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1126	189691	Nguyễn Diệp Quốc Khánh	16/02/2000	Nam	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1127	189301	Kiều Thị Ngọc Mai	29/08/2000	Nữ	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1128	189564	Nguyễn Đoàn Quang Nhật	01/01/2000	Nam	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1129	1810525	Nguyễn Hồ Minh Nhựt	30/09/2000	Nam	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1130	189562	Thị Xuân Thảo	19/08/2000	Nữ	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1131	189608	Nguyễn Thị Tú Trinh	20/02/2000	Nữ	DH18YKH02		011500123902	Chẩn đoán hình ảnh	
1132	189763	Lê Quang Đại	30/09/1998	Nam	DH18YKH02		011500156704	Huấn luyện kỹ năng	
1133	189691	Nguyễn Diệp Quốc Khánh	16/02/2000	Nam	DH18YKH02		011500156704	Huấn luyện kỹ năng	
1134	189301	Kiều Thị Ngọc Mai	29/08/2000	Nữ	DH18YKH02		011500156704	Huấn luyện kỹ năng	
1135	189564	Nguyễn Đoàn Quang Nhật	01/01/2000	Nam	DH18YKH02		011500156704	Huấn luyện kỹ năng	
1136	189763	Lê Quang Đại	30/09/1998	Nam	DH18YKH02		011500156901	Triệu chứng nội khoa	
1137	189691	Nguyễn Diệp Quốc Khánh	16/02/2000	Nam	DH18YKH02		011500156901	Triệu chứng nội khoa	
1138	189301	Kiều Thị Ngọc Mai	29/08/2000	Nữ	DH18YKH02		011500156901	Triệu chứng nội khoa	
1139	189564	Nguyễn Đoàn Quang Nhật	01/01/2000	Nam	DH18YKH02		011500156901	Triệu chứng nội khoa	
1140	189905	Lương Nguyễn Hoài Nam	01/04/2000	Nam	DH18YKH03		011500123903	Chẩn đoán hình ảnh	
1141	1810032	Lý Văn Triệu	20/04/1996	Nam	DH18YKH03		011500123903	Chẩn đoán hình ảnh	
1142	1810032	Lý Văn Triệu	20/04/1996	Nam	DH18YKH03		011500156701	Huấn luyện kỹ năng	
1143	1810032	Lý Văn Triệu	20/04/1996	Nam	DH18YKH03		011500146704	Phẫu thuật thực hành	
1144	1810053	Cao Nhựt Anh	09/03/2000	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1145	189964	Dương Quốc Bảo	10/09/1998	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1146	1810117	Nguyễn Lê Nhật Duy	06/06/1997	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1147	1810547	Huỳnh Minh Kha	13/11/1994	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1148	189866	Thạch Minh Luật	05/04/2000	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1149	189905	Lương Nguyễn Hoài Nam	01/04/2000	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1150	1810055	Lê Mỹ Quyền	02/07/2000	Nữ	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1151	189954	Trần Võ Xuân Quỳnh	12/01/2000	Nữ	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1152	1810032	Lý Văn Triệu	20/04/1996	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1153	189957	Phạm Phúc Tường	29/11/2000	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1154	1810069	Trần Cát Vân	25/01/2000	Nữ	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1155	189978	Nguyễn Quang Vinh	28/08/2000	Nam	DH18YKH03		011500054502	Tổ chức và quản lý y tế	
1156	1810361	Võ Nguyễn Gia Khánh	20/07/2000	Nam	DH18YKH04		011500123904	Chẩn đoán hình ảnh	
1157	1810510	Nguyễn Thiện Minh	21/03/2000	Nam	DH18YKH04		011500123904	Chẩn đoán hình ảnh	
1158	1810361	Võ Nguyễn Gia Khánh	20/07/2000	Nam	DH18YKH04		011500156702	Huấn luyện kỹ năng	
1159	1810510	Nguyễn Thiện Minh	21/03/2000	Nam	DH18YKH04		011500156702	Huấn luyện kỹ năng	
1160	1810361	Võ Nguyễn Gia Khánh	20/07/2000	Nam	DH18YKH04		011500146703	Phẫu thuật thực hành	
1161	1810510	Nguyễn Thiện Minh	21/03/2000	Nam	DH18YKH04		011500146703	Phẫu thuật thực hành	
1162	1810149	Lê Nguyễn Tuyết Phương	09/01/2000	Nữ	DH18YKH04		011500146703	Phẫu thuật thực hành	
1163	1810172	Vương Minh Chiến	07/03/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1164	1810179	Lê Bảo Duy	07/01/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1165	1810325	Lê Việt Khánh	27/11/2000	Nữ	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1166	1810361	Võ Nguyễn Gia Khánh	20/07/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1167	1810326	Vũ Tùng Lâm	12/12/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1168	1810510	Nguyễn Thiện Minh	21/03/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1169	1810535	Vũ Thanh Phong	01/08/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1170	1810149	Lê Nguyễn Tuyết Phương	09/01/2000	Nữ	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1171	1810518	Huỳnh Thanh Sang	07/01/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1172	1810190	Trương Phước Thông	09/09/2000	Nam	DH18YKH04		011500054501	Tổ chức và quản lý y tế	
1173	199647	Lê Nguyễn Đức Duy	13/11/2001	Nam	DH19CKD01		010100155601	Cấu tạo oto - máy kéo	
1174	191069	Phạm Trường Long	04/01/2001	Nam	DH19CKD01		010100155601	Cấu tạo oto - máy kéo	
1175	199681	Nguyễn Quốc Tuấn	01/06/2001	Nam	DH19CKD01		010100155601	Cấu tạo oto - máy kéo	
1176	1910058	Nguyễn Phước Khang	04/08/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1177	192196	Phan Trần An Khang	18/07/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1178	191069	Phạm Trường Long	04/01/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1179	199856	Nguyễn Vĩnh Nghi	09/10/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1180	191573	Lê Triệu Phú	21/06/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1181	199290	Bùi Văn Phục	27/10/1999	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1182	199455	Nguyễn Hải Quân	13/06/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1183	1910099	Nguyễn Hoàng Sơn	07/02/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1184	199458	Nguyễn Quốc Thái	24/11/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1185	199842	Lý Hoài Thanh	15/07/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1186	199762	Lê Văn Thương	10/07/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1187	199818	Mai Thanh Toàn	15/01/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1188	199681	Nguyễn Quốc Tuấn	01/06/2001	Nam	DH19CKD01		010100108301	Nguyên lý máy	
1189	190020	Lê Hoàng My	16/02/2001	Nam	DH19CNT01		010100086921	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1190	190942	Nguyễn Trọng Trí	05/07/2001	Nam	DH19CNT01		010100086921	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1191	191509	Thạch Thị Chanh Ty	24/12/2001	Nữ	DH19CNT01		010100086921	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1192	191097	Trần Như Ý	29/09/2000	Nữ	DH19CNT01		010100086921	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1193	190384	Lê Văn Được	11/09/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1194	190867	Huỳnh Tấn Lộc	02/03/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1195	190020	Lê Hoàng My	16/02/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1196	190493	Hồng Hải Quan	01/01/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1197	191546	Nguyễn Hồng Quân	04/09/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1198	191349	Giáp Tấn Quy	05/05/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1199	190050	Trần Ngọc Thạch	12/06/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1200	190475	Lê Trường Thịnh	24/05/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1201	190942	Nguyễn Trọng Trí	05/07/2001	Nam	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1202	191509	Thạch Thị Chanh Ty	24/12/2001	Nữ	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1203	191097	Trần Như Ý	29/09/2000	Nữ	DH19CNT01		010100009902	Kỹ thuật điện	
1204	190020	Lê Hoàng My	16/02/2001	Nam	DH19CNT01		010100041701	Vi sinh thực phẩm	
1205	190942	Nguyễn Trọng Trí	05/07/2001	Nam	DH19CNT01		010100041701	Vi sinh thực phẩm	
1206	191509	Thạch Thị Chanh Ty	24/12/2001	Nữ	DH19CNT01		010100041701	Vi sinh thực phẩm	
1207	191097	Trần Như Ý	29/09/2000	Nữ	DH19CNT01		010100041701	Vi sinh thực phẩm	
1208	198974	Lê Thị Quỳnh Như	24/03/2001	Nữ	DH19CNT02		010100086929	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1209	199479	Dương Hoàng Hảo	14/09/2000	Nam	DH19CNT02		010100009901	Kỹ thuật điện	
1210	191841	Nguyễn Chúc Linh	11/01/2001	Nữ	DH19CNT02		010100009901	Kỹ thuật điện	
1211	198974	Lê Thị Quỳnh Như	24/03/2001	Nữ	DH19CNT02		010100009901	Kỹ thuật điện	
1212	180452	Tống Thái Bảo	15/09/2000	Nam	DH19CNT02		010100041702	Vi sinh thực phẩm	
1213	198974	Lê Thị Quỳnh Như	24/03/2001	Nữ	DH19CNT02		010100041702	Vi sinh thực phẩm	
1214	192502	Châu Minh Kỳ	15/06/2001	Nam	DH19DUO01		010200049601	Ký sinh trùng	
1215	189741	Trần Nhật Anh	26/11/2000	Nam	DH19DUO02		010200047102	Hóa lý	
1216	188488	Phan Ngọc Đỉnh	05/11/2000	Nam	DH19DUO02		010200047102	Hóa lý	
1217	199994	Nguyễn Duy Huân	31/08/2001	Nam	DH19DUO02		010200047102	Hóa lý	
1218	1910022	Nguyễn Cao Anh Quân	09/09/1998	Nam	DH19DUO02		010200047102	Hóa lý	
1219	199639	Nguyễn Nhựt Trường	01/02/2001	Nam	DH19DUO02		010200047102	Hóa lý	
1220	189741	Trần Nhật Anh	26/11/2000	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1221	188488	Phan Ngọc Đỉnh	05/11/2000	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1222	199994	Nguyễn Duy Huân	31/08/2001	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1223	188501	Lê Quốc Huy	01/02/2000	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1224	1910022	Nguyễn Cao Anh Quân	09/09/1998	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1225	199988	Lê Vạn Thành	15/12/2000	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1226	1810356	Đinh Nguyễn Trọng Tín	06/04/2000	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1227	199639	Nguyễn Nhựt Trường	01/02/2001	Nam	DH19DUO02		010200049602	Ký sinh trùng	
1228	199166	Huỳnh Phước Lộc	18/09/2001	Nam	DH19HAY01		010100124701	An toàn bức xạ	
1229	192150	Phan Thị Bảo Ngọc	20/12/2001	Nữ	DH19HAY01		010100124701	An toàn bức xạ	
1230	199395	Cao Trọng Bảo	09/09/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1231	1910106	Võ Chí Khang	29/01/96	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1232	192512	Ngô Châu Liêm	20/05/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1233	199166	Huỳnh Phước Lộc	18/09/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1234	190234	Mai Hùng Minh	11/07/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1235	192150	Phan Thị Bảo Ngọc	20/12/2001	Nữ	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1236	199627	Phan Tấn Phúc	25/05/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1237	191251	Trần Gia Thái	03/07/2001	Nam	DH19HAY01		010100124101	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	
1238	199395	Cao Trọng Bảo	09/09/2001	Nam	DH19HAY01		010100053601	Sinh lý bệnh và miễn dịch	
1239	199166	Huỳnh Phước Lộc	18/09/2001	Nam	DH19HAY01		010100053601	Sinh lý bệnh và miễn dịch	
1240	192150	Phan Thị Bảo Ngọc	20/12/2001	Nữ	DH19HAY01		010100053601	Sinh lý bệnh và miễn dịch	
1241	199249	Võ Hoàng Vĩnh	05/08/2001	Nam	DH19HAY01		010100053601	Sinh lý bệnh và miễn dịch	
1242	191673	Trần Văn Của	13/11/1999	Nam	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1243	188250	Đặng Thị Mới	12/03/1999	Nữ	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1244	190310	Nguyễn Thanh Phương Ngọc	20/10/2001	Nam	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1245	1910000	Huỳnh Như	01/02/2001	Nữ	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1246	190866	Trần Chúc Phương	08/07/2000	Nữ	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1247	199715	Lê Ngọc Anh Thư	05/10/2000	Nữ	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1248	190211	Võ Thị Cẩm Tiên	24/04/2001	Nữ	DH19KTO01		010100069209	Luật kinh tế	
1249	188185	Nguyễn Bảo Khang	28/03/2000	Nam	DH19KTO01	DH20QTN01	010100078001	Quản trị học	
1250	199379	Lê Duy Đăng	26/04/2001	Nam	DH19KTO02		010100086916	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1251	191990	Nguyễn Thị Thúy Kiều	25/03/2001	Nữ	DH19KTO02		010100086916	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1252	199809	Hà Thị Trúc Ly	07/08/2001	Nữ	DH19KTO02		010100086916	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1253	199379	Lê Duy Đăng	26/04/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1254	199404	Nguyễn Công Danh	05/07/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1255	199651	Nguyễn Ngọc Diệu	10/08/2000	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1256	192555	Nguyễn Trung Hiếu	21/04/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1257	192534	Trần Quốc Huy	11/06/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1258	191990	Nguyễn Thị Thúy Kiều	25/03/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1259	199809	Hà Thị Trúc Ly	07/08/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1260	199304	Đặng Uyển Nghi	04/11/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1261	199932	Nguyễn Thị Diễm Phúc	10/02/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1262	199845	Lý Mỹ Phụng	21/05/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1263	192170	Phan Hoàng Quý	12/04/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1264	199238	Đoàn Minh Tân	30/04/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1265	192438	Nguyễn Trung Tín	06/08/2001	Nam	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1266	192371	Mai Thị Bích Trâm	15/05/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1267	199837	Lê Nguyễn Thị Triệu Vy	09/10/2001	Nữ	DH19KTO02		010100069210	Luật kinh tế	
1268	192283	Trần Hoài Hận	12/11/2001	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1269	192461	Lê Nguyễn Minh Hậu	13/11/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1270	192171	Nguyễn Văn Hùng	15/12/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1271	190296	Lâm Nguyễn Gia Huy	21/06/2001	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1272	190103	Nguyễn Bảo Ngân	28/08/2001	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1273	192312	Mã Ngọc Siêu	11/09/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1274	199911	Dương Huỳnh Thái	17/09/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1275	191857	Trần Trung Thành	27/08/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1276	1810247	Tiêu Quốc Tính	01/01/2000	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1277	190724	Nguyễn Ngọc Tuyết Trâm	04/09/2001	Nữ	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1278	190991	Bùi Văn Minh Tùng	09/09/2001	Nam	DH19KTR01		010200001701	Cấu tạo kiến trúc 2	
1279	176333	Trần Lê Giang	23/02/1999	Nam	DH19KTR01		010200086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1280	192171	Nguyễn Văn Hùng	15/12/2000	Nam	DH19KTR01		010200086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1281	192312	Mã Ngọc Siêu	11/09/2000	Nam	DH19KTR01		010200086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1282	199911	Dương Huỳnh Thái	17/09/2000	Nam	DH19KTR01		010200086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1283	1810247	Tiêu Quốc Tính	01/01/2000	Nam	DH19KTR01		010200086901	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1284	180156	Ngô Đình Nhu	11/12/2000	Nam	DH19LKT01	DH20LUA01	010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1285	166393	Huỳnh Khánh Hưng	24/10/1998	Nam	DH19LKT01		010100086914	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1286	191225	Lương Nguyễn Diễm Huỳnh	04/01/2001	Nữ	DH19LKT01		010100086914	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1287	190661	Phạm Đức Nhân	25/10/2001	Nam	DH19LKT01		010100086914	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1288	190939	Nghiêm Đức Phong	09/11/2001	Nam	DH19LKT01		010100086914	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1289	199784	Bùi Huế Anh	19/12/2001	Nữ	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1290	199764	Nguyễn Thị Huệ	09/01/2001	Nữ	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1291	166393	Huỳnh Khánh Hưng	24/10/1998	Nam	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1292	1810017	Huỳnh Yến Nhi	09/06/2000	Nữ	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1293	190939	Nghiêm Đức Phong	09/11/2001	Nam	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1294	191856	Tăng Bảo Tôn	13/07/2000	Nam	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1295	190403	Huỳnh Thanh Tú	02/04/2001	Nữ	DH19LKT01		010100134503	Luật hình sự 2	
1296	166393	Huỳnh Khánh Hưng	24/10/1998	Nam	DH19LKT01		010100127001	Xây dựng văn bản pháp luật	
1297	190661	Phạm Đức Nhân	25/10/2001	Nam	DH19LKT01		010100127001	Xây dựng văn bản pháp luật	
1298	190939	Nghiêm Đức Phong	09/11/2001	Nam	DH19LKT01		010100127001	Xây dựng văn bản pháp luật	
1299	190479	Trác Thị Mỹ Hạnh	19/05/2001	Nữ	DH19LUA01		010100086902	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1300	190208	Đặng Bích Ngọc	20/10/2000	Nữ	DH19LUA01		010100086902	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1301	199844	Dương Hồng Ngọc	09/09/2001	Nữ	DH19LUA01		010100086902	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1302	190479	Trác Thị Mỹ Hạnh	19/05/2001	Nữ	DH19LUA01		010100069804	Luật sở hữu trí tuệ	
1303	199844	Dương Hồng Ngọc	09/09/2001	Nữ	DH19LUA01		010100069804	Luật sở hữu trí tuệ	
1304	190864	Trần Nguyễn Ngọc Sương	09/03/2001	Nữ	DH19LUA01		010100069804	Luật sở hữu trí tuệ	
1305	190479	Trác Thị Mỹ Hạnh	19/05/2001	Nữ	DH19LUA01		010100134103	Luật tố tụng hành chính	
1306	180463	Thái Hiền Mộng Kha	11/07/2000	Nữ	DH19LUA01		010100134103	Luật tố tụng hành chính	
1307	199844	Dương Hồng Ngọc	09/09/2001	Nữ	DH19LUA01		010100134103	Luật tố tụng hành chính	
1308	199328	Trà Thị Bừng	17/07/2001	Nữ	DH19LUA02		010100086903	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1309	198933	Bùi Tấn Phát	11/11/2001	Nam	DH19LUA02		010100086903	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1310	189377	Nguyễn Văn Vinh	20/01/2000	Nam	DH19LUA02		010100086903	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1311	199358	Lê Thị Quế Anh	20/11/2000	Nữ	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1312	199328	Trà Thị Bừng	17/07/2001	Nữ	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1313	191904	Mã Anh Đề	01/06/2001	Nam	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1314	199625	Nguyễn Hồng Gấm	14/09/2001	Nữ	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1315	198933	Bùi Tấn Phát	11/11/2001	Nam	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1316	199520	Trần Đặng Võ Tấn	09/03/2000	Nam	DH19LUA02		010100069803	Luật sở hữu trí tuệ	
1317	199328	Trà Thị Bừng	17/07/2001	Nữ	DH19LUA02		010100134104	Luật tố tụng hành chính	
1318	198933	Bùi Tấn Phát	11/11/2001	Nam	DH19LUA02		010100134104	Luật tố tụng hành chính	
1319	191453	Phan Hoàng Ân	03/04/2000	Nam	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1320	191389	Nguyễn Kĩnh Hào	08/01/2001	Nam	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1321	191268	Võ Huỳnh Gia Huy	20/11/2001	Nam	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1322	190439	Võ Nguyễn Trung Kiên	18/11/2001	Nam	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1323	191021	Huỳnh Thảo Ngân	24/12/2001	Nữ	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1324	191415	Võ Thị Huỳnh Như	09/09/2001	Nữ	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1325	191146	Nguyễn Anh Thư	01/03/2001	Nữ	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	
1326	190512	Nguyễn Huỳnh Thúy Vi	09/01/2001	Nữ	DH19NNA01		010100169102	Ngữ pháp 3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1327	191415	Võ Thị Huỳnh Như	09/09/2001	Nữ	DH19NNA01		010100168902	Pháp văn 3	
1328	191146	Nguyễn Anh Thư	01/03/2001	Nữ	DH19NNA01		010100168902	Pháp văn 3	
1329	190512	Nguyễn Huỳnh Thúy Vi	09/01/2001	Nữ	DH19NNA01		010100168902	Pháp văn 3	
1330	199759	Ngô Nguyễn Hoàng Quyên	23/12/2000	Nữ	DH19NNA02		010100169101	Ngữ pháp 3	
1331	191941	Lê Thị Mộng Quỳnh	15/10/2000	Nữ	DH19NNA02		010100169101	Ngữ pháp 3	
1332	192307	Trần Công Sơn	08/04/2001	Nam	DH19NNA02		010100169101	Ngữ pháp 3	
1333	198968	Nguyễn Thị Hương	02/09/2001	Nữ	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1334	198925	Lê Gia Khang	27/02/2001	Nam	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1335	199759	Ngô Nguyễn Hoàng Quyên	23/12/2000	Nữ	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1336	191941	Lê Thị Mộng Quỳnh	15/10/2000	Nữ	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1337	192307	Trần Công Sơn	08/04/2001	Nam	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1338	199291	Nguyễn Bình Thảo Trinh	27/10/2001	Nữ	DH19NNA02		010100168903	Pháp văn 3	
1339	199534	Nguyễn Thị Hoàng Dung	15/11/2001	Nữ	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1340	199591	Huỳnh Hoàng Hà	02/06/2000	Nam	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1341	199853	Lê Thạch Diệu Hiền	06/05/2001	Nữ	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1342	199508	Lâm Trọng Hưởng	18/10/2001	Nam	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1343	199722	Ngô Quang Linh	05/08/2001	Nam	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1344	1910200	Phạm Việt Phương	02/07/2000	Nam	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1345	199578	Trương Thị Mai Thi	04/02/2001	Nữ	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1346	199509	Võ Anh Thư	28/02/2001	Nữ	DH19NNA03		010100169103	Ngữ pháp 3	
1347	199534	Nguyễn Thị Hoàng Dung	15/11/2001	Nữ	DH19NNA03		010100168901	Pháp văn 3	
1348	199591	Huỳnh Hoàng Hà	02/06/2000	Nam	DH19NNA03		010100168901	Pháp văn 3	
1349	1910200	Phạm Việt Phương	02/07/2000	Nam	DH19NNA03		010100168901	Pháp văn 3	
1350	190019	Nguyễn Thanh Bình	13/02/2001	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1351	190215	Trần Hoàng Huy	07/08/2000	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1352	188644	Nguyễn Hải Nguyên	24/05/2000	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1353	190048	Nguyễn Hưng Thịnh	11/11/2001	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1354	190302	Lâm Hữu Tính	12/10/2001	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1355	190034	Thái Thành Trung	24/05/2001	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1356	190134	Trần Thanh Vũ	19/05/2001	Nam	DH19OTO01		010100089004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1357	190019	Nguyễn Thanh Bình	13/02/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1358	190163	Ngô Hải Đăng	09/09/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1359	190008	Nguyễn Nhật Hào	09/03/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1360	190090	Nguyễn Trần Quốc Hoàng	13/08/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1361	190215	Trần Hoàng Huy	07/08/2000	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1362	190140	Nguyễn Viết Thanh Nguyên	19/08/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1363	190307	Lư Vũ Phương	18/10/2000	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1364	190048	Nguyễn Hưng Thịnh	11/11/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1365	176746	Phạm Huỳnh Thuận	14/03/1999	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1366	190302	Lâm Hữu Tính	12/10/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1367	190091	Trần Minh Trường	05/09/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1368	199281	Trịnh Đình Văn	13/08/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1369	190134	Trần Thanh Vũ	19/05/2001	Nam	DH19OTO01		010100108302	Nguyên lý máy	
1370	190215	Trần Hoàng Huy	07/08/2000	Nam	DH19OTO01		010100108102	Vật liệu cơ khí	
1371	190048	Nguyễn Hưng Thịnh	11/11/2001	Nam	DH19OTO01		010100108102	Vật liệu cơ khí	
1372	176746	Phạm Huỳnh Thuận	14/03/1999	Nam	DH19OTO01		010100108102	Vật liệu cơ khí	
1373	190134	Trần Thanh Vũ	19/05/2001	Nam	DH19OTO01		010100108102	Vật liệu cơ khí	
1374	190525	Hồ Oanh Liệt	21/03/2001	Nam	DH19OTO02		010100089003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1375	190616	Nguyễn Chí Nguyện	20/07/1999	Nam	DH19OTO02		010100089003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1376	190390	Tăng Tấn Tài	24/04/2001	Nam	DH19OTO02		010100089003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1377	191041	Võ Trần Việt Anh	11/12/2000	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1378	190341	Lê Nhật Hảo	26/11/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1379	199697	Trần Chí Kiên	21/06/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1380	190616	Nguyễn Chí Nguyện	20/07/1999	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1381	175986	Lâm Huy Nhân	30/06/1998	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1382	190521	Thái Phong	19/08/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1383	190447	Nguyễn Thanh Sang	09/12/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1384	190390	Tăng Tấn Tài	24/04/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1385	199530	Trần Quốc Thái	18/11/2000	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1386	190524	Huỳnh Nguyễn Thiện Trung	14/06/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1387	191133	Đỗ Cát Tường	24/06/2001	Nam	DH19OTO02		010100108303	Nguyên lý máy	
1388	190341	Lê Nhật Hảo	26/11/2001	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1389	199697	Trần Chí Kiên	21/06/2001	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1390	190525	Hồ Oanh Liệt	21/03/2001	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1391	190616	Nguyễn Chí Nguyện	20/07/1999	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1392	175986	Lâm Huy Nhân	30/06/1998	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1393	190390	Tăng Tấn Tài	24/04/2001	Nam	DH19OTO02		010100108101	Vật liệu cơ khí	
1394	199262	Mã Thành Công	31/07/2001	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1395	199580	Kiều Phú Cường	29/11/2000	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1396	199250	Lư Hoàng Dũng	30/01/2001	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1397	190712	Trần Duy Khang	22/07/2000	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1398	190979	Nguyễn Việt Kiều	17/07/2001	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1399	199134	Lê Văn Luân	02/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1400	198998	Quách Đại Phát	30/08/2001	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1401	199562	Lê Thành Tài	24/05/2000	Nam	DH19OTO03		010100089002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1402	199262	Mã Thành Công	31/07/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1403	199580	Kiều Phú Cường	29/11/2000	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1404	190906	Nguyễn Nhật Hào	10/10/1997	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1405	190802	Dương Phạm Hoàng Huy	20/02/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1406	190988	Nguyễn Dương Khang	29/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1407	190712	Trần Duy Khang	22/07/2000	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1408	199231	Nguyễn Bửu Khánh	26/11/2000	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1409	190711	Nguyễn Hoàng Khôi	09/04/2000	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1410	199134	Lê Văn Luân	02/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1411	190708	Võ Điền Vũ Minh	05/08/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1412	190722	Trương Nguyễn Khánh Nguyên	29/10/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1413	190997	Nguyễn Thanh Phúc	16/12/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1414	199562	Lê Thành Tài	24/05/2000	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1415	190704	Nguyễn Hữu Tâm	11/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1416	190720	Phan Minh Tâm	03/02/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1417	199684	Hồ Thanh Tuấn	03/03/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1418	190634	Nguyễn Quang Vinh	07/03/2001	Nam	DH19OTO03		010100108304	Nguyên lý máy	
1419	199262	Mã Thành Công	31/07/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1420	199580	Kiều Phú Cường	29/11/2000	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1421	199250	Lư Hoàng Dũng	30/01/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1422	190988	Nguyễn Dương Khang	29/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1423	190712	Trần Duy Khang	22/07/2000	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1424	199231	Nguyễn Bửu Khánh	26/11/2000	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1425	199134	Lê Văn Luân	02/06/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1426	199459	Phùng Phương Luân	31/01/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1427	199562	Lê Thành Tài	24/05/2000	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1428	190950	Lê Âu Phú Trung	22/07/2001	Nam	DH19OTO03		010100108103	Vật liệu cơ khí	
1429	199303	Trần Trọng Nghĩa	13/03/2001	Nam	DH19OTO04		010100089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1430	192381	Đàm Trung Anh	09/11/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1431	199456	Đỗ Hoàng Chương	02/04/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1432	192375	Nguyễn Bùi Quang Duy	12/02/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1433	199467	Trần Nhật Đăng Huy	03/02/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1434	192365	Võ Quốc Khánh	01/01/2000	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1435	191498	Trần Trung Kiên	17/06/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1436	199303	Trần Trọng Nghĩa	13/03/2001	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1437	192529	Nguyễn Trung Nguyên	20/09/2000	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1438	192455	Võ Tiến Sỉ	25/07/2000	Nam	DH19OTO04		010100108305	Nguyên lý máy	
1439	177866	Lâm Công Đặng	06/06/1999	Nam	DH19OTO04		010100108104	Vật liệu cơ khí	
1440	191498	Trần Trung Kiên	17/06/2001	Nam	DH19OTO04		010100108104	Vật liệu cơ khí	
1441	191109	Nguyễn Bảo Khải	04/06/2001	Nam	DH19OTO05		010100089006	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1442	191585	Lê Trí Bảo	28/11/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1443	191542	Trần Văn Hên	06/10/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1444	191456	Huỳnh Trung Học	22/01/1997	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1445	191109	Nguyễn Bảo Khải	04/06/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1446	1910107	Phan Minh Khải	29/05/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1447	191583	Lê Dĩ Khang	24/08/1999	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1448	191522	Nguyễn Chiến Đăng Khoa	26/02/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1449	191378	Hoàng Nhựt Linh	01/01/1999	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1450	191644	Liêu Minh Nguơn	11/11/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1451	191557	Dương Minh Quang	01/02/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1452	191451	Bùi Quan Tín	01/01/2000	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1453	191421	Lê Trần Bảo Trọng	04/08/2000	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1454	191626	Lê Ngọc Tùng	04/11/2001	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1455	191397	Thái Văn Út	19/02/2000	Nam	DH19OTO05		010100108307	Nguyên lý máy	
1456	191109	Nguyễn Bảo Khải	04/06/2001	Nam	DH19OTO05		010100108106	Vật liệu cơ khí	
1457	191644	Liêu Minh Nguơn	11/11/2001	Nam	DH19OTO05		010100108106	Vật liệu cơ khí	
1458	191846	Tô Hoàng Bá	06/10/2001	Nam	DH19OTO06		010100089005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1459	191916	Trần Hoàng Bin	12/01/2001	Nam	DH19OTO06		010100089005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1460	191324	Đào Đăng Phong	03/03/2001	Nam	DH19OTO06		010100089005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1461	191803	Hồ Chí Tài	29/12/2000	Nam	DH19OTO06		010100089005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1462	191992	Hà Quốc Thịnh	02/04/2000	Nam	DH19OTO06		010100089005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1463	191846	Tô Hoàng Bá	06/10/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1464	191916	Trần Hoàng Bin	12/01/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1465	191161	Lê Thanh Hoàng	02/07/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1466	191721	Phan Thanh Huy	01/10/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1467	191812	Nguyễn Hữu Lợi	17/07/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1468	191324	Đào Đăng Phong	03/03/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1469	191803	Hồ Chí Tài	29/12/2000	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1470	191992	Hà Quốc Thịnh	02/04/2000	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1471	191171	Nguyễn Hoàng Tiến	16/10/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1472	191969	Trương Đức Vinh	06/04/2001	Nam	DH19OTO06		010100108308	Nguyên lý máy	
1473	191846	Tô Hoàng Bá	06/10/2001	Nam	DH19OTO06		010100108107	Vật liệu cơ khí	
1474	191916	Trần Hoàng Bin	12/01/2001	Nam	DH19OTO06		010100108107	Vật liệu cơ khí	
1475	191324	Đào Đăng Phong	03/03/2001	Nam	DH19OTO06		010100108107	Vật liệu cơ khí	
1476	191803	Hồ Chí Tài	29/12/2000	Nam	DH19OTO06		010100108107	Vật liệu cơ khí	
1477	191992	Hà Quốc Thịnh	02/04/2000	Nam	DH19OTO06		010100108107	Vật liệu cơ khí	
1478	192294	Lê Quốc Anh	13/08/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1479	199049	Lâm Thanh Bình	19/07/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1480	192254	Siêu Quốc Cường	22/04/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1481	199261	Nguyễn Văn Khánh	15/10/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1482	199133	Nguyễn Quốc Kiệt	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1483	192052	Lư Tuấn Nghĩa	17/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1484	189443	Nguyễn Hữu Thuần	16/07/1999	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1485	192123	Trần Việt Trường	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1486	192318	Huỳnh Quốc Tú	29/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100089007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1487	192294	Lê Quốc Anh	13/08/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1488	199049	Lâm Thanh Bình	19/07/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1489	199052	Võ Minh Các	01/03/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1490	192306	Võ Chí Công	27/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1491	192254	Siêu Quốc Cường	22/04/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1492	199124	Lý Hải Đăng	08/06/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1493	192209	Huỳnh Võ Đức	04/05/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1494	192305	Trần Anh Duy	14/07/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1495	192114	Lâm Chí Hảo	06/06/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1496	199261	Nguyễn Văn Khánh	15/10/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1497	199133	Nguyễn Quốc Kiệt	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1498	192052	Lư Tuấn Nghĩa	17/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1499	199153	Nguyễn Trung Nhân	17/08/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1500	199195	Trần Thanh Nhật	03/03/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1501	198936	Võ Văn Niên	17/03/2000	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1502	192245	Phan Trần Thiện Phúc	10/09/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1503	192159	Phan Ngọc Thạch	10/07/2000	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1504	192256	Đỗ Phúc Thịnh	02/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1505	189443	Nguyễn Hữu Thuần	16/07/1999	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1506	199058	Trần Kim Trường	11/11/2000	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1507	192123	Trần Việt Trường	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1508	192318	Huỳnh Quốc Tú	29/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1509	199574	Võ Thiện Văn	13/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100108306	Nguyên lý máy	
1510	192294	Lê Quốc Anh	13/08/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1511	199049	Lâm Thanh Bình	19/07/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1512	192254	Siêu Quốc Cường	22/04/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1513	192209	Huỳnh Võ Đức	04/05/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1514	199261	Nguyễn Văn Khánh	15/10/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1515	192302	Huỳnh Trung Kiên	16/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1516	199133	Nguyễn Quốc Kiệt	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1517	192052	Lư Tuấn Nghĩa	17/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1518	189443	Nguyễn Hữu Thuần	16/07/1999	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1519	192123	Trần Việt Trường	15/02/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1520	192318	Huỳnh Quốc Tú	29/01/2001	Nam	DH19OTO07		010100108105	Vật liệu cơ khí	
1521	191500	Đặng Trần Ngọc Diễm	25/12/1990	Nữ	DH19QHC01		010100058901	Công cụ quan hệ công chúng 1	
1522	192101	Nguyễn Lê Minh Hiếu	11/07/1999	Nam	DH19QHC01		010100058901	Công cụ quan hệ công chúng 1	
1523	199340	Châu Hồng Ngọc	14/01/2001	Nữ	DH19QHC01		010100058901	Công cụ quan hệ công chúng 1	
1524	191715	Nguyễn Hồng Sơn	15/09/2001	Nam	DH19QHC01		010100058901	Công cụ quan hệ công chúng 1	
1525	1810665	Bùi Minh Thùy	25/04/1999	Nam	DH19QHC01		010100058901	Công cụ quan hệ công chúng 1	
1526	191500	Đặng Trần Ngọc Diễm	25/12/1990	Nữ	DH19QHC01		010100086925	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1527	192101	Nguyễn Lê Minh Hiếu	11/07/1999	Nam	DH19QHC01		010100086925	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1528	199340	Châu Hồng Ngọc	14/01/2001	Nữ	DH19QHC01		010100086925	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1529	190844	Nguyễn Từ Khả Ái	28/09/2001	Nữ	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1530	191500	Đặng Trần Ngọc Diễm	25/12/1990	Nữ	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1531	192101	Nguyễn Lê Minh Hiếu	11/07/1999	Nam	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1532	199340	Châu Hồng Ngọc	14/01/2001	Nữ	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1533	191715	Nguyễn Hồng Sơn	15/09/2001	Nam	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1534	1810665	Bùi Minh Thùy	25/04/1999	Nam	DH19QHC01		010100073401	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	
1535	199847	Trần Minh Khánh	22/03/1997	Nam	DH19QLD01		010100025301	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	
1536	199664	Nguyễn Thị Như Phượng	18/10/2001	Nữ	DH19QLD01		010100025301	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1537	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	DH19QLD01		010100025301	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	
1538	199847	Trần Minh Khánh	22/03/1997	Nam	DH19QLD01		010100039901	Thống kê và chỉnh lý biến động đất đai	
1539	199664	Nguyễn Thị Như Phượng	18/10/2001	Nữ	DH19QLD01		010100039901	Thống kê và chỉnh lý biến động đất đai	
1540	199967	Lê Nhật Anh	07/09/1999	Nam	DH19QTD01		010100086926	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1541	199967	Lê Nhật Anh	07/09/1999	Nam	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1542	190356	Võ Thị Xuân Nguyên	05/06/2000	Nữ	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1543	189035	Huỳnh Yến Oanh	28/10/2000	Nữ	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1544	190454	Lương Tiểu Phụng	31/01/2001	Nữ	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1545	199543	Phạm Vinh Quang	07/06/2001	Nam	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1546	190362	Nguyễn Văn Thới	28/03/2001	Nam	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1547	190265	Bùi Lê Anh Thư	01/03/2001	Nữ	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1548	199831	Nguyễn Thành Trung	06/10/2001	Nam	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1549	190146	Phạm Nguyễn Nhật Vi	03/05/2001	Nữ	DH19QTD01		010100079002	Quản trị nhân lực	
1550	190914	Lê Quốc Bảo	01/01/2001	Nam	DH19QTD02		010100086927	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1551	191067	Lê Ngọc Quí	25/03/2001	Nam	DH19QTD02		010100086927	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1552	190747	Lê Gia Thiều	09/12/2001	Nam	DH19QTD02		010100086927	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1553	190914	Lê Quốc Bảo	01/01/2001	Nam	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1554	190801	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/01/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1555	191155	Nguyễn Phương Lam	03/10/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1556	190971	Lê Thị Diễm Linh	03/01/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1557	191148	Nguyễn Hồng Minh	27/01/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1558	192235	Bùi Thị Như	19/11/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1559	190833	Hồ Thị Ngọc Oanh	14/05/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1560	191067	Lê Ngọc Quí	25/03/2001	Nam	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1561	191144	Nguyễn Hồ Ngọc Thảo	15/06/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1562	190747	Lê Gia Thiều	09/12/2001	Nam	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1563	190853	Trương Ngọc Tiền	06/10/2001	Nữ	DH19QTD02		010100079003	Quản trị nhân lực	
1564	191516	Hồ Xuân Hoàng	12/08/2001	Nam	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1565	199827	Lê Kim Ngân	10/05/2000	Nữ	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1566	191620	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	21/09/2001	Nữ	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1567	199606	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	09/11/2001	Nữ	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1568	191601	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/07/2001	Nữ	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1569	192246	Nguyễn Chí Phú	07/11/2001	Nam	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1570	191581	Châu Nhật Tâm	30/07/2001	Nam	DH19QTD03		010100086922	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1571	192065	Nguyễn Phạm Duy	17/12/2000	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1572	191516	Hồ Xuân Hoàng	12/08/2001	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1573	191589	Trần Đức Linh	21/06/2000	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1574	199827	Lê Kim Ngân	10/05/2000	Nữ	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1575	191620	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	21/09/2001	Nữ	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1576	192273	Huỳnh Yến Nhi	01/06/2001	Nữ	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1577	199606	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	09/11/2001	Nữ	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1578	191601	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/07/2001	Nữ	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1579	192246	Nguyễn Chí Phú	07/11/2001	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1580	191865	Trịnh Lâm Huy Tài	05/07/2001	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1581	191581	Châu Nhật Tâm	30/07/2001	Nam	DH19QTD03		010100079004	Quản trị nhân lực	
1582	191741	Trần Dương Tôn Bảo	29/11/2001	Nam	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1583	192515	Phan Ngô Quốc Hoàng	24/10/1999	Nam	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1584	192355	Nguyễn Huỳnh Như Khánh	20/06/2001	Nữ	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1585	199527	Nguyễn Thị Trúc Ny	20/05/2001	Nữ	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1586	199239	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/08/2001	Nữ	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1587	192537	Danh Văn Thọ	16/10/2000	Nam	DH19QTD04		010100086924	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1588	199526	Hà Gia Bảo	15/04/2001	Nam	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1589	191741	Trần Dương Tôn Bảo	29/11/2001	Nam	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1590	199040	Trần Khả Di	26/03/2001	Nữ	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1591	192515	Phan Ngô Quốc Hoàng	24/10/1999	Nam	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1592	192355	Nguyễn Huỳnh Như Khánh	20/06/2001	Nữ	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1593	199527	Nguyễn Thị Trúc Ny	20/05/2001	Nữ	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1594	199239	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/08/2001	Nữ	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1595	192537	Danh Văn Thọ	16/10/2000	Nam	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1596	180265	Trần Huê Toán	05/04/1998	Nam	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1597	199189	Hồ Thị Huyền Trân	17/06/2001	Nữ	DH19QTD04		010100079005	Quản trị nhân lực	
1598	191960	Nguyễn Hồ Thúy An	10/08/2001	Nữ	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1599	190236	Thạch Quốc Bảo	19/12/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1600	190063	Phạm Hữu Đức	26/12/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1601	191485	Nguyễn Thúy Hằng	09/06/1999	Nữ	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1602	1810081	Lư Trọng Hoài	21/08/2000	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1603	190278	Trần Minh Mẫn	13/12/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1604	190166	Nguyễn Văn Phi	17/07/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1605	190084	Hà Chấn Phong	09/07/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1606	190075	Trần Văn Trí	25/01/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1607	190207	Vương Quốc Trí	07/07/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1608	190035	Mã Xuân Triển	21/04/1999	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1609	1910109	Nguyễn Văn Trọng	19/09/99	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1610	192038	Trần Minh Trọng	23/11/2001	Nam	DH19QTK01		010100069208	Luật kinh tế	
1611	190147	Nguyễn Quang Trung	23/09/2001	Nam	DH19QTK01		010100072501	Nghiên cứu Marketing	
1612	190279	Nguyễn Thị Diễm Huỳnh	11/08/2001	Nữ	DH19QTK01		010100079007	Quản trị nhân lực	
1613	190097	Nguyễn Hoàng Minh	23/10/2000	Nam	DH19QTK01		010100079007	Quản trị nhân lực	
1614	191898	Nguyễn Lâm Kiều Như	26/03/2001	Nữ	DH19QTK01		010100079007	Quản trị nhân lực	
1615	190375	Trần Quốc Bảo	10/04/2001	Nam	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1616	190326	Huỳnh Ngọc Hân	24/11/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1617	190408	Bùi Thúy Huỳnh	08/10/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1618	190332	Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/02/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1619	190615	Trần Thị Ngoan	21/02/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1620	199365	Lê Văn Nguyên	19/09/2001	Nam	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1621	192178	Lương Quỳnh Như	20/06/2000	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1622	190363	Lâm Chiêu Thư	01/01/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1623	190486	Phạm Thị Ngọc Trăm	15/03/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1624	1910103	Nguyễn Minh Trường	18/11/01	Nam	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1625	190770	Lê Tường Vi	16/02/2001	Nữ	DH19QTK02		010100069207	Luật kinh tế	
1626	190326	Huỳnh Ngọc Hân	24/11/2001	Nữ	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1627	190408	Bùi Thúy Huỳnh	08/10/2001	Nữ	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1628	190333	Lê Chí Thoại	13/12/2001	Nam	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1629	190363	Lâm Chiêu Thư	01/01/2001	Nữ	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1630	190656	Trần Thị Kim Vân	12/01/2001	Nữ	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1631	190770	Lê Tường Vi	16/02/2001	Nữ	DH19QTK02		010100072505	Nghiên cứu Marketing	
1632	190326	Huỳnh Ngọc Hân	24/11/2001	Nữ	DH19QTK02		010100079008	Quản trị nhân lực	
1633	190408	Bùi Thúy Huỳnh	08/10/2001	Nữ	DH19QTK02		010100079008	Quản trị nhân lực	
1634	190770	Lê Tường Vi	16/02/2001	Nữ	DH19QTK02		010100079008	Quản trị nhân lực	
1635	192158	Nguyễn Phạm Mai Anh	05/11/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1636	191256	Trần Thị Mỹ Duyên	03/11/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1637	191011	Lâm Chấn Huy	11/11/2001	Nam	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1638	199711	Nguyễn Duy Khương	12/02/2001	Nam	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1639	191261	Nguyễn Thành Lũy	20/10/2001	Nam	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1640	191824	Nguyễn Ngọc Nhi	28/10/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1641	190828	Huỳnh Thị Chúc Như	07/02/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1642	191145	Hoàng Thiện Trâm	22/08/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1643	191818	Nguyễn Huyền Trâm	25/01/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1644	190851	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	06/10/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1645	191248	Trần Thùy Trang	09/08/2001	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1646	190890	Hồng Lê Kim Yến	15/11/1999	Nữ	DH19QTK03		010100069206	Luật kinh tế	
1647	192158	Nguyễn Phạm Mai Anh	05/11/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1648	190828	Huỳnh Thị Chúc Như	07/02/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1649	199832	Trần Gia Thắng	24/10/2001	Nam	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1650	191147	Lê Phạm Nguyệt Thu	30/09/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1651	191187	Trần Thị Minh Thư	06/01/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1652	191145	Hoàng Thiện Trâm	22/08/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1653	191031	Trần Ngọc Bảo Trân	01/01/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1654	191248	Trần Thùy Trang	09/08/2001	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1655	190926	Nguyễn Minh Trí	22/06/2001	Nam	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1656	190890	Hồng Lê Kim Yến	15/11/1999	Nữ	DH19QTK03		010100072504	Nghiên cứu Marketing	
1657	192158	Nguyễn Phạm Mai Anh	05/11/2001	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1658	192090	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	05/04/2001	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1659	190828	Huỳnh Thị Chúc Như	07/02/2001	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1660	191031	Trần Ngọc Bảo Trân	01/01/2001	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1661	191248	Trần Thùy Trang	09/08/2001	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1662	190890	Hồng Lê Kim Yến	15/11/1999	Nữ	DH19QTK03		010100079009	Quản trị nhân lực	
1663	191493	Nguyễn Thị Trúc Anh	23/10/2000	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1664	192192	Nguyễn Thị Lan Chi	21/05/2001	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1665	191630	Nguyễn Chí Hiếu	13/10/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1666	191402	Phan Lê Hoàng	20/01/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1667	199693	Nguyễn Trần Hoàng Khang	16/09/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1668	199554	Đỗ Trần Gia Khánh	01/01/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1669	191297	Phạm Vĩ Khiêm	29/01/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1670	191445	Nguyễn Duy Linh	23/06/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1671	191477	Trần Ngọc Yến Nhi	08/12/2001	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1672	191875	Lê Huỳnh Sơn	07/02/2000	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1673	1910084	Lê Thanh Tâm	02/06/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1674	191553	Huỳnh Mai Thanh Thanh	24/03/2001	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1675	191443	Trần Bảo Trâm	31/10/2001	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1676	191840	Phạm Thị Diễm Trinh	22/06/2001	Nữ	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1677	191872	Ngô Thành Văn	01/07/2001	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1678	191787	Huỳnh Phước Vinh	18/12/2000	Nam	DH19QTK04		010100069205	Luật kinh tế	
1679	192020	Đặng Hải Đăng	19/10/2001	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1680	188539	Thái Thành Đức	10/07/2000	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1681	191630	Nguyễn Chí Hiếu	13/10/2001	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1682	191402	Phan Lê Hoàng	20/01/2001	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1683	191445	Nguyễn Duy Linh	23/06/2001	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1684	191875	Lê Huỳnh Sơn	07/02/2000	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1685	191840	Phạm Thị Diễm Trinh	22/06/2001	Nữ	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1686	191872	Ngô Thành Văn	01/07/2001	Nam	DH19QTK04		010100072503	Nghiên cứu Marketing	
1687	191630	Nguyễn Chí Hiếu	13/10/2001	Nam	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1688	191402	Phan Lê Hoàng	20/01/2001	Nam	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1689	191445	Nguyễn Duy Linh	23/06/2001	Nam	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1690	191875	Lê Huỳnh Sơn	07/02/2000	Nam	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1691	191840	Phạm Thị Diễm Trinh	22/06/2001	Nữ	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1692	191872	Ngô Thành Văn	01/07/2001	Nam	DH19QTK04		010100079010	Quản trị nhân lực	
1693	199401	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	03/02/2001	Nữ	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1694	199135	Trần Công Lịnh	12/09/2000	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1695	199333	Âu Bình Nguyên	01/02/2000	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1696	199079	QUÁCH HOÀNG QUỐC	10/02/2001	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1697	1910001	Nguyễn Thành Tâm	20/10/2000	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1698	199161	Trần Hồng Thương	15/01/1999	Nữ	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1699	199297	Phan Ngọc Toàn	13/07/2001	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1700	1910097	Cao Hoàng Vinh	30/11/00	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1701	199014	Phạm Bảo Xuyên	25/01/2000	Nam	DH19QTK05		010100069204	Luật kinh tế	
1702	199401	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	03/02/2001	Nữ	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1703	199135	Trần Công Lịnh	12/09/2000	Nam	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1704	199079	QUÁCH HOÀNG QUỐC	10/02/2001	Nam	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1705	199161	Trần Hồng Thương	15/01/1999	Nữ	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1706	1910097	Cao Hoàng Vinh	30/11/00	Nam	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1707	199014	Phạm Bảo Xuyên	25/01/2000	Nam	DH19QTK05		010100072502	Nghiên cứu Marketing	
1708	199401	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	03/02/2001	Nữ	DH19QTK05		010100079011	Quản trị nhân lực	
1709	199135	Trần Công Lịnh	12/09/2000	Nam	DH19QTK05		010100079011	Quản trị nhân lực	
1710	199079	QUÁCH HOÀNG QUỐC	10/02/2001	Nam	DH19QTK05		010100079011	Quản trị nhân lực	
1711	199161	Trần Hồng Thương	15/01/1999	Nữ	DH19QTK05		010100079011	Quản trị nhân lực	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1712	199014	Phạm Bảo Xuyên	25/01/2000	Nam	DH19QTK05		010100079011	Quản trị nhân lực	
1713	192264	Lê Thị Diệu	01/05/2001	Nữ	DH19QTK06		010100069201	Luật kinh tế	
1714	198910	Trần Hiếu Nhân	24/12/2001	Nữ	DH19QTK06		010100069201	Luật kinh tế	
1715	192566	Đoàn Thành Thể	25/11/2001	Nam	DH19QTK06		010100069201	Luật kinh tế	
1716	192530	Hà Nhựt Tuyên	19/04/2000	Nam	DH19QTK06		010100069201	Luật kinh tế	
1717	192264	Lê Thị Diệu	01/05/2001	Nữ	DH19QTK06		010100072506	Nghiên cứu Marketing	
1718	192210	Ngô Lê Hương Giang	22/10/2001	Nữ	DH19QTK06		010100072506	Nghiên cứu Marketing	
1719	198910	Trần Hiếu Nhân	24/12/2001	Nữ	DH19QTK06		010100072506	Nghiên cứu Marketing	
1720	192566	Đoàn Thành Thể	25/11/2001	Nam	DH19QTK06		010100072506	Nghiên cứu Marketing	
1721	192264	Lê Thị Diệu	01/05/2001	Nữ	DH19QTK06		010100079006	Quản trị nhân lực	
1722	198910	Trần Hiếu Nhân	24/12/2001	Nữ	DH19QTK06		010100079006	Quản trị nhân lực	
1723	192566	Đoàn Thành Thể	25/11/2001	Nam	DH19QTK06		010100079006	Quản trị nhân lực	
1724	190329	Nguyễn Bảo Băng Tuyết	27/02/2001	Nữ	DH19QTN01		010100086908	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1725	191738	Bùi Minh Đương	18/09/2001	Nam	DH19QTN01		010100061301	Hành vi tổ chức	
1726	191515	Tạ Lê Duy	02/07/2001	Nam	DH19QTN01		010100061301	Hành vi tổ chức	
1727	199817	Huỳnh Thị Mai Hương	19/02/2001	Nữ	DH19QTN01		010100061301	Hành vi tổ chức	
1728	192069	Lương Văn Nhớ	01/11/2000	Nam	DH19QTN01		010100061301	Hành vi tổ chức	
1729	190329	Nguyễn Bảo Băng Tuyết	27/02/2001	Nữ	DH19QTN01		010100061301	Hành vi tổ chức	
1730	199817	Huỳnh Thị Mai Hương	19/02/2001	Nữ	DH19QTN01		010100079001	Quản trị nhân lực	
1731	190329	Nguyễn Bảo Băng Tuyết	27/02/2001	Nữ	DH19QTN01		010100079001	Quản trị nhân lực	
1732	192545	Nguyễn Thị Phương Lam	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100086909	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1733	191082	Nguyễn Thị Uyển Nhi	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100086909	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1734	199041	Phạm Ngọc Thịnh	29/07/2001	Nữ	DH19QTS01		010100086909	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1735	199806	Trương Thị Cẩm Tiên	20/03/2001	Nữ	DH19QTS01		010100086909	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1736	190703	Phạm Ngọc Như Anh	24/12/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1737	199969	Phan Kỳ Tú Anh	06/10/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1738	191972	Trương Thị Hồng	23/09/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1739	192545	Nguyễn Thị Phương Lam	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1740	192099	Nguyễn Tiểu Lam	08/06/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1741	190769	Trần Hoàng Nhựt Minh	06/04/2001	Nam	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1742	191082	Nguyễn Thị Uyển Nhi	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1743	199230	Nguyễn Quốc Thái	26/09/2001	Nam	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1744	199041	Phạm Ngọc Thịnh	29/07/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1745	199806	Trương Thị Cẩm Tiên	20/03/2001	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	
1746	191730	Trang Như Ý	11/07/2000	Nữ	DH19QTS01		010100061302	Hành vi tổ chức	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1747	191163	Phạm Thúy An	13/11/2001	Nữ	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1748	192545	Nguyễn Thị Phương Lam	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1749	190769	Trần Hoàng Nhựt Minh	06/04/2001	Nam	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1750	191082	Nguyễn Thị Uyển Nhi	20/02/2001	Nữ	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1751	199041	Phạm Ngọc Thịnh	29/07/2001	Nữ	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1752	199806	Trương Thị Cẩm Tiên	20/03/2001	Nữ	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1753	191763	Nguyễn Hữu Văn	06/08/2001	Nam	DH19QTS01		010100079012	Quản trị nhân lực	
1754	190428	Nguyễn Ngọc Kim Hưởng	08/04/2001	Nữ	DH19TCN01		010100086913	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1755	190167	Dương Lâm Nghiệp	02/02/2001	Nam	DH19TCN01		010100086913	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1756	190156	Lê Văn Sang	02/03/2001	Nam	DH19TCN01		010100086913	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1757	190421	Trương Tấn Sang	05/08/2001	Nam	DH19TCN01		010100086913	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1758	191272	Phan Tấn Thành	17/04/2001	Nam	DH19TCN01		010100086913	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1759	190614	Lê Thị Diệu Hiền	10/10/2001	Nữ	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1760	190365	Hứa Mũi Hõn	03/08/2001	Nữ	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1761	190428	Nguyễn Ngọc Kim Hưởng	08/04/2001	Nữ	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1762	190635	Phan Lê Minh	26/09/2001	Nam	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1763	190167	Dương Lâm Nghiệp	02/02/2001	Nam	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1764	190156	Lê Văn Sang	02/03/2001	Nam	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1765	191272	Phan Tấn Thành	17/04/2001	Nam	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1766	190533	Phạm Thị Bảo Thơ	09/12/2001	Nữ	DH19TCN01		010100069202	Luật kinh tế	
1767	188867	Cao Bảo Anh	05/08/2000	Nam	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1768	198876	Nguyễn Quang Hưng	23/09/2000	Nam	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1769	199466	Chung Việt Khái	09/10/2001	Nam	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1770	199021	Mã Đức Minh	24/11/2001	Nam	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1771	199453	Lý Thị Huỳnh Như	10/04/2001	Nữ	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1772	192554	Trần Ngọc Thịnh	08/10/2001	Nam	DH19TCN02		010100086911	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	
1773	199597	Nguyễn Thanh Diệu Ái	05/09/2001	Nữ	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1774	188867	Cao Bảo Anh	05/08/2000	Nam	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1775	192058	Lê Thị Thúy Duy	08/09/2001	Nữ	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1776	198876	Nguyễn Quang Hưng	23/09/2000	Nam	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1777	199466	Chung Việt Khái	09/10/2001	Nam	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1778	199435	Nguyễn Công Khanh	19/04/2001	Nam	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1779	192459	Triệu Kim Lựa	04/11/2001	Nữ	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1780	199453	Lý Thị Huỳnh Như	10/04/2001	Nữ	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1781	199301	Võ Thanh Chế Phong	01/06/2001	Nam	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1782	192252	Phạm Thị Thanh Tuyền	18/08/2000	Nữ	DH19TCN02		010100069203	Luật kinh tế	
1783	190566	Lê Hoàng Ân	19/09/2001	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1784	190054	Phạm Thế Duyệt	15/09/2000	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1785	190736	Ngô Tuấn Khanh	23/06/2001	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1786	190782	Châu Văn Phúc	01/05/2001	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1787	190427	Lê Thành Tiền	09/12/2001	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1788	190809	Lê Thế Toàn	25/10/2000	Nam	DH19TIN01		010100092601	Kiến trúc máy tính	
1789	190054	Phạm Thế Duyệt	15/09/2000	Nam	DH19TIN01		010100099201	Kỹ thuật đồ họa	
1790	190782	Châu Văn Phúc	01/05/2001	Nam	DH19TIN01		010100099201	Kỹ thuật đồ họa	
1791	190427	Lê Thành Tiền	09/12/2001	Nam	DH19TIN01		010100099201	Kỹ thuật đồ họa	
1792	191653	Phạm Hồng Công	06/06/2001	Nam	DH19TIN02		010100092602	Kiến trúc máy tính	
1793	191222	Nguyễn Hoàng Khang	16/10/2001	Nam	DH19TIN02		010100092602	Kiến trúc máy tính	
1794	191098	Bành Tấn Tài	20/09/2001	Nam	DH19TIN02		010100092602	Kiến trúc máy tính	
1795	191532	Thạch Tiều	1991	Nam	DH19TIN02		010100092602	Kiến trúc máy tính	
1796	191663	Nguyễn Quang Vinh	18/07/2001	Nam	DH19TIN02		010100092602	Kiến trúc máy tính	
1797	191653	Phạm Hồng Công	06/06/2001	Nam	DH19TIN02		010100099202	Kỹ thuật đồ họa	
1798	191128	Nguyễn Minh Kha	06/09/2001	Nam	DH19TIN02		010100099202	Kỹ thuật đồ họa	
1799	191222	Nguyễn Hoàng Khang	16/10/2001	Nam	DH19TIN02		010100099202	Kỹ thuật đồ họa	
1800	191505	Nguyễn Ngọc Tính	05/09/2001	Nam	DH19TIN02		010100099202	Kỹ thuật đồ họa	
1801	191785	Lê Bá Duy	08/09/2001	Nam	DH19TIN03		010100092604	Kiến trúc máy tính	
1802	191771	Huỳnh Quang Huy	16/03/2001	Nam	DH19TIN03		010100092604	Kiến trúc máy tính	
1803	199754	Nguyễn Đình Khôi	17/03/2001	Nam	DH19TIN03		010100092604	Kiến trúc máy tính	
1804	191979	Nguyễn Hoài Lâm	25/12/2001	Nam	DH19TIN03		010100092604	Kiến trúc máy tính	
1805	191785	Lê Bá Duy	08/09/2001	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1806	192427	Lương Chiêu Hưng	22/11/2000	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1807	191771	Huỳnh Quang Huy	16/03/2001	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1808	199754	Nguyễn Đình Khôi	17/03/2001	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1809	191979	Nguyễn Hoài Lâm	25/12/2001	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1810	192407	Huỳnh Đan Trường	05/02/2000	Nam	DH19TIN03		010100099203	Kỹ thuật đồ họa	
1811	199897	Hồ Anh Duy	15/06/2001	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1812	198961	Huỳnh Anh Hào	03/02/2001	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1813	199710	Phạm Nhứt Kỷ	29/04/2001	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1814	199424	Bùi Trúc Ly	28/01/2001	Nữ	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1815	199946	Võ Duy Tân	14/06/1995	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1816	199102	Lâm Nhựt Thắng	03/11/2001	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1817	165945	Nguyễn Minh Thuận	06/10/1998	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1818	1810626	Lê Anh Vũ	1996	Nam	DH19TIN04		010100092603	Kiến trúc máy tính	
1819	199933	Huỳnh Công Danh	08/11/1999	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1820	199833	Nguyễn Tấn Đạt	09/04/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1821	199897	Hồ Anh Duy	15/06/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1822	198961	Huỳnh Anh Hào	03/02/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1823	199904	Lê Nhựt Hào	10/09/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1824	199202	Phạm Ngọc Huỳnh	30/08/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1825	199233	Lăng Trung Kiên	05/02/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1826	199710	Phạm Nhứt Kỷ	29/04/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1827	199424	Bùi Trúc Ly	28/01/2001	Nữ	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1828	199194	Hồ Minh Ngà	19/08/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1829	199016	Lê Nhuận Phú	25/05/2000	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1830	199793	Trần Hữu Phước	30/08/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1831	199946	Võ Duy Tân	14/06/1995	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1832	199102	Lâm Nhựt Thắng	03/11/2001	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1833	165945	Nguyễn Minh Thuận	06/10/1998	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1834	1810626	Lê Anh Vũ	1996	Nam	DH19TIN04		010100099204	Kỹ thuật đồ họa	
1835	192500	Nguyễn Quang Đại	27/09/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1836	176940	Nguyễn Quốc Đạt	16/08/1999	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1837	190790	Bùi Việt Hào	09/01/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1838	192384	Dương Anh Hào	21/08/2000	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1839	191071	Trần Chí Hảo	27/01/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1840	199511	Đặng Vinh Hiển	13/06/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1841	198920	Tạ Minh Khang	01/09/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1842	192314	Trần Anh Kiệt	18/11/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1843	190649	Nguyễn Thần Long	27/08/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1844	191814	Phạm Hoài Minh	11/03/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1845	198898	Nguyễn Hoàng Nghiêm	25/04/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1846	191660	Nguyễn Trung Nguyên	27/07/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1847	192449	Phạm Ngọc Nhu	11/07/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1848	191887	Trần Bá Phàm	08/09/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1849	188215	Trần Thái Sơn	06/09/2000	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1850	190285	Phạm Đình Tân	02/09/1993	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1851	191412	Ngô Quốc Trí	05/03/1999	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1852	192290	Lý Hoàng Trung	22/10/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1853	191495	Lưu Anh Vũ	08/07/2001	Nam	DH19XDU01		010100002401	Cơ học đất	
1854	192500	Nguyễn Quang Đại	27/09/2001	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1855	190790	Bùi Việt Hào	09/01/2001	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1856	191814	Phạm Hoài Minh	11/03/2001	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1857	190849	Lê Gia Phúc	24/12/1999	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1858	188215	Trần Thái Sơn	06/09/2000	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1859	191412	Ngô Quốc Trí	05/03/1999	Nam	DH19XDU01		010100004201	Địa chất công trình	
1860	199683	Lê Nguyễn Phương Anh	15/12/2001	Nữ	DH19XET01		010100116004	Bệnh học ngoại khoa	
1861	190252	Phan Dạ Hiếu	21/05/2001	Nữ	DH19XET01		010100116004	Bệnh học ngoại khoa	
1862	199683	Lê Nguyễn Phương Anh	15/12/2001	Nữ	DH19XET01		010100116401	Dịch tễ học	
1863	190252	Phan Dạ Hiếu	21/05/2001	Nữ	DH19XET01		010100116401	Dịch tễ học	
1864	199683	Lê Nguyễn Phương Anh	15/12/2001	Nữ	DH19XET01		010100087503	Hóa sinh 1	
1865	190252	Phan Dạ Hiếu	21/05/2001	Nữ	DH19XET01		010100087503	Hóa sinh 1	
1866	191897	Nguyễn Văn Nghĩ	17/12/1998	Nam	DH19XET02		010100116002	Bệnh học ngoại khoa	
1867	192018	Lê Thị Tuyết Trang	23/09/2001	Nữ	DH19XET02		010100116002	Bệnh học ngoại khoa	
1868	191897	Nguyễn Văn Nghĩ	17/12/1998	Nam	DH19XET02		010100116403	Dịch tễ học	
1869	191932	Lê Thị Phương Quỳnh	04/04/2001	Nữ	DH19XET02		010100116404	Dịch tễ học	
1870	191310	Trần Thị Hiền	24/05/1999	Nữ	DH19XET02		010100087502	Hóa sinh 1	
1871	191897	Nguyễn Văn Nghĩ	17/12/1998	Nam	DH19XET02		010100087502	Hóa sinh 1	
1872	192434	Huỳnh Như	12/11/2001	Nữ	DH19XET02		010100087502	Hóa sinh 1	
1873	199260	Nguyễn Thiện Thanh	21/03/2000	Nữ	DH19XET02		010100087502	Hóa sinh 1	
1874	199001	Trần Linh Kha	01/12/2000	Nam	DH19XET03		010100116003	Bệnh học ngoại khoa	
1875	199001	Trần Linh Kha	01/12/2000	Nam	DH19XET03		010100116402	Dịch tễ học	
1876	199216	Ức Văn Anh Quân	23/08/2001	Nam	DH19XET03		010100116402	Dịch tễ học	
1877	199001	Trần Linh Kha	01/12/2000	Nam	DH19XET03		010100087501	Hóa sinh 1	
1878	190923	Lê Đoàn Ngọc Bích Dung	24/05/2001	Nữ	DH19YKH01		011500116105	Mô và phôi thai học	
1879	190923	Lê Đoàn Ngọc Bích Dung	24/05/2001	Nữ	DH19YKH01		011500115205	Sinh lý 2	
1880	192383	Lâm Thị Kim Hoa	07/05/2001	Nữ	DH19YKH03		011500116103	Mô và phôi thai học	
1881	199804	Nguyễn Hoàng Khang	09/05/2001	Nam	DH19YKH04	DH20YKH01	011500123006	Giải phẫu 1	
1882	199224	Lê Trùng Dương	26/06/2001	Nam	DH19YKH04		011500116101	Mô và phôi thai học	
1883	199387	Mai Văn Giàu	16/03/2001	Nam	DH19YKH04		011500116101	Mô và phôi thai học	
1884	199106	Trần Duy Khang	24/05/2001	Nam	DH19YKH04		011500116101	Mô và phôi thai học	
1885	199105	Võ Đăng Trình	11/06/2001	Nam	DH19YKH04		011500114702	Tâm lý và đạo đức y học	
1886	189512	Trần Tấn Cường	23/09/2000	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1887	1910065	Phan Huỳnh Đức	01/12/1996	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1888	199568	Đàm Thị Yến Linh	17/05/2001	Nữ	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1889	199589	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	05/05/2001	Nữ	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1890	199861	Nguyễn Thị Nhã Nhi	01/12/2001	Nữ	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1891	1910089	Đặng Đông Phương	10/10/2001	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1892	1910064	Phan Xuân Phương	24/06/1990	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1893	1910091	Trần Quốc Thái	24/06/1992	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1894	1910090	Trần Anh Tuấn	21/05/1991	Nam	DH19YKH05		011500116102	Mô và phôi thai học	
1895	1910065	Phan Huỳnh Đức	01/12/1996	Nam	DH19YKH05		011500115202	Sinh lý 2	
1896	199568	Đàm Thị Yến Linh	17/05/2001	Nữ	DH19YKH05		011500115202	Sinh lý 2	
1897	192380	Hồ Hải Bằng	15/03/1996	Nam	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1898	1910065	Phan Huỳnh Đức	01/12/1996	Nam	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1899	1910067	Đinh Thị Ngọc Hân	13/06/1996	Nữ	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1900	199824	Võ Phước Hậu	25/02/1995	Nam	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1901	199568	Đàm Thị Yến Linh	17/05/2001	Nữ	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1902	199523	Bùi Thị Tuyết Phương	29/06/1995	Nữ	DH19YKH05		011500114703	Tâm lý và đạo đức y học	
1903	202790	Hồ Tấn Đạt	07/02/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1904	203000	Huỳnh Lại Thành Đạt	25/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1905	202431	Nguyễn Văn Đua	12/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1906	203144	Nguyễn Quí Đức	29/03/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1907	202602	Huỳnh Hoàng Duy	25/02/2001	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1908	202351	Nguyễn Minh Hoàng	25/03/2001	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1909	202880	Cao Ngọc Khả	23/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1910	203008	Nguyễn Văn Lên	30/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1911	201137	Nguyễn Chí Phong	06/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1912	203184	Trần Minh Tiến	01/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1913	203807	Lê Quốc Triệu	22/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089036	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1914	202790	Hồ Tấn Đạt	07/02/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1915	203000	Huỳnh Lại Thành Đạt	25/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1916	202627	Lê Trung Đoàn	06/10/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1917	202431	Nguyễn Văn Đua	12/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1918	203144	Nguyễn Quí Đức	29/03/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1919	202602	Huỳnh Hoàng Duy	25/02/2001	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1920	203269	Nguyễn Chí Hải	26/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1921	203224	Trần Hoàng Huy	15/06/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1922	202880	Cao Ngọc Khả	23/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1923	203063	Lưu Vĩnh Khang	10/10/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1924	203008	Nguyễn Văn Lên	30/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1925	203287	Phạm Minh Nhựt	19/02/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1926	201137	Nguyễn Chí Phong	06/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1927	202993	Nguyễn Thanh Phương	04/04/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1928	203184	Trần Minh Tiến	01/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1929	202792	Đào Đặng Trí Toàn	10/04/2020	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1930	203807	Lê Quốc Triệu	22/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100064130	Kinh tế chính trị	
1931	202790	Hồ Tấn Đạt	07/02/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1932	203000	Huỳnh Lại Thành Đạt	25/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1933	202431	Nguyễn Văn Đua	12/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1934	203144	Nguyễn Quí Đức	29/03/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1935	202602	Huỳnh Hoàng Duy	25/02/2001	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1936	202351	Nguyễn Minh Hoàng	25/03/2001	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1937	203224	Trần Hoàng Huy	15/06/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1938	202880	Cao Ngọc Khả	23/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1939	203063	Lưu Vĩnh Khang	10/10/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1940	203069	Nguyễn Duy Khang	17/12/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1941	203008	Nguyễn Văn Lên	30/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1942	201137	Nguyễn Chí Phong	06/08/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1943	202923	Lý Minh Quang	11/08/2001	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1944	202415	Huỳnh Minh Thông	21/05/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1945	203184	Trần Minh Tiến	01/09/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1946	202541	Đỗ Trọng Tính	15/10/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1947	202792	Đào Đặng Trí Toàn	10/04/2020	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1948	203807	Lê Quốc Triệu	22/11/2002	Nam	DH20CKD01		010100089917	Toán cao cấp 2	
1949	2010572	Huỳnh Thái Duy	27/03/2001	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1950	2010573	Lâm Khả Duy	15/10/2001	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1951	200209	Trần Quốc Duy	09/12/1998	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1952	202498	Nguyễn Tấn Hải	25/06/2002	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1953	202577	Nguyễn Phan Huy Hiệu	26/08/2002	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1954	2010013	Nguyễn Huy Khang	08/11/2002	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1955	202945	Huỳnh Trung Kiên	18/10/2002	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1956	202513	Huỳnh Thị Cẩm Ly	01/11/2002	Nữ	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1957	201174	Lâm Thị Như Mỹ	24/09/2002	Nữ	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1958	2010579	Bùi Thanh Phong	14/09/2001	Nam	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1959	203486	Lê Nguyễn Phương Thảo	05/11/2002	Nữ	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1960	201549	Châu Như Ý	21/11/2002	Nữ	DH20CNT01		010100025801	Hóa hữu cơ	
1961	202498	Nguyễn Tấn Hải	25/06/2002	Nam	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1962	199727	Lê Quang Hưng	03/10/1999	Nam	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1963	202945	Huỳnh Trung Kiên	18/10/2002	Nam	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1964	200744	Nguyễn Thị Kiều Linh	09/06/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1965	202513	Huỳnh Thị Cẩm Ly	01/11/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1966	2010605	Trần Tôn Nghiêm	31/10/2002	Nam	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1967	2010395	Nguyễn Thị Ý Như	10/01/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1968	201184	Trần Minh Nhựt	20/01/2002	Nam	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1969	203486	Lê Nguyễn Phương Thảo	05/11/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1970	201294	Phạm Lê Cẩm Tiên	10/09/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1971	203333	Bùi Mai Xuân	22/06/2002	Nữ	DH20CNT01		010100064105	Kinh tế chính trị	
1972	180889	Nguyễn Phượng Nhi	06/02/1998	Nữ	DH20DUO01		010200026402	Hóa hữu cơ 2	
1973	202066	Phan Thị Ngọc Thúy	19/20/2002	Nữ	DH20DUO01		010200026402	Hóa hữu cơ 2	
1974	202066	Phan Thị Ngọc Thúy	19/20/2002	Nữ	DH20DUO01		010200089202	Sinh học đại cương	
1975	203035	Lê Quang Hào	24/06/2002	Nam	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1976	2010499	Trương Thanh Hiền	26/03/2002	Nữ	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1977	203705	Trần Tuấn Kiệt	12/02/2002	Nam	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1978	176201	Dương Nguyễn Hồng Ngọc	10/10/1999	Nữ	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1979	203112	Trịnh Ngọc Sơn	29/09/2002	Nam	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1980	2010258	Đỗ Hoàng Quế Trân	18/02/2002	Nữ	DH20DUO02		010200026401	Hóa hữu cơ 2	
1981	203035	Lê Quang Hào	24/06/2002	Nam	DH20DUO02		010200089201	Sinh học đại cương	
1982	2010499	Trương Thanh Hiền	26/03/2002	Nữ	DH20DUO02		010200089201	Sinh học đại cương	
1983	203705	Trần Tuấn Kiệt	12/02/2002	Nam	DH20DUO02		010200089201	Sinh học đại cương	
1984	2010441	Đỗ Hữu Lộc	04/03/2002	Nam	DH20DUO02		010200089201	Sinh học đại cương	
1985	2010258	Đỗ Hoàng Quế Trân	18/02/2002	Nữ	DH20DUO02		010200089201	Sinh học đại cương	
1986	203448	Nguyễn Thanh Hưng	15/06/2002	Nam	DH20HAY01		010100046701	Giải phẫu	
1987	203193	Phạm Hoàng Huy	11/06/2002	Nam	DH20HAY01		010100046701	Giải phẫu	
1988	203472	Hồ Huỳnh Đăng Khoa	25/09/2002	Nam	DH20HAY01		010100046701	Giải phẫu	
1989	200630	Nguyễn Quốc Lập	12/11/2002	Nam	DH20HAY01		010100046701	Giải phẫu	
1990	202418	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	25/07/2002	Nữ	DH20HAY01		010100046701	Giải phẫu	
1991	203464	Tạ Dương Băng Băng	09/04/2001	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
1992	202026	Nguyễn Văn Bé	07/04/2000	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1993	203732	Nguyễn Viết Kha	17/04/2002	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1994	201595	Phạm Trọng Khải	16/07/2002	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1995	201636	Nguyễn Quốc Khánh	31/08/2001	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1996	200568	Tạ Thanh Lộc	25/10/2000	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1997	201951	Trần Thanh Nhân	21/02/2001	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1998	2010147	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	03/09/2002	Nữ	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1999	203789	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	22/11/2002	Nữ	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2000	202698	Phan Ngọc Huyền Trân	02/08/2002	Nữ	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2001	2010109	Huỳnh Minh Triết	12/03/2002	Nam	DH20KQT01		010100089031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2002	203464	Tạ Dương Băng Băng	09/04/2001	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2003	202026	Nguyễn Văn Bé	07/04/2000	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2004	203732	Nguyễn Viết Kha	17/04/2002	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2005	201595	Phạm Trọng Khải	16/07/2002	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2006	201636	Nguyễn Quốc Khánh	31/08/2001	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2007	200568	Tạ Thanh Lộc	25/10/2000	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2008	201951	Trần Thanh Nhân	21/02/2001	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2009	2010147	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	03/09/2002	Nữ	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2010	203789	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	22/11/2002	Nữ	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2011	203684	Đặng Thị Thanh Thảo	16/02/2002	Nữ	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2012	202698	Phan Ngọc Huyền Trân	02/08/2002	Nữ	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2013	2010109	Huỳnh Minh Triết	12/03/2002	Nam	DH20KQT01		010100064132	Kinh tế chính trị	
2014	203573	Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu	31/05/2002	Nam	DH20KTO01		010100089008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2015	200841	Lâm Thị Ngọc	27/08/2002	Nữ	DH20KTO01		010100089008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2016	203867	Cao Ngọc Bảo Trân	11/11/2002	Nữ	DH20KTO01		010100089008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2017	203573	Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu	31/05/2002	Nam	DH20KTO01		010100064126	Kinh tế chính trị	
2018	200841	Lâm Thị Ngọc	27/08/2002	Nữ	DH20KTO01		010100064126	Kinh tế chính trị	
2019	203867	Cao Ngọc Bảo Trân	11/11/2002	Nữ	DH20KTO01		010100064126	Kinh tế chính trị	
2020	202147	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/02/2002	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2021	202382	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/06/2002	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2022	202758	Trần Gia Nghi	23/01/2002	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2023	203421	Hồ Thị Yến Nhi	03/11/2002	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2024	201771	Mai Thị Như Quỳnh	28/01/2001	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2025	203133	Khâu Thị Như Ý	18/12/2002	Nữ	DH20KTO02		010100089009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2026	202147	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/02/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2027	202382	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/06/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2028	202758	Trần Gia Nghi	23/01/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2029	203421	Hồ Thị Yến Nhi	03/11/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2030	201935	Lê Thị Yến Nhi	14/07/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2031	201771	Mai Thị Như Quỳnh	28/01/2001	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2032	203217	Trần Kiều Tiên	16/12/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2033	201562	Trần Ngọc Trinh	07/02/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2034	203320	Cao Nhật Vy	18/01/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2035	203133	Khâu Thị Như Ý	18/12/2002	Nữ	DH20KTO02		010100064125	Kinh tế chính trị	
2036	2010284	Võ Chí Khanh	02/01/2002	Nam	DH20KTO03		010100089010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2037	201991	Lê Mộng Nghi	30/07/2002	Nữ	DH20KTO03		010100089010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2038	202213	Nguyễn Khả Như	29/09/2002	Nữ	DH20KTO03		010100089010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2039	202370	Võ Ngọc Tuyền	26/11/2002	Nữ	DH20KTO03		010100089010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2040	2010284	Võ Chí Khanh	02/01/2002	Nam	DH20KTO03		010100064124	Kinh tế chính trị	
2041	201991	Lê Mộng Nghi	30/07/2002	Nữ	DH20KTO03		010100064124	Kinh tế chính trị	
2042	202213	Nguyễn Khả Như	29/09/2002	Nữ	DH20KTO03		010100064124	Kinh tế chính trị	
2043	2010099	Nguyễn Thành Tâm	03/09/2002	Nam	DH20KTO03		010100064124	Kinh tế chính trị	
2044	202370	Võ Ngọc Tuyền	26/11/2002	Nữ	DH20KTO03		010100064124	Kinh tế chính trị	
2045	203388	Nghiêm Phạm Trung Hiếu	09/05/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2046	202379	Nguyễn Trọng Học	21/09/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2047	201313	Mai Duy Hoàn Khánh	04/03/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2048	200152	Hà Quỳnh Như	27/10/1995	Nữ	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2049	202581	Võ Trường Sơn	07/07/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2050	201849	Trần Bảo Tín	29/11/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2051	2010413	Lưu Thanh Toàn	24/02/2002	Nam	DH20KTR01		010200089001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2052	202720	Mai Trần Hải Đăng	05/07/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2053	203372	Ngũ Kim Đạt	07/01/1996	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2054	2010379	Huỳnh Nguyễn Thùy Dương	26/07/2002	Nữ	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2055	201475	Chau Danh Thị Thúy Huy	18/11/2002	Nữ	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2056	2010419	Nguyễn Hoàng Khang	06/10/1999	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2057	201313	Mai Duy Hoàn Khánh	04/03/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2058	200152	Hà Quỳnh Như	27/10/1995	Nữ	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2059	202039	Đoàn Quốc Ninh	03/06/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2060	202581	Võ Trường Sơn	07/07/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2061	201849	Trần Bảo Tín	29/11/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2062	2010413	Lưu Thanh Toàn	24/02/2002	Nam	DH20KTR01		010200064101	Kinh tế chính trị	
2063	203259	Nguyễn Thành Công	08/12/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2064	203099	Châu Đại Dương	31/03/2000	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2065	203375	Âu Chí Hòa	14/01/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2066	203348	Nguyễn Quốc Hy	15/10/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2067	203600	Hà Nguyễn Anh Khoa	03/04/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2068	203342	Phạm Tuấn Kiệt	04/05/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2069	201750	Nguyễn Yến Linh	02/11/2002	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2070	209998	Huỳnh Minh Luân	22/05/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2071	2010368	Phạm Hữu Luân	12/02/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2072	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2073	201672	Tăng Bảo Phụng	17/12/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2074	203059	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	08/03/2002	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2075	201907	Huỳnh Như Thảo	01/01/2002	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2076	2010420	Hồ Thị Mỹ Trâm	24/03/2002	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2077	200322	Nguyễn Minh Trường	03/11/2002	Nam	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2078	2010319	Phạm Hải Yến	23/05/2002	Nữ	DH20LKT01		010100065101	Kinh tế vĩ mô	
2079	202521	Huỳnh Bình An	09/09/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2080	201587	Nguyễn Thùy Ca	04/10/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2081	203259	Nguyễn Thành Công	08/12/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2082	203163	Nguyễn Thị Mỹ Dung	03/08/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2083	203099	Châu Đại Dương	31/03/2000	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2084	201341	Huỳnh Bảo Cát Duyên	09/10/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2085	202471	Lưu Đinh Xuân Hằng	17/10/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2086	203375	Âu Chí Hòa	14/01/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2087	2010433	Dương Bá Hưng	08/01/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2088	203348	Nguyễn Quốc Hy	15/10/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2089	202797	Tăng Hoàng Kha	09/08/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2090	203600	Hà Nguyễn Anh Khoa	03/04/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2091	200256	Lương Minh Bửu Khoa	10/04/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2092	201086	Châu Tuấn Kiệt	07/05/2001	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2093	203342	Phạm Tuấn Kiệt	04/05/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2094	201750	Nguyễn Yến Linh	02/11/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2095	209998	Huỳnh Minh Luân	22/05/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2096	2010368	Phạm Hữu Luân	12/02/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2097	201153	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/09/2001	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2098	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2099	201672	Tăng Bảo Phụng	17/12/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2100	203059	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	08/03/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2101	2010423	Nguyễn Chí Tân	18/06/2001	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2102	201907	Huỳnh Như Thảo	01/01/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2103	201273	Phạm Thị Thanh Thảo	30/10/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2104	2010420	Hồ Thị Mỹ Trâm	24/03/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2105	200345	Đặng Kiều Trân	11/01/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2106	200322	Nguyễn Minh Trường	03/11/2002	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2107	201711	Trần Thảo Vi	13/12/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2108	200566	Trần Chí Vĩnh	30/01/2001	Nam	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2109	202576	Lê Thị Như Ý	09/12/2001	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2110	200317	Phạm Thị Mỹ Ý	29/11/2001	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2111	2010319	Phạm Hải Yến	23/05/2002	Nữ	DH20LKT01		010100073503	Nguyên lý kế toán	
2112	201182	Trần Văn Bé Ngoan	28/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2113	200258	Huỳnh Mỹ Ngọc	30/05/2000	Nữ	DH20LUA01		010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2114	201652	Nguyễn Huỳnh Hồng Nhung	09/08/2002	Nữ	DH20LUA01		010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2115	200521	Trần Thị Diễm Trân	12/05/2002	Nữ	DH20LUA01		010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2116	200508	Nguyễn Nhật Trường	09/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100089038	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2117	200808	Nguyễn Thị Tuyết Linh	06/04/2002	Nữ	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2118	201182	Trần Văn Bé Ngoan	28/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2119	200258	Huỳnh Mỹ Ngọc	30/05/2000	Nữ	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2120	200600	Nguyễn Hoàng Nhiệm	01/02/2001	Nam	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2121	201652	Nguyễn Huỳnh Hồng Nhung	09/08/2002	Nữ	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2122	200521	Trần Thị Diễm Trân	12/05/2002	Nữ	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2123	200508	Nguyễn Nhật Trường	09/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100064140	Kinh tế chính trị	
2124	201182	Trần Văn Bé Ngoan	28/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2125	200258	Huỳnh Mỹ Ngọc	30/05/2000	Nữ	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2126	201652	Nguyễn Huỳnh Hồng Nhung	09/08/2002	Nữ	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2127	201010	Tô Võ Phát Thịnh	19/05/2002	Nam	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2128	200521	Trần Thị Diễm Trân	12/05/2002	Nữ	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2129	200508	Nguyễn Nhật Trường	09/09/2002	Nam	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2130	201017	Ngô Ngọc Xuân	22/03/2002	Nữ	DH20LUA01		010100070801	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2131	203781	Lê Trọng Nhân	11/06/2002	Nam	DH20LUA02		010100089037	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2132	202695	Trần Hồng Thắm	31/12/2002	Nữ	DH20LUA02		010100089037	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2133	2010126	Huỳnh Duyên Như Ý	05/05/2002	Nữ	DH20LUA02		010100089037	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2134	203781	Lê Trọng Nhân	11/06/2002	Nam	DH20LUA02		010100064129	Kinh tế chính trị	
2135	2010158	Nguyễn Hoàng Phúc	18/05/2002	Nam	DH20LUA02		010100064129	Kinh tế chính trị	
2136	202695	Trần Hồng Thắm	31/12/2002	Nữ	DH20LUA02		010100064129	Kinh tế chính trị	
2137	2010126	Huỳnh Duyên Như Ý	05/05/2002	Nữ	DH20LUA02		010100064129	Kinh tế chính trị	
2138	192422	Đinh Thanh Tuyết Mi	16/02/2001	Nữ	DH20LUA02		010100070802	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2139	203781	Lê Trọng Nhân	11/06/2002	Nam	DH20LUA02		010100070802	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2140	202695	Trần Hồng Thắm	31/12/2002	Nữ	DH20LUA02		010100070802	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2141	2010126	Huỳnh Duyên Như Ý	05/05/2002	Nữ	DH20LUA02		010100070802	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 1	
2142	203400	Trần Ngọc Nhân	14/04/2002	Nam	DH20MAR01		010100089030	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2143	202900	Tô Yến Nhi	13/12/2002	Nữ	DH20MAR01		010100089030	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2144	200501	Nguyễn Anh Tài	04/11/2002	Nam	DH20MAR01		010100089030	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2145	2010202	Huỳnh Thị Như Ý	17/08/2002	Nữ	DH20MAR01		010100089030	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2146	200792	Nguyễn Hoàng Huy	01/01/2002	Nam	DH20MAR01		010100064131	Kinh tế chính trị	
2147	203400	Trần Ngọc Nhân	14/04/2002	Nam	DH20MAR01		010100064131	Kinh tế chính trị	
2148	202900	Tô Yến Nhi	13/12/2002	Nữ	DH20MAR01		010100064131	Kinh tế chính trị	
2149	200501	Nguyễn Anh Tài	04/11/2002	Nam	DH20MAR01		010100064131	Kinh tế chính trị	
2150	2010202	Huỳnh Thị Như Ý	17/08/2002	Nữ	DH20MAR01		010100064131	Kinh tế chính trị	
2151	201272	Huỳnh Bảo Anh	28/06/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2152	200934	Phạm Thị Kim Đồng	24/04/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2153	200834	Phan Thanh Anh Thy	04/11/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2154	200465	Phạm Thanh Tuấn	19/09/1998	Nam	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2155	200221	Hình Thảo Vy	21/10/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2156	200549	Nguyễn Thị Thúy Vy	13/08/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2157	200333	Phạm Thị Tường Vy	26/07/2002	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2158	200172	Võ Phương Yến	07/01/2001	Nữ	DH20NNA01		010100168001	Ngữ pháp 2	
2159	201661	Nguyễn Ngọc Phương Anh	15/08/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2160	202250	Nguyễn Thị Ngọc Hân	07/06/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2161	201972	Nguyễn Quốc Khánh	03/12/2002	Nam	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2162	202130	Đặng Thị Mỹ Linh	06/07/2001	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2163	201110	Huỳnh Diễm My	18/11/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2164	202168	Phạm Thành Nam	12/12/2002	Nam	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2165	201855	Huỳnh Thị Phương Ngân	05/05/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2166	201800	Ngô Thị Yến Nhi	15/07/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2167	201776	Nguyễn Ngọc Nhiên	11/11/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2168	201683	Phạm Bảo Như	10/01/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2169	202288	Đỗ Nha Thư	27/02/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2170	201722	Nguyễn Anh Thư	01/03/2001	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2171	202366	Đặng Thị Hồng Thủy	20/06/2002	Nữ	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2172	201445	Tiêu Minh Tới	15/01/2001	Nam	DH20NNA02		010100168004	Ngữ pháp 2	
2173	202649	Đỗ Thị Ngọc Bích	11/04/2002	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2174	203092	Nguyễn Kim Hân	09/07/2002	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2175	203208	Lưu Minh Khang	19/03/1997	Nam	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2176	203236	Nguyễn Hoàng Nhân	27/12/2002	Nam	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2177	203281	Nguyễn Thanh Quang	10/03/2001	Nam	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2178	203838	Trần Hồng Sương	26/08/2002	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2179	203592	Từ Minh Thành	29/06/2002	Nam	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2180	202744	Lưu Ngọc Minh Thư	26/02/2002	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2181	203756	Nguyễn Huyền Trang	25/06/2001	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2182	203280	Nguyễn Huỳnh Thúy Vi	09/01/2001	Nữ	DH20NNA03		010100168003	Ngữ pháp 2	
2183	200304	Cao Thành Đạt	30/11/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2184	200429	Phạm Thanh Điền	12/07/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2185	200370	Phạm Nhật Duy	01/01/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2186	200276	Nguyễn Hoàng Nhân	14/01/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2187	200077	Trần Quang Nhựt	27/04/2000	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2188	200142	Trịnh Hoài Thanh	20/06/2001	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2189	200443	Nguyễn Quốc Thạnh	27/05/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2190	188895	Phan Thành Thông	06/12/2000	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2191	200449	Nguyễn Hữu Tín	27/09/2002	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2192	200352	Lê Mạnh Tuyên	15/06/2001	Nam	DH20OTO01		010100158101	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2193	200304	Cao Thành Đạt	30/11/2002	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2194	200429	Phạm Thanh Điền	12/07/2002	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2195	200370	Phạm Nhật Duy	01/01/2002	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2196	200346	Nguyễn Minh Khánh	14/09/2002	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2197	188895	Phan Thành Thông	06/12/2000	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2198	200449	Nguyễn Hữu Tín	27/09/2002	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2199	200186	Ngô Minh Triết	03/04/2001	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2200	200352	Lê Mạnh Tuyên	15/06/2001	Nam	DH20OTO01		010100089906	Toán cao cấp 2	
2201	203548	Lê Nguyễn Chí Bảo	10/08/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2202	200578	Nguyễn Thành Luân	03/05/2001	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2203	200494	La Thanh Nhi	11/05/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2204	200654	Nguyễn Chí Quốc	12/03/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2205	2010256	Lý Quang Thái	26/10/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2206	200656	Nguyễn Chí Thật	20/12/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2207	200471	Nguyễn Cao Minh Triết	09/04/2002	Nam	DH20OTO02		010100158102	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2208	203548	Lê Nguyễn Chí Bảo	10/08/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2209	200655	Phạm Trần Gia Bảo	12/11/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2210	200608	Nguyễn Hải Đăng	14/06/2001	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2211	200565	Nguyễn Bùi Huy Hoàng	28/11/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2212	200654	Nguyễn Chí Quốc	12/03/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2213	200524	Huỳnh Thanh Sang	20/03/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2214	2010256	Lý Quang Thái	26/10/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2215	200656	Nguyễn Chí Thật	20/12/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2216	200577	Huỳnh Đăng Thiên	27/10/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2217	200471	Nguyễn Cao Minh Triết	09/04/2002	Nam	DH20OTO02		010100089905	Toán cao cấp 2	
2218	200763	Trần Phương Đông	11/11/2002	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2219	200810	Nguyễn Anh Duy	06/10/2001	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2220	200799	Phan Văn Khải	16/09/2001	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2221	200785	Huỳnh Ngọc Khanh	16/01/2002	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2222	200748	Nguyễn Phương Nam	30/05/2002	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2223	200852	Nguyễn Văn Nghĩa	15/07/2002	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2224	200887	Phan Nguyễn Trọng Nhân	17/09/2002	Nam	DH20OTO03		010100158103	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2225	200729	Lưu Chí Bảo	15/05/2002	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2226	200775	Hồ Thiện Đức	13/03/2001	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2227	200799	Phan Văn Khải	16/09/2001	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2228	200785	Huỳnh Ngọc Khanh	16/01/2002	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2229	200852	Nguyễn Văn Nghĩa	15/07/2002	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2230	200887	Phan Nguyễn Trọng Nhân	17/09/2002	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2231	200762	Bùi Trung Thật	16/06/2002	Nam	DH20OTO03		010100089916	Toán cao cấp 2	
2232	201176	Nguyễn Thành Công	08/02/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2233	201180	Trương Minh Hậu	22/09/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2234	201237	Lê Minh Hiếu	31/01/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2235	201136	Hồ Quốc Huy	16/11/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2236	209982	Ngô Quốc Khánh	16/03/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2237	201227	Nguyễn Mạnh Lên	22/08/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2238	201003	Quách Nam Nhân	05/02/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2239	201252	Trương Huỳnh Phong	26/06/2000	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2240	201087	Chế Nguyễn Hoàng Phúc	14/10/2001	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2241	201069	Nguyễn Hữu Thịnh	20/06/2001	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2242	201232	Võ Quốc Trọng	19/08/2002	Nam	DH20OTO04		010100158105	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2243	201287	Trần Bình An	03/11/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2244	201176	Nguyễn Thành Công	08/02/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2245	201157	Lê Quốc Đô	07/10/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2246	201117	Dương Khắc Duy	11/12/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2247	201237	Lê Minh Hiếu	31/01/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2248	201136	Hồ Quốc Huy	16/11/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2249	201178	Võ Vĩ Khang	24/02/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2250	209982	Ngô Quốc Khánh	16/03/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2251	201227	Nguyễn Mạnh Lên	22/08/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2252	201003	Quách Nam Nhân	05/02/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2253	201247	Võ Thành Nhân	06/10/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2254	201252	Trương Huỳnh Phong	26/06/2000	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2255	201087	Chế Nguyễn Hoàng Phúc	14/10/2001	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2256	201128	Phạm Nguyễn Duy Thanh	30/05/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2257	201143	Sơn Nguyễn Phước Ngọc Thiện	14/11/2000	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2258	201069	Nguyễn Hữu Thịnh	20/06/2001	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2259	200979	Trà Phước Tôn	22/12/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2260	201232	Võ Quốc Trọng	19/08/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2261	201200	Lưu Quốc Trung	13/10/2002	Nam	DH20OTO04		010100089914	Toán cao cấp 2	
2262	201570	Lâm Huỳnh Bảo	09/09/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2263	201571	Võ Nhựt Hào	06/06/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2264	201335	Nguyễn Lăng Kiên	18/11/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2265	201492	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/04/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2266	201556	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/11/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2267	201487	Lý Nguyễn Trọng Nhân	13/05/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2268	201511	Ngô Triệu Phú	11/08/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2269	202019	Nguyễn Minh Quân	05/04/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2270	201405	Trần Trúc Vũ	03/03/2002	Nam	DH20OTO05		010100158104	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2271	201571	Võ Nhựt Hào	06/06/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2272	201335	Nguyễn Lăng Kiên	18/11/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2273	201487	Lý Nguyễn Trọng Nhân	13/05/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2274	201511	Ngô Triệu Phú	11/08/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2275	202019	Nguyễn Minh Quân	05/04/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2276	201305	Phạm Hồng Tuân	21/08/2002	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2277	201351	Phạm Nhật Tường	29/09/2001	Nam	DH20OTO05		010100089915	Toán cao cấp 2	
2278	201775	Võ Tấn An	09/05/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2279	201616	Nguyễn Hoàng Kim	01/08/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2280	201721	Nguyễn Chí Nguyên	08/02/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2281	201806	Huỳnh Hữu Tài	18/04/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2282	201823	Trịnh Quốc Thắng	18/07/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2283	201785	Nguyễn Hoàng Thơ	28/08/2002	Nam	DH20OTO06		010100158106	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2284	201775	Võ Tấn An	09/05/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2285	201616	Nguyễn Hoàng Kim	01/08/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2286	201721	Nguyễn Chí Nguyên	08/02/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2287	201692	Trần Minh Quí	03/02/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2288	201806	Huỳnh Hữu Tài	18/04/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2289	201823	Trịnh Quốc Thắng	18/07/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2290	201785	Nguyễn Hoàng Thơ	28/08/2002	Nam	DH20OTO06		010100089912	Toán cao cấp 2	
2291	201864	Đỗ Tuấn Anh	25/10/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2292	180686	Nguyễn Quang Duy	24/06/2000	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2293	201908	Bùi Anh Nhật Hào	21/11/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2294	203553	Trần Công Hậu	01/01/2001	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2295	201842	Huỳnh Trung Hiếu	20/09/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2296	201884	Lư Bạch Hổ	29/12/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2297	202503	Trần Hoàng Khả	12/10/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2298	201892	Phạm Quốc Khang	07/02/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2299	202140	Nguyễn Đăng Khoa	05/10/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2300	201909	Phan Huỳnh Khương	14/09/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2301	202054	Trần Co Lís	16/02/2001	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2302	201962	Tăng Phước Lộc	17/06/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2303	201969	Đỗ Khánh Lý	01/01/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2304	202079	Nguyễn Duy Nam	10/11/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2305	201900	Lê Hoàng Nghĩa	09/02/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2306	202078	Nguyễn Hiếu Nghĩa	10/09/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2307	201968	Trần Nhâm Ngọ	19/04/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2308	201843	Châu Minh Quân	30/09/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2309	202086	Ngô Nhật Thanh	24/07/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2310	202000	Cao Tuấn Thành	15/04/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2311	201883	Nguyễn Tín	14/05/2001	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2312	202045	Lê Thanh Tùng	19/08/2002	Nam	DH20OTO07		010100158108	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2313	180686	Nguyễn Quang Duy	24/06/2000	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2314	203553	Trần Công Hậu	01/01/2001	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2315	202503	Trần Hoàng Khả	12/10/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2316	201962	Tăng Phước Lộc	17/06/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2317	201900	Lê Hoàng Nghĩa	09/02/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2318	202080	Nguyễn Thanh Nghiêm	24/07/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2319	202000	Cao Tuấn Thành	15/04/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2320	202088	Nguyễn Ngô Duy Tiến	12/11/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2321	202045	Lê Thanh Tùng	19/08/2002	Nam	DH20OTO07		010100089913	Toán cao cấp 2	
2322	202221	Nguyễn Hoàng Anh	03/12/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2323	202666	Thái Lê Gia Bảo	14/03/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2324	202372	Lê Phong Danh	09/05/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2325	202416	Trần Toàn Định	18/10/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2326	202536	Nguyễn Nhật Hào	29/09/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2327	202701	Huỳnh Phi Hiếu	09/01/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2328	202783	Lê Nguyễn Đức Huy	02/07/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2329	2010578	Nguyễn Minh Huy	19/10/2001	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2330	202375	Trần Hoàng Khang	02/04/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2331	202390	Thái Phạm Đăng Khoa	12/11/2001	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2332	202725	Trần Tuấn Kiệt	24/08/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2333	202551	Trần Đại Lợi	24/08/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2334	202788	Trần Minh Nghĩa	06/03/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2335	202614	Nguyễn Hoài Niệm	01/02/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2336	202784	Phạm Thế Tài	26/09/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2337	202287	Bùi Văn Thắng	11/05/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2338	202653	Phạm Ngọc Thành	03/01/2002	Nam	DH20OTO08		010100158107	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2339	202221	Nguyễn Hoàng Anh	03/12/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2340	202536	Nguyễn Nhật Hào	29/09/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2341	202701	Huỳnh Phi Hiếu	09/01/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2342	202375	Trần Hoàng Khang	02/04/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2343	202390	Thái Phạm Đăng Khoa	12/11/2001	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2344	202725	Trần Tuấn Kiệt	24/08/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2345	202551	Trần Đại Lợi	24/08/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2346	202788	Trần Minh Nghĩa	06/03/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2347	202614	Nguyễn Hoài Niệm	01/02/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2348	202530	Đinh Thanh Tân	04/06/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2349	202287	Bùi Văn Thắng	11/05/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2350	202653	Phạm Ngọc Thành	03/01/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2351	202490	Lê Văn Tường	26/10/2001	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2352	202234	Lê Vũ Tường	19/07/2002	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2353	202179	Đặng Thành Vinh	02/07/2001	Nam	DH20OTO08		010100089911	Toán cao cấp 2	
2354	202972	Huỳnh Khánh Duy	13/09/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2355	202909	Phan Nhựt Hoài	29/01/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2356	202889	Trần Thanh Kha	09/05/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2357	203022	Phan Văn Khá	06/10/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2358	202856	Nguyễn Trung Kiên	02/02/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2359	191131	Nguyễn Hoàng Minh	22/11/2001	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2360	202970	Nguyễn Hải Nam	31/07/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2361	202819	Lý Trần Ngọc	20/09/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2362	191235	Đặng Nhất Nguyên	12/05/2001	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2363	203111	Lê Hoàng Pháp	11/08/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2364	203091	Lâm Tiến Phát	23/08/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2365	202897	Nguyễn Hữu Phát	21/08/2002	Nam	DH20OTO09		010100158109	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2366	202972	Huỳnh Khánh Duy	13/09/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2367	202909	Phan Nhựt Hoài	29/01/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2368	203022	Phan Văn Khá	06/10/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2369	191131	Nguyễn Hoàng Minh	22/11/2001	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2370	202970	Nguyễn Hải Nam	31/07/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2371	191235	Đặng Nhất Nguyên	12/05/2001	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2372	203111	Lê Hoàng Pháp	11/08/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2373	202897	Nguyễn Hữu Phát	21/08/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2374	202848	Trần Thanh Quang	13/05/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2375	203122	Nguyễn Thạch Tấn Tài	27/12/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	
2376	202996	Bùi Quang Vĩnh	16/11/2002	Nam	DH20OTO09		010100089910	Toán cao cấp 2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2377	192003	Nguyễn Hải Đăng	21/09/2001	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2378	191510	Nguyễn Phước Hào	10/11/1999	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2379	203442	Lê Trung Hiếu	23/03/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2380	203403	Trần Vưu Khải Hòa	26/01/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2381	200768	Mã Chí Khả	20/06/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2382	203238	Lưu Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2383	202662	Võ Văn Phú	27/08/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2384	203312	Nguyễn Quang Vinh	12/09/2002	Nam	DH20OTO10		010100158110	Quản trị dự án phát triển sản phẩm	
2385	192003	Nguyễn Hải Đăng	21/09/2001	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2386	203442	Lê Trung Hiếu	23/03/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2387	203403	Trần Vưu Khải Hòa	26/01/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2388	203194	Trần Bửu Hưng	23/02/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2389	200768	Mã Chí Khả	20/06/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2390	203238	Lưu Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2391	203326	Bùi Nhật Minh	15/11/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2392	203394	Trịnh Hoàng Ngọc	10/05/2001	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2393	202662	Võ Văn Phú	27/08/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2394	203429	Đinh Tiến Tài	20/07/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2395	203432	Nguyễn Trí Trung	31/05/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2396	203312	Nguyễn Quang Vinh	12/09/2002	Nam	DH20OTO10		010100089909	Toán cao cấp 2	
2397	201160	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	21/09/2001	Nữ	DH20QHC01		010100059501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2398	201612	Hoàng Quốc Phong	02/03/2001	Nam	DH20QHC01		010100059501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2399	202208	Trần Thảo Quyên	15/02/2001	Nữ	DH20QHC01		010100059501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2400	200638	Trương Thế Tài	10/03/2002	Nam	DH20QHC01		010100059501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2401	200246	Nguyễn Minh Tuấn	09/11/1997	Nam	DH20QHC01		010100059501	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2402	201160	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	21/09/2001	Nữ	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2403	201612	Hoàng Quốc Phong	02/03/2001	Nam	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2404	2010389	Nguyễn Trọng Phúc	27/09/2002	Nam	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2405	203358	Nguyễn Hoàng Phi Phụng	10/03/2002	Nữ	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2406	200638	Trương Thế Tài	10/03/2002	Nam	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2407	200246	Nguyễn Minh Tuấn	09/11/1997	Nam	DH20QHC01		010100064115	Kinh tế chính trị	
2408	202588	Đào Vũ Hải	26/08/2002	Nam	DH20QLD01		010100025302	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	
2409	2010125	Võ Duy Khang	23/04/2002	Nam	DH20QLD01		010100025302	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	
2410	192021	Nguyễn Phong Phú	25/03/2000	Nam	DH20QLD01		010100025302	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	
2411	202585	Trần Phạm Loan Phương	13/04/2002	Nữ	DH20QLD01		010100025302	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2412	202588	Đào Vũ Hải	26/08/2002	Nam	DH20QLD01		010100064101	Kinh tế chính trị	
2413	2010125	Võ Duy Khang	23/04/2002	Nam	DH20QLD01		010100064101	Kinh tế chính trị	
2414	192021	Nguyễn Phong Phú	25/03/2000	Nam	DH20QLD01		010100064101	Kinh tế chính trị	
2415	202585	Trần Phạm Loan Phương	13/04/2002	Nữ	DH20QLD01		010100064101	Kinh tế chính trị	
2416	2010496	Phạm Nhựt Anh	04/01/2001	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2417	202588	Đào Vũ Hải	26/08/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2418	202348	Quách Chí Hiện	03/11/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2419	200730	Nguyễn Duy Khang	02/02/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2420	2010125	Võ Duy Khang	23/04/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2421	202621	Lâm Khánh Kỳ	11/11/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2422	200573	Huỳnh Phú Lộc	04/04/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2423	200192	Đào Tiến Vủ Luân	10/01/2001	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2424	192021	Nguyễn Phong Phú	25/03/2000	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2425	202585	Trần Phạm Loan Phương	13/04/2002	Nữ	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2426	200918	Đặng Vệ Quốc	02/01/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2427	203205	Phạm Phương Tâm	13/03/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2428	201159	Phạm Quốc Toàn	12/03/2002	Nam	DH20QLD01		010100064401	Kinh tế học	
2429	201886	Chung Tấn Đạt	02/02/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2430	200869	Lai Thành Đạt	03/07/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2431	202463	Nguyễn Lê Giang	02/11/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2432	202732	Nguyễn Hồng Hy	04/07/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2433	203473	Phạm Chí Nguyên	12/02/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2434	201554	Phan Hoàng Phúc	16/05/2002	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2435	1810301	Phan Thanh Sang	23/11/1995	Nam	DH20QLT01		010100026903	Hóa phân tích	
2436	200869	Lai Thành Đạt	03/07/2002	Nam	DH20QLT01		010100064102	Kinh tế chính trị	
2437	202732	Nguyễn Hồng Hy	04/07/2002	Nam	DH20QLT01		010100064102	Kinh tế chính trị	
2438	203473	Phạm Chí Nguyên	12/02/2002	Nam	DH20QLT01		010100064102	Kinh tế chính trị	
2439	201008	Châu Hồng Huệ	28/08/2002	Nữ	DH20QTD01		010100059503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2440	201208	Dương Vĩnh Thái	02/11/2002	Nam	DH20QTD01		010100059503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2441	200523	Lâm Thanh Thanh	09/06/2001	Nữ	DH20QTD01		010100059503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2442	2010415	Ngô Cẩm Thoa	05/01/2001	Nữ	DH20QTD01		010100059503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2443	200452	Bùi Cẩm Thu	14/04/2002	Nữ	DH20QTD01		010100059503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2444	201008	Châu Hồng Huệ	28/08/2002	Nữ	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	
2445	201208	Dương Vĩnh Thái	02/11/2002	Nam	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	
2446	200523	Lâm Thanh Thanh	09/06/2001	Nữ	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2447	2010415	Ngô Cẩm Thoa	05/01/2001	Nữ	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	
2448	200452	Bùi Cẩm Thu	14/04/2002	Nữ	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	
2449	200996	Bùi Trung Tín	12/10/2002	Nam	DH20QTD01		010100064103	Kinh tế chính trị	
2450	202529	Nguyễn Hoàng Đức	07/09/2002	Nam	DH20QTD02		010100059502	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2451	202378	Trần Thị Thúy Duy	04/06/2001	Nữ	DH20QTD02		010100059502	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2452	2010410	Trần Thùy Linh	06/12/2002	Nữ	DH20QTD02		010100059502	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2453	202679	Nguyễn Văn Thới	15/11/2001	Nam	DH20QTD02		010100059511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2454	2010484	Nguyễn Thanh Tú	25/12/2002	Nam	DH20QTD02		010100059511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2455	201923	Nguyễn Thị Linh Đan	27/01/2000	Nữ	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2456	202529	Nguyễn Hoàng Đức	07/09/2002	Nam	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2457	202378	Trần Thị Thúy Duy	04/06/2001	Nữ	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2458	202679	Nguyễn Văn Thới	15/11/2001	Nam	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2459	201881	Phạm Thị Huyền Trang	05/07/2002	Nữ	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2460	2010484	Nguyễn Thanh Tú	25/12/2002	Nam	DH20QTD02		010100064104	Kinh tế chính trị	
2461	200666	Trần Quốc Đạt	29/08/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2462	202955	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/11/2002	Nữ	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2463	203129	Nguyễn Thịnh Duy	07/01/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2464	203270	Trần Thị Ngọc Hân	12/02/2001	Nữ	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2465	200564	Huỳnh Gia Huy	13/12/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2466	200450	Bùi Thị Thùy Linh	21/07/2002	Nữ	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2467	203413	Ngô Thành Lợi	26/06/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2468	203509	Nguyễn Văn Vũ Luân	10/05/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2469	203272	Ngô Ngọc Nhứt	20/12/2001	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2470	203192	Nguyễn Quang Phước	25/03/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2471	200324	Nguyễn Ngọc Sơn	17/09/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2472	202946	Huỳnh Tấn Tài	15/10/2001	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2473	200376	Phan Vĩ Thái	15/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2474	202957	Quách Cẩm Tiên	05/06/2002	Nữ	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2475	203535	Nguyễn Ứng Triều	04/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2476	202906	Lê Thị Thúy Vân	20/06/2002	Nữ	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2477	203438	Hồ Trường Vũ	16/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100059504	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2478	203477	Lê Thị Quốc Anh	19/08/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2479	200666	Trần Quốc Đạt	29/08/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2480	202955	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/11/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2481	203129	Nguyễn Thịnh Duy	07/01/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2482	203270	Trần Thị Ngọc Hân	12/02/2001	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2483	200564	Huỳnh Gia Huy	13/12/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2484	200450	Bùi Thị Thùy Linh	21/07/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2485	203413	Ngô Thành Lợi	26/06/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2486	203509	Nguyễn Văn Vũ Luân	10/05/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2487	203186	Đỗ Thị Kim Mến	09/10/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2488	203272	Ngô Ngọc Nhứt	20/12/2001	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2489	203192	Nguyễn Quang Phước	25/03/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2490	200324	Nguyễn Ngọc Sơn	17/09/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2491	202946	Huỳnh Tấn Tài	15/10/2001	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2492	200376	Phan Vĩ Thái	15/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2493	202957	Quách Cẩm Tiên	05/06/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2494	203535	Nguyễn Ứng Triều	04/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2495	203216	Trần Văn Tủy	01/01/2001	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2496	202906	Lê Thị Thúy Vân	20/06/2002	Nữ	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2497	203438	Hồ Trường Vũ	16/10/2002	Nam	DH20QTD03		010100064107	Kinh tế chính trị	
2498	2010144	Huỳnh Quốc An	04/11/2002	Nam	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2499	2010374	Lê Hoàng Đạt	20/02/2002	Nam	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2500	2010151	Cao Hồng Ngọc Hân	19/06/2002	Nữ	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2501	2010431	Nguyễn Huỳnh Luân	27/02/2002	Nam	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2502	203851	Nguyễn Chấn Phan	20/12/2002	Nam	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2503	2010337	Trần Như Quỳnh	24/08/2002	Nữ	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2504	188794	Trần La Minh Trường	18/11/1999	Nam	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2505	203569	Nguyễn Hiển Vy	09/06/2002	Nữ	DH20QTD04		010100059505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2506	2010144	Huỳnh Quốc An	04/11/2002	Nam	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2507	2010374	Lê Hoàng Đạt	20/02/2002	Nam	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2508	2010033	Đỗ Lê Quang Huy	12/05/2002	Nam	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2509	2010431	Nguyễn Huỳnh Luân	27/02/2002	Nam	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2510	203851	Nguyễn Chấn Phan	20/12/2002	Nam	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2511	2010393	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	31/01/2002	Nữ	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2512	2010337	Trần Như Quỳnh	24/08/2002	Nữ	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2513	2010327	Nguyễn Huỳnh Kim Trinh	20/10/2002	Nữ	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2514	203569	Nguyễn Hiển Vy	09/06/2002	Nữ	DH20QTD04		010100064106	Kinh tế chính trị	
2515	200515	Phạm Nhựt Duy	02/01/2002	Nam	DH20QTK01		010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2516	200188	Đặng Văn Trường Giang	25/05/2001	Nam	DH20QTK01		010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2517	200093	Nguyễn Trung Hậu	24/04/2001	Nam	DH20QTK01		010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2518	201565	Nguyễn Thị Xuân Lan	09/02/2001	Nữ	DH20QTK01		010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2519	200362	Tạ Vũ Luân	30/04/2002	Nam	DH20QTK01		010100089011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2520	200193	Trương Hồ Thanh Bình	13/09/2001	Nam	DH20QTK01		010100064127	Kinh tế chính trị	
2521	200515	Phạm Nhựt Duy	02/01/2002	Nam	DH20QTK01		010100064127	Kinh tế chính trị	
2522	200188	Đặng Văn Trường Giang	25/05/2001	Nam	DH20QTK01		010100064127	Kinh tế chính trị	
2523	200093	Nguyễn Trung Hậu	24/04/2001	Nam	DH20QTK01		010100064127	Kinh tế chính trị	
2524	201565	Nguyễn Thị Xuân Lan	09/02/2001	Nữ	DH20QTK01		010100064127	Kinh tế chính trị	
2525	200917	Nguyễn Ngô Thúy Duy	05/12/2002	Nữ	DH20QTK02		010100089015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2526	201805	Phan Thị Ngọc Lẽ	23/04/2002	Nữ	DH20QTK02		010100089015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2527	200751	Huỳnh Thanh Toàn	16/04/2002	Nam	DH20QTK02		010100089015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2528	200591	Võ Thị Kim Tuyến	14/05/2002	Nữ	DH20QTK02		010100089015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2529	200917	Nguyễn Ngô Thúy Duy	05/12/2002	Nữ	DH20QTK02		010100064128	Kinh tế chính trị	
2530	201805	Phan Thị Ngọc Lẽ	23/04/2002	Nữ	DH20QTK02		010100064128	Kinh tế chính trị	
2531	200751	Huỳnh Thanh Toàn	16/04/2002	Nam	DH20QTK02		010100064128	Kinh tế chính trị	
2532	200591	Võ Thị Kim Tuyến	14/05/2002	Nữ	DH20QTK02		010100064128	Kinh tế chính trị	
2533	201251	Nguyễn Kim Cúc	06/03/2002	Nữ	DH20QTK03		010100089014	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2534	201092	Trương Nhựt Duy	01/04/2002	Nam	DH20QTK03		010100089014	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2535	201251	Nguyễn Kim Cúc	06/03/2002	Nữ	DH20QTK03		010100064121	Kinh tế chính trị	
2536	201092	Trương Nhựt Duy	01/04/2002	Nam	DH20QTK03		010100064121	Kinh tế chính trị	
2537	201920	Trịnh Thái Bình	06/05/2001	Nam	DH20QTK04		010100089013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2538	201861	Phan Phước Lộc	08/06/2002	Nam	DH20QTK04		010100089013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2539	201724	Nguyễn Trương Triệu Kim Ngân	09/11/2002	Nữ	DH20QTK04		010100089013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2540	201954	Nguyễn Hữu Thắng	15/02/2002	Nam	DH20QTK04		010100089013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2541	180902	Nguyễn Trí Thiện	26/08/2000	Nam	DH20QTK04	DH20TCN01	010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2542	201891	Trần Quốc Tịnh	30/07/2002	Nam	DH20QTK04		010100089013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2543	201920	Trịnh Thái Bình	06/05/2001	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2544	201597	Đỗ Bùi Công Chiến	25/03/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2545	203559	Phạm Văn Được	16/05/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2546	201861	Phan Phước Lộc	08/06/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2547	201860	Nguyễn Tài Lợi	20/05/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2548	201804	Huỳnh Nguyễn Minh Luật	05/11/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2549	201600	Phan Thị Trúc My	29/08/2002	Nữ	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2550	201724	Nguyễn Trương Triệu Kim Ngân	09/11/2002	Nữ	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2551	201594	Thạch Kim Ngân	16/01/2002	Nữ	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2552	201954	Nguyễn Hữu Thắng	15/02/2002	Nam	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2553	180902	Nguyễn Trí Thiện	26/08/2000	Nam	DH20QTK04	DH20TCN01	010100064118	Kinh tế chính trị	
2554	200962	Lê Nguyễn Thanh Trúc	03/01/2002	Nữ	DH20QTK04		010100064123	Kinh tế chính trị	
2555	202116	Lê Nguyễn Kim Dư	23/03/2002	Nữ	DH20QTK05		010100089012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2556	202327	Nguyễn Thị Mộng Kiều	09/09/2001	Nữ	DH20QTK05		010100089012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2557	202150	Phạm Cẩm Tiên	10/11/2002	Nữ	DH20QTK05		010100089012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2558	202260	Phạm Thị Thanh Tuyền	03/08/2001	Nữ	DH20QTK05		010100089012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2559	202116	Lê Nguyễn Kim Dư	23/03/2002	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2560	202340	Hữu Mỹ Hạt	07/11/2002	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2561	202109	Phạm Anh Hưng	14/10/2001	Nam	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2562	202133	Nguyễn Ngọc Huyền	12/07/2002	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2563	202327	Nguyễn Thị Mộng Kiều	09/09/2001	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2564	177397	Nguyễn Thành Long	26/04/1999	Nam	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2565	202150	Phạm Cẩm Tiên	10/11/2002	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2566	202139	Huỳnh Kim Tú	04/05/2002	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2567	202260	Phạm Thị Thanh Tuyền	03/08/2001	Nữ	DH20QTK05		010100064122	Kinh tế chính trị	
2568	202786	Khổng Hữu Đức	24/02/2002	Nam	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2569	192193	Nguyễn Thanh Khoa	20/06/2000	Nam	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2570	202492	Doãn Hoàng Mẫn Nghi	15/07/2001	Nữ	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2571	202624	Nguyễn Trọng Ngôn	13/11/2001	Nam	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2572	202746	Bùi Bình Tỷ	24/04/2001	Nam	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2573	202625	Nguyễn Phong Vũ	02/11/2001	Nam	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2574	202557	Lê Thị Ngọc Yến	09/02/2002	Nữ	DH20QTK06		010100089021	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2575	202611	Phạm Thiện Hưng	19/05/2002	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2576	192193	Nguyễn Thanh Khoa	20/06/2000	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2577	202492	Doãn Hoàng Mẫn Nghi	15/07/2001	Nữ	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2578	202624	Nguyễn Trọng Ngôn	13/11/2001	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2579	202466	Lê Minh Thức	19/09/2020	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2580	202746	Bùi Bình Tỷ	24/04/2001	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2581	202625	Nguyễn Phong Vũ	02/11/2001	Nam	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2582	202557	Lê Thị Ngọc Yến	09/02/2002	Nữ	DH20QTK06		010100064120	Kinh tế chính trị	
2583	203137	Lê Hải Đăng	10/04/2002	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2584	203415	Quách Hải Đăng	22/08/2001	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2585	202969	Nguyễn Ngọc Hưng	01/06/2002	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2586	203376	Nguyễn Chí Nguyện	05/12/2002	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2587	203315	Châu Triệu Phú	06/04/2001	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2588	203100	Lý Hoàng Quyên	02/03/2002	Nữ	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2589	202940	Tô Dương Tài	17/05/2002	Nam	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2590	203177	Nguyễn Trần Lâm Kim Tân	15/10/2001	Nữ	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2591	202953	Huỳnh Như Tiền	01/11/2000	Nữ	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2592	202884	Nguyễn Huyền Trân	29/09/2002	Nữ	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2593	203341	Trần Thanh Vi	14/03/2001	Nữ	DH20QTK07		010100089020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2594	203268	Nguyễn Hồng Phúc Anh	04/08/2002	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2595	203366	Phạm Hoàng Bửu	21/05/1998	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2596	203137	Lê Hải Đăng	10/04/2002	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2597	203415	Quách Hải Đăng	22/08/2001	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2598	202969	Nguyễn Ngọc Hưng	01/06/2002	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2599	203196	Dương Hoài Lợi	05/08/2002	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2600	203376	Nguyễn Chí Nguyện	05/12/2002	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2601	203315	Châu Triệu Phú	06/04/2001	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2602	203100	Lý Hoàng Quyên	02/03/2002	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2603	202940	Tô Dương Tài	17/05/2002	Nam	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2604	203177	Nguyễn Trần Lâm Kim Tân	15/10/2001	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2605	202953	Huỳnh Như Tiền	01/11/2000	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2606	202884	Nguyễn Huyền Trân	29/09/2002	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2607	203341	Trần Thanh Vi	14/03/2001	Nữ	DH20QTK07		010100064119	Kinh tế chính trị	
2608	200584	Dương Quốc Đạt	16/02/2002	Nam	DH20QTK08		010100089019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2609	202890	Nguyễn Quang Minh	20/05/2001	Nam	DH20QTK08		010100089019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2610	203314	Mạch Ngọc Ngân	19/10/2002	Nữ	DH20QTK08		010100089019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2611	200584	Dương Quốc Đạt	16/02/2002	Nam	DH20QTK08		010100064117	Kinh tế chính trị	
2612	202890	Nguyễn Quang Minh	20/05/2001	Nam	DH20QTK08		010100064117	Kinh tế chính trị	
2613	203314	Mạch Ngọc Ngân	19/10/2002	Nữ	DH20QTK08		010100064117	Kinh tế chính trị	
2614	201601	Trần Thị Thúy An	02/03/2001	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2615	200495	Nguyễn Thị Tâm Đoan	28/09/2002	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2616	203526	Nguyễn Ngọc Duy	10/03/2002	Nam	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2617	202216	Lê Xuân Hoàng	26/11/2002	Nam	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2618	192187	Huỳnh Trần Minh Khôi	02/09/2001	Nam	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2619	201723	Võ Nguyễn Trung Kiên	28/06/2002	Nam	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2620	192337	Phạm Thị Kiều Mi	27/02/2001	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2621	201691	Trương Thị Ngọc Nghi	14/04/2002	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2622	200196	Nguyễn Văn Phát	28/06/2001	Nam	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2623	202516	Trần Ngọc Trăm	05/05/2002	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2624	202190	Nguyễn Như Ý	25/05/2002	Nữ	DH20QTN01		010100078001	Quản trị học	
2625	199376	Đào Thị Ngân Hà	25/02/2001	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2626	200629	Trang Thị Diễm Hằng	14/11/2002	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2627	200154	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/11/2001	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2628	200551	Trần Thanh Nhanh	25/04/2002	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2629	200502	Nguyễn Ngọc Thoa	16/11/2002	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2630	200994	Nguyễn Thị Minh Thư	12/04/2002	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2631	200671	Lê Văn Thuận	22/06/2002	Nam	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2632	200335	Lê Đình Bảo Trân	26/06/2002	Nữ	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2633	200846	Nguyễn Nhật Trường	14/03/2002	Nam	DH20QTS01		010100089034	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2634	200526	Trần Trí Bình	04/04/2002	Nam	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2635	199376	Đào Thị Ngân Hà	25/02/2001	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2636	200629	Trang Thị Diễm Hằng	14/11/2002	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2637	200214	Lê Thị Ngọc Hạnh	25/10/2000	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2638	200154	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/11/2001	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2639	200551	Trần Thanh Nhanh	25/04/2002	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2640	200502	Nguyễn Ngọc Thoa	16/11/2002	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2641	200994	Nguyễn Thị Minh Thư	12/04/2002	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2642	200671	Lê Văn Thuận	22/06/2002	Nam	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2643	200335	Lê Đình Bảo Trân	26/06/2002	Nữ	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2644	200846	Nguyễn Nhật Trường	14/03/2002	Nam	DH20QTS01		010100064134	Kinh tế chính trị	
2645	201504	Trần Trung Nguyên	18/09/2002	Nam	DH20QTS02		010100089033	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2646	201777	Trương Hữu Tài	16/06/2002	Nam	DH20QTS02		010100089033	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2647	201361	Nguyễn Thị Minh Thư	30/12/2002	Nữ	DH20QTS02		010100089033	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2648	201293	Nguyễn Hồng Trinh	22/09/2002	Nữ	DH20QTS02		010100089033	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2649	201470	Phan Minh Chuyền	21/07/2002	Nam	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2650	201756	Ngô Thúy Loan	22/10/2002	Nữ	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2651	201100	Võ Thị Tuyết Mai	29/07/2002	Nữ	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2652	201606	Phùng Phạm Mỹ Ngân	28/10/2002	Nữ	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2653	201504	Trần Trung Nguyên	18/09/2002	Nam	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2654	201468	Trương Trọng Nguyễn	16/09/2002	Nam	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2655	201777	Trương Hữu Tài	16/06/2002	Nam	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2656	201361	Nguyễn Thị Minh Thư	30/12/2002	Nữ	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2657	201293	Nguyễn Hồng Trinh	22/09/2002	Nữ	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2658	201162	Nguyễn Đang Trường	08/04/2002	Nam	DH20QTS02		010100064136	Kinh tế chính trị	
2659	202392	Đặng Phước An	22/07/2002	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2660	203175	Trần Huỳnh Minh Anh	09/07/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2661	203064	Phạm Nguyễn Hải Đăng	06/01/2001	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2662	202598	Lê Thị Bé Diệu	25/04/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2663	203131	Lăng Thị Mỹ Hân	26/07/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2664	201989	Trần Gia Hân	11/06/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2665	202939	Nguyễn Thị Cẩm Ly	07/08/2001	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2666	202883	Nguyễn Tùng Nhân	17/09/2002	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2667	203299	Bùi Thị Tuyết Nhung	05/02/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2668	201830	Hiệu Thị Pha	16/02/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2669	202357	Văn Hoàng Pha	25/06/2001	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2670	201980	Hữu Tha	20/05/2002	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2671	2010580	Nguyễn Hoàng Tân Thiên	17/12/2001	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2672	202009	Uông Đức Thịnh	17/03/2002	Nam	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2673	202040	Nguyễn Như Ý	31/10/2002	Nữ	DH20QTS03		010100089032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2674	202392	Đặng Phước An	22/07/2002	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2675	203175	Trần Huỳnh Minh Anh	09/07/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2676	203064	Phạm Nguyễn Hải Đăng	06/01/2001	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2677	202598	Lê Thị Bé Diệu	25/04/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2678	203131	Lăng Thị Mỹ Hân	26/07/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2679	202905	Trần Anh Kiệt	11/03/2002	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2680	202939	Nguyễn Thị Cẩm Ly	07/08/2001	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2681	202883	Nguyễn Tùng Nhân	17/09/2002	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2682	203299	Bùi Thị Tuyết Nhung	05/02/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2683	201830	Hiệu Thị Pha	16/02/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2684	202357	Văn Hoàng Pha	25/06/2001	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2685	201980	Hữu Tha	20/05/2002	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2686	2010580	Nguyễn Hoàng Tân Thiên	17/12/2001	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2687	202009	Uông Đức Thịnh	17/03/2002	Nam	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2688	202040	Nguyễn Như Ý	31/10/2002	Nữ	DH20QTS03		010100064135	Kinh tế chính trị	
2689	200956	Lữ Thoại Đức	12/08/2002	Nam	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2690	199321	Lê Nguyễn Mỹ Linh	11/10/2000	Nữ	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2691	200365	Hồ Minh Trí	29/10/2002	Nam	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2692	200910	Bùi Phan Duy Tuấn	24/11/2001	Nam	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2693	201469	Phạm Tài Vinh	26/06/2001	Nam	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2694	200159	Trần Như Ý	14/08/1999	Nữ	DH20TCN01		010100089018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2695	200275	Nguyễn Phong Hoàn	23/08/2002	Nam	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2696	199321	Lê Nguyễn Mỹ Linh	11/10/2000	Nữ	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2697	200910	Bùi Phan Duy Tuấn	24/11/2001	Nam	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2698	200466	Trần Mai Vi	26/07/2002	Nữ	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2699	201469	Phạm Tài Vinh	26/06/2001	Nam	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2700	200159	Trần Như Ý	14/08/1999	Nữ	DH20TCN01		010100064118	Kinh tế chính trị	
2701	203422	Trần Trung Dũng	02/07/2002	Nam	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2702	203572	Trịnh Bửu Gia Hân	24/08/2001	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2703	202643	Hồ Sông Huỳnh	16/04/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2704	202875	Trần Thị Thùy Ngân	08/09/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2705	202652	Bùi Thu Nguyên	15/11/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2706	2010445	Huỳnh Thanh Tâm	03/09/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2707	203310	Nguyễn Ngọc Như Ý	20/07/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2708	203031	Danh Thị Ngọc Yến	16/12/2002	Nữ	DH20TCN02		010100089017	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2709	209730	Nguyễn Thành Đang	07/03/2001	Nam	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2710	203572	Trịnh Bửu Gia Hân	24/08/2001	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2711	202643	Hồ Sông Huỳnh	16/04/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2712	202875	Trần Thị Thùy Ngân	08/09/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2713	202652	Bùi Thu Nguyên	15/11/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2714	203466	Nguyễn Thanh Phúc	20/11/2002	Nam	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2715	202774	Nguyễn Thanh Sang	08/04/2002	Nam	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2716	2010445	Huỳnh Thanh Tâm	03/09/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2717	203431	Lê Minh Tâm	16/09/2002	Nam	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2718	202776	Nguyễn Văn Thà	06/06/2001	Nam	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2719	203310	Nguyễn Ngọc Như Ý	20/07/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2720	203031	Danh Thị Ngọc Yến	16/12/2002	Nữ	DH20TCN02		010100064116	Kinh tế chính trị	
2721	200646	Trà Trọng Đài	26/02/2002	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2722	200781	Trần Hoàng Lễ	18/12/2001	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2723	200110	Lâm Nguyễn Duy Luân	24/10/2000	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2724	200396	Bành Thanh Sơn	26/05/2002	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2725	200305	Nguyễn Hoàng Tân	09/08/2001	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2726	200179	Lê Minh Thắng	04/04/1998	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2727	200726	Trương Phước Thạnh	30/07/2002	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2728	200685	Nguyễn Duy Thuận	14/07/2002	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2729	200278	Bùi Quốc Tuân	13/09/2002	Nam	DH20TIN01		010100091906	Lập trình căn bản	
2730	200787	Quách Lê Trung Hiếu	14/11/2002	Nam	DH20TIN01		010100097905	Nguyên lý hệ điều hành	
2731	200703	Phan Chế Hoài	07/11/2002	Nam	DH20TIN01		010100097905	Nguyên lý hệ điều hành	
2732	200781	Trần Hoàng Lễ	18/12/2001	Nam	DH20TIN01		010100097905	Nguyên lý hệ điều hành	
2733	200110	Lâm Nguyễn Duy Luân	24/10/2000	Nam	DH20TIN01		010100097905	Nguyên lý hệ điều hành	
2734	200278	Bùi Quốc Tuân	13/09/2002	Nam	DH20TIN01		010100097905	Nguyên lý hệ điều hành	
2735	201355	Ngô Thái Bảo	02/12/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2736	201056	Trần Tấn Đạt	05/09/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2737	200804	Phan Thanh Nhựt	09/02/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2738	200830	Nguyễn Tấn Tài	13/10/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2739	201233	Huỳnh Ngọc Thanh	02/01/2002	Nữ	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2740	200974	Dương Quang Thụy	20/08/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2741	201212	Trần Tiến	26/03/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2742	201053	Bùi Nhật Tỷ	08/12/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2743	201191	Nguyễn Chính Vĩnh	12/06/2002	Nam	DH20TIN02		010100091905	Lập trình căn bản	
2744	201056	Trần Tấn Đạt	05/09/2002	Nam	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2745	201233	Huỳnh Ngọc Thanh	02/01/2002	Nữ	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2746	200974	Dương Quang Thụy	20/08/2002	Nam	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2747	201212	Trần Tiến	26/03/2002	Nam	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2748	201053	Bùi Nhật Tỷ	08/12/2002	Nam	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2749	201191	Nguyễn Chính Vĩnh	12/06/2002	Nam	DH20TIN02		010100097906	Nguyên lý hệ điều hành	
2750	201615	Trương Gia Bảo	08/01/2001	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2751	201852	Lê Duy Khang	22/05/2001	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2752	201717	Đỗ Trường Khiêm	22/02/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2753	201992	Đặng Quốc Kiệt	15/09/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2754	201874	Nguyễn Hồng Lam	05/06/2002	Nữ	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2755	201733	Trần Bảo Ngọc	06/03/2002	Nữ	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2756	201625	Đặng Văn Quẩn	16/06/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2757	201803	Nguyễn Phước Sang	18/05/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2758	201795	Lê Phát Tài	29/04/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2759	1810451	Nguyễn Quốc Thịnh	19/09/2000	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2760	201792	Trần An Thịnh	03/12/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	
2761	201602	Dương Khang Trường	01/11/2002	Nam	DH20TIN03		010100091904	Lập trình căn bản	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2762	201615	Trương Gia Bảo	08/01/2001	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2763	201852	Lê Duy Khang	22/05/2001	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2764	201717	Đỗ Trường Khiêm	22/02/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2765	201992	Đặng Quốc Kiệt	15/09/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2766	201618	Ngô Thuận Phát	05/10/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2767	201625	Đặng Văn Quẩn	16/06/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2768	201803	Nguyễn Phước Sang	18/05/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2769	1810451	Nguyễn Quốc Thịnh	19/09/2000	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2770	201792	Trần An Thịnh	03/12/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2771	201933	Lâm Trương Khánh Trình	14/10/2001	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2772	201602	Dương Khang Trường	01/11/2002	Nam	DH20TIN03		010100097907	Nguyên lý hệ điều hành	
2773	202694	Trần Chí Cường	19/07/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2774	202635	Trần Bình Đẳng	15/01/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2775	202549	Trần Hoàng Đức	10/09/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2776	202647	Thạch Phi Hùng	03/03/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2777	202593	Nguyễn Tấn Huy	10/05/2000	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2778	202502	Võ Thiên Khắc	28/04/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2779	202546	Châu Hoàng Khang	30/11/2001	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2780	202419	Võ Thành Long	27/04/1998	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2781	202533	Nguyễn Thị Hồng Mơ	25/08/2002	Nữ	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2782	200506	Biện Ngọc Như	02/03/2002	Nữ	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2783	202667	Phạm Tấn Phát	29/10/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2784	202156	Thái Hoàng Phỉ	20/12/2000	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2785	202567	Đặng Thanh Phong	07/11/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2786	202396	Hoàng Văn Sơn	23/12/2001	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2787	202342	Lâm Phương Thảo	24/11/2002	Nữ	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2788	202451	Trần Chí Tính	27/01/2002	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2789	202620	Trần Kiện Toàn	23/05/2001	Nam	DH20TIN04		010100091903	Lập trình căn bản	
2790	202635	Trần Bình Đẳng	15/01/2002	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2791	202549	Trần Hoàng Đức	10/09/2002	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2792	202647	Thạch Phi Hùng	03/03/2002	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2793	202546	Châu Hoàng Khang	30/11/2001	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2794	202419	Võ Thành Long	27/04/1998	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2795	202533	Nguyễn Thị Hồng Mơ	25/08/2002	Nữ	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2796	202667	Phạm Tấn Phát	29/10/2002	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2797	202567	Đặng Thanh Phong	07/11/2002	Nam	DH20TIN04		010100097908	Nguyên lý hệ điều hành	
2798	203324	Nguyễn Trường An	01/10/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2799	203398	Nguyễn Vũ Anh	09/03/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2800	203418	Phạm Quốc Dương	03/03/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2801	203230	Hồ Nhật Duy	20/05/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2802	203023	Võ Phúc Hậu	03/05/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2803	203025	Phan Chí Hiếu	05/02/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2804	203088	Phạm Minh Hòa	06/06/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2805	202937	Nguyễn Chí Học	13/03/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2806	203220	Huỳnh Gia Khang	12/04/2001	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2807	202952	Nguyễn Hoài Linh	15/01/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2808	203397	Nguyễn Nhựt Linh	12/03/2003	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2809	203045	Nguyễn Ngọc Ngân	17/05/2002	Nữ	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2810	203433	Thái Minh Thiện	24/07/1997	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2811	203191	Lê Ngọc Thọ	09/07/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2812	203460	Nguyễn Trung Toàn	29/10/2001	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2813	203213	Phan Vũ Tùng	10/10/2002	Nam	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2814	202095	Nguyễn Thị Thảo Vy	06/07/2002	Nữ	DH20TIN05		010100091902	Lập trình căn bản	
2815	203324	Nguyễn Trường An	01/10/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2816	203418	Phạm Quốc Dương	03/03/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2817	203230	Hồ Nhật Duy	20/05/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2818	203023	Võ Phúc Hậu	03/05/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2819	203088	Phạm Minh Hòa	06/06/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2820	203220	Huỳnh Gia Khang	12/04/2001	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2821	203433	Thái Minh Thiện	24/07/1997	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2822	203460	Nguyễn Trung Toàn	29/10/2001	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2823	203420	Nguyễn Thanh Tú	30/12/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2824	203213	Phan Vũ Tùng	10/10/2002	Nam	DH20TIN05		010100097909	Nguyên lý hệ điều hành	
2825	199094	Lê Hùng Anh	04/11/2001	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2826	209756	Trịnh Thanh Đăng	24/12/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2827	191714	Mạch Phước Đạt	14/11/2000	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2828	192129	Nguyễn Tiến Đạt	02/12/2000	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2829	209720	Nguyễn Huỳnh Huy	09/04/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2830	209733	Nguyễn Trường Khang	28/02/2001	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2831	203737	Phạm Anh Kiệt	26/01/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2832	2010085	Nguyễn Quang Lưỡng	05/01/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2833	203869	Lê Khánh Nam	24/12/2001	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2834	2010458	Trần Anh Phú	25/01/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2835	2010606	Trần Minh Quân	04/10/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2836	201592	Bùi Trần Quang	28/09/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2837	203797	Khương Như Quỳnh	24/11/2002	Nữ	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2838	199464	Nguyễn Ngọc Tân	15/02/2001	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2839	209757	Lê Văn Thái	01/05/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2840	188104	Nguyễn Chí Thuần	09/04/2000	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2841	203565	Phạm Quốc Vĩ	21/07/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2842	199966	Trần Quốc Vĩnh	16/01/99	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2843	203680	Lâm Vũ	19/11/2002	Nam	DH20TIN06		010100091901	Lập trình căn bản	
2844	199094	Lê Hùng Anh	04/11/2001	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2845	209756	Trịnh Thanh Đăng	24/12/2002	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2846	191714	Mạch Phước Đạt	14/11/2000	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2847	192129	Nguyễn Tiến Đạt	02/12/2000	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2848	209733	Nguyễn Trường Khang	28/02/2001	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2849	2010085	Nguyễn Quang Lưỡng	05/01/2002	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2850	203869	Lê Khánh Nam	24/12/2001	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2851	203797	Khương Như Quỳnh	24/11/2002	Nữ	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2852	199464	Nguyễn Ngọc Tân	15/02/2001	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2853	209757	Lê Văn Thái	01/05/2002	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2854	188104	Nguyễn Chí Thuần	09/04/2000	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2855	199966	Trần Quốc Vĩnh	16/01/99	Nam	DH20TIN06		010100097910	Nguyên lý hệ điều hành	
2856	202573	Nguyễn Quốc Cường	06/06/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2857	203283	Lê Nhật Đăng	04/05/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2858	192132	Đinh Nhựt Duy	06/01/2001	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2859	201901	Võ Nhật Duy	31/10/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2860	200469	Phạm Nhứt Hàn	15/09/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2861	177281	Huỳnh Trung Hậu	30/09/1999	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2862	200916	Nguyễn Đức Huy	22/02/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2863	203522	Nguyễn Hoàng Huynh	31/10/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2864	202391	Lê Hoài Bảo Khanh	17/12/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2865	200097	Nguyễn Bỉnh Khiêm	15/03/2000	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2866	200749	Lê Nguyễn Đăng Khoa	27/03/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2867	199713	Đào Thanh Liêm	15/07/2000	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2868	202240	Đinh Thanh Liêm	10/02/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2869	203467	Trịnh Tấn Lực	19/11/2001	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2870	201266	Nguyễn Hoàng Nhất	19/01/2002	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2871	203519	Võ Minh Tiệp	10/03/2001	Nam	DH20XDU01		010100064114	Kinh tế chính trị	
2872	202573	Nguyễn Quốc Cường	06/06/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2873	203283	Lê Nhật Đăng	04/05/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2874	202446	Nguyễn Văn Di	30/10/2000	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2875	201229	Võ Trí Dũng	04/01/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2876	192132	Đinh Nhựt Duy	06/01/2001	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2877	201901	Võ Nhật Duy	31/10/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2878	200469	Phạm Nhứt Hàn	15/09/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2879	177281	Huỳnh Trung Hậu	30/09/1999	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2880	200916	Nguyễn Đức Huy	22/02/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2881	203522	Nguyễn Hoàng Huynh	31/10/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2882	202391	Lê Hoài Bảo Khanh	17/12/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2883	200097	Nguyễn Bỉnh Khiêm	15/03/2000	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2884	200749	Lê Nguyễn Đăng Khoa	27/03/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2885	201171	Bùi Thiện Kích	09/12/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2886	199713	Đào Thanh Liêm	15/07/2000	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2887	202240	Đinh Thanh Liêm	10/02/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2888	200407	Đường Nhựt Linh	06/01/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2889	203467	Trịnh Tấn Lực	19/11/2001	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2890	202554	Võ Huỳnh Phương Nam	20/11/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2891	201268	Lê Ngọc Nhẫn	21/03/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2892	201266	Nguyễn Hoàng Nhất	19/01/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2893	200739	Nguyễn Phú Quý	19/11/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2894	200342	Đỗ Trần Minh Tâm	21/12/2001	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2895	201774	Nguyễn Hậu Thành	09/01/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2896	202637	Bùi Minh Thuận	09/02/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2897	203519	Võ Minh Tiệp	10/03/2001	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2898	202244	Lê Nguyễn Trường Tồn	06/04/2002	Nam	DH20XDU01		010100089801	Toán cao cấp 1	
2899	200571	Lý Ngọc Anh	06/11/2002	Nữ	DH20XET01		010100114904	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2900	201085	Hà Y Phụng	15/12/2002	Nữ	DH20XET01		010100114904	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2901	200101	Ngô Hoàng Kim Phụng	16/03/2001	Nữ	DH20XET01		010100114904	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2902	191419	Nguyễn Thanh Như Ý	16/01/2001	Nữ	DH20XET01		010100114904	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2903	200571	Lý Ngọc Anh	06/11/2002	Nữ	DH20XET01		010100123001	Giải phẫu 1	
2904	200725	Nguyễn Thị Ngọc Hân	13/10/2002	Nữ	DH20XET01		010100123001	Giải phẫu 1	
2905	201085	Hà Y Phụng	15/12/2002	Nữ	DH20XET01		010100123001	Giải phẫu 1	
2906	200101	Ngô Hoàng Kim Phụng	16/03/2001	Nữ	DH20XET01		010100123001	Giải phẫu 1	
2907	200571	Lý Ngọc Anh	06/11/2002	Nữ	DH20XET01		010100064138	Kinh tế chính trị	
2908	201085	Hà Y Phụng	15/12/2002	Nữ	DH20XET01		010100064138	Kinh tế chính trị	
2909	200101	Ngô Hoàng Kim Phụng	16/03/2001	Nữ	DH20XET01		010100064138	Kinh tế chính trị	
2910	190740	Trần Gia Bảo	07/05/2001	Nam	DH20XET02		010100114903	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2911	202868	Nguyễn Thúy Duyên	20/07/2002	Nữ	DH20XET02		010100114903	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2912	201729	Lê Nhỉ Khang	05/09/2002	Nam	DH20XET02		010100114903	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2913	202719	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20/01/2000	Nữ	DH20XET02		010100114905	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2914	202005	Nguyễn Hoàng Diễm Trinh	20/03/2002	Nữ	DH20XET02		010100114905	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2915	202868	Nguyễn Thúy Duyên	20/07/2002	Nữ	DH20XET02		010100123004	Giải phẫu 1	
2916	202293	Trần Ngọc Hân	05/05/2001	Nữ	DH20XET02		010100123004	Giải phẫu 1	
2917	202146	Nguyễn Đình Hoàng	03/11/2001	Nam	DH20XET02		010100123004	Giải phẫu 1	
2918	201729	Lê Nhỉ Khang	05/09/2002	Nam	DH20XET02		010100123004	Giải phẫu 1	
2919	202719	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20/01/2000	Nữ	DH20XET02		010100123005	Giải phẫu 1	
2920	202291	Dương Mỹ Tiên	04/11/2002	Nữ	DH20XET02		010100123005	Giải phẫu 1	
2921	202005	Nguyễn Hoàng Diễm Trinh	20/03/2002	Nữ	DH20XET02		010100123005	Giải phẫu 1	
2922	190740	Trần Gia Bảo	07/05/2001	Nam	DH20XET02		010100064137	Kinh tế chính trị	
2923	202868	Nguyễn Thúy Duyên	20/07/2002	Nữ	DH20XET02		010100064137	Kinh tế chính trị	
2924	201729	Lê Nhỉ Khang	05/09/2002	Nam	DH20XET02		010100064137	Kinh tế chính trị	
2925	202719	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20/01/2000	Nữ	DH20XET02		010100064137	Kinh tế chính trị	
2926	202005	Nguyễn Hoàng Diễm Trinh	20/03/2002	Nữ	DH20XET02		010100064137	Kinh tế chính trị	
2927	203253	Dương Trung Kiên	08/01/2002	Nam	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2928	203496	Mai Linh Phi	10/02/1999	Nam	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2929	203480	Trần Quốc Quy	15/02/2002	Nam	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2930	203294	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	01/09/2001	Nữ	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2931	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2932	203868	Phan Đường Anh Thư	14/05/2001	Nữ	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2933	203544	Dương Phạm Bảo Trân	13/04/2002	Nữ	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2934	201793	Cao Anh Tuấn	21/04/2002	Nam	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2935	203539	Nguyễn Gia Vỹ	26/07/2002	Nam	DH20XET03		010100114902	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	
2936	203496	Mai Linh Phi	10/02/1999	Nam	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2937	203294	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	01/09/2001	Nữ	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	
2938	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	
2939	190542	Võ Đức Tài	14/08/2001	Nam	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	
2940	203868	Phan Đường Anh Thư	14/05/2001	Nữ	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	
2941	203544	Dương Phạm Bảo Trân	13/04/2002	Nữ	DH20XET03		010100123003	Giải phẫu 1	
2942	2010613	Nguyễn Tấn An	18/07/1997	Nam	DH20XET03		010100064141	Kinh tế chính trị	
2943	203496	Mai Linh Phi	10/02/1999	Nam	DH20XET03		010100064141	Kinh tế chính trị	
2944	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	DH20XET03		010100064141	Kinh tế chính trị	
2945	203868	Phan Đường Anh Thư	14/05/2001	Nữ	DH20XET03		010100064141	Kinh tế chính trị	
2946	203544	Dương Phạm Bảo Trân	13/04/2002	Nữ	DH20XET03		010100064141	Kinh tế chính trị	
2947	201122	Nguyễn Thị Kim Mai	13/03/2002	Nữ	DH20YKH01		011500123006	Giải phẫu 1	
2948	201027	Lưu Huỳnh Bảo Ngân	24/10/2002	Nữ	DH20YKH01		011500123006	Giải phẫu 1	
2949	200598	Đinh Thị Ánh Nguyệt	12/04/2002	Nữ	DH20YKH01		011500123006	Giải phẫu 1	
2950	200422	Nguyễn Thị Anh Thư	15/04/2002	Nữ	DH20YKH01		011500123006	Giải phẫu 1	
2951	200493	Nguyễn Hiếu Thuận	30/09/2002	Nam	DH20YKH01		011500123006	Giải phẫu 1	
2952	202176	Nguyễn Trần Có	19/09/2002	Nam	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2953	201675	Nguyễn Mạnh Khải	09/02/2002	Nam	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2954	202044	Nguyễn Thị Diễm My	12/07/2002	Nữ	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2955	200650	Trần Thị Thơm	02/07/2002	Nữ	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2956	202180	Võ Ngọc Thanh Thy	12/10/2002	Nữ	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2957	198890	Lê Văn Nhật Tín	01/06/2001	Nam	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2958	201509	Nguyễn Đăng Trường	10/04/2002	Nam	DH20YKH02		011500123005	Giải phẫu 1	
2959	202789	Nguyễn Ngọc Trường An	27/02/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2960	203178	Phạm Kỳ Chấn	14/10/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2961	2010485	Nguyễn Minh Đức	28/09/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2962	203511	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/05/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2963	203316	Nguyễn Ngọc Hà	20/07/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2964	199406	Nguyễn Xuân Khôi	13/02/2001	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2965	202734	Trần Võ Tường Nguyên	09/08/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2966	203209	Trương Quý Phương	03/12/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2967	203239	Trần Thị Hồng Quyến	18/05/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2968	203232	Lê Thị Như Quỳnh	28/06/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2969	203416	Lê Thị Hồng Thắm	06/01/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2970	203452	Phạm Phương Thảo	10/03/2002	Nữ	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2971	202991	Nguyễn Hữu Thoại	24/06/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Lớp học lại	Mã lớp học phần	Tên môn	Ghi chú
2972	203334	Kim Việt Trung	30/01/2002	Nam	DH20YKH03		011500123004	Giải phẫu 1	
2973	203803	Huỳnh Văn Anh	15/02/1995	Nam	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2974	209975	Trà Duy Bảo	18/12/2002	Nam	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2975	209731	Nguyễn Bá Giang	30/06/2002	Nam	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2976	203722	Hồ Hồng Ngọc	01/10/2001	Nữ	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2977	209979	Nguyễn Hồng Ngọc	06/12/2002	Nữ	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2978	203564	Di Nguyễn	09/09/2002	Nam	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2979	209741	Nguyễn Anh Thư	12/02/2002	Nữ	DH20YKH04		011500123003	Giải phẫu 1	
2980	2010177	Nguyễn Như Minh	24/11/2002	Nam	DH20YKH05		011500123002	Giải phẫu 1	
2981	209999	Trần Hoàng Minh	06/11/2002	Nam	DH20YKH05		011500123002	Giải phẫu 1	
2982	2010178	Lưu Mẫn Nhi	14/07/2002	Nữ	DH20YKH05		011500123002	Giải phẫu 1	
2983	2010192	Nguyễn Hữu Thái	08/10/2002	Nam	DH20YKH05		011500123002	Giải phẫu 1	
2984	2010453	Khưu Tấn Lực	24/10/2002	Nam	DH20YKH06		011500123001	Giải phẫu 1	
2985	2010446	Tô Trần Quang Nhựt	28/02/2000	Nam	DH20YKH06		011500123001	Giải phẫu 1	
2986	2010447	Nguyễn Như Phương	30/10/2001	Nữ	DH20YKH06		011500123001	Giải phẫu 1	